

SỐ THÁNG BẢY – 31/7/2025

Nhiều nước đang gánh lỗ từ đường sắt cao tốc: Bài học nào cho Việt Nam?

Những ẩn số của ngành xổ số: Hiện thực đằng sau hai chữ “kiến thiết”

Nhân quyền và lợi ích của doanh nghiệp

LUẬT KHOA

tạp chí

Đồ họa: Tùng Anh / Luật Khoa.



Luật Khoa tạp chí là một dự án
của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam
(Legal Initiatives for Vietnam),
một tổ chức phi lợi nhuận đăng ký ở
California, Hoa Kỳ theo quy chế 501(c)(3).

Địa chỉ đăng ký tại Hoa Kỳ: 1520 E. Covell Suite
B5 - 426, Davis, CA 95616.

Văn phòng chính: Đà Bắc, Đà Loan.

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long.
Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi,
Phạm Đoan Trang.

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về:
docgia@mail.luatkhoa.com

© Từ 2014

Luật Khoa tạp chí
Số tháng Bảy, 2025
Phát hành ngày 31/7/2025.

Khổ báo in: 16 cm (rộng) x 24 cm (cao)

Phiên bản PDF và EPUB
của Luật Khoa tạp chí nằm trong
các gói “Member” (\$2/tháng)
và “Supporter” (\$5/tháng)
trên www.luatkhoa.com.

Luật Khoa là tạp chí phi lợi nhuận. Toàn bộ
doanh thu được tái đầu tư để phát triển tạp chí.

LỜI TÒA SOẠN

Kỷ nguyên Vin mình

Thế hệ lãnh đạo mới thời kỳ hậu Nguyễn Phú Trọng đang cải cách hệ thống theo phong cách “hành quân thần tốc”, như thể suốt mười mấy năm trước đó dòng thác cải cách này đã bị con đập Nguyễn Phú Trọng chặn đứng lại.

Kỷ nguyên vươn mình được tuyên truyền là dự án chung của cả quốc gia, hối thúc mọi người làm việc, cống hiến, và thậm chí là hy sinh. Khu vực kinh tế tư nhân lần đầu tiên được long trọng tuyên bố là động lực chính của nền kinh tế quốc dân. Không khó để nhận ra dáng dấp của thời kỳ dờn non lấp biển của Hàn Quốc và Đài Loan trong nửa sau của thế kỷ XX. Cảm hứng từ các mô hình nhà nước kiến tạo phát triển Á Đông vẫn len lỏi sâu vào tư duy và chính sách của Tô Lâm lẫn các thuộc cấp của ông.

Trong không khí ấy, ai vươn được hăng còn phải hậu xét, nhưng đại doanh nghiệp Vingroup chắc chắn đang đi những bước táo bạo nhất của mình từ xưa tới nay. Từ dự án đường sắt cao tốc trị giá 67 tỷ USD, dự án đường sắt Hà Nội - Quảng Ninh (5,4 tỷ USD), dự án đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh - Cần Giờ (4 tỷ USD), đến các tuyến metro ở Hà Nội hay khu đô thị lấn biển Cần Giờ (8,5 tỷ USD).

Không có lý do gì để không vui mừng khi một doanh nghiệp Việt Nam ăn nên làm ra một cách chính đáng. Muốn kinh tế tư nhân phát triển không những cần chính sách phù hợp mà còn cần một nền văn hóa tôn trọng người giàu, không coi người giàu là kẻ thù hay đối tượng để bài xích như chúng ta đã từng làm trong một thời kỳ hết sức ngớ ngẩn của thế kỷ trước.

Ở Luật Khoa, chúng tôi tôn trọng quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp như tôn trọng quyền tự do báo chí của chính mình. Thậm chí, bản thân Luật Khoa cũng cần được tự do kinh doanh báo chí trên chính đất nước mình (mà đến nay chưa được). Chúng tôi quan tâm tới Vingroup - cũng như bất kỳ doanh nghiệp nào khác - từ lăng kính của lợi ích công cộng.

Trong khi những doanh nghiệp báo chí như Luật Khoa không được phép tồn tại ở Việt Nam, chúng tôi lại thấy các báo nhà nước đang biệt đãi Vingroup. Không có gì quá lời khi nói bên cạnh vai trò là chiếc loa của Đảng Cộng sản Việt Nam, báo chí nhà nước còn đang đóng phận sự chiếc loa của Vingroup. Một bên là một đảng chính trị đặt trên nền tảng tư tưởng là xóa bỏ giai cấp tư sản, một bên là nhà tư sản lớn nhất cả nước.

Không một phóng sự điều tra, không một bài báo chất vấn, không một bản tin bất lợi nào về Vingroup xuất hiện trên báo chí nhà nước. Ngay cả hình ảnh chiếc xe (có vẻ giống) VinFast trong vụ cháy chung cư Độc Lập gần đây cũng biến mất không dấu tích. Và còn biết bao nhiêu tai nạn khác liên quan tới Vingroup chưa từng được xuất hiện trên mặt báo. Những ai lên tiếng chỉ trích Vingroup thì hậu quả là giấy mời của công an.

Một vấn đề công nữa mà chúng tôi quan tâm là các đại dự án của Vingroup được phê duyệt như thế nào, ngân sách được sử dụng ra sao, bởi chắc chắn công chúng nói chung và những người bị ảnh hưởng nói riêng không được tham gia một cách có ý nghĩa vào tiến trình ra quyết định. Tựa hồ như Vingroup múa gậy vườn hoang, không cần đoái hoài gì đến công luận và không phải chịu trách nhiệm gì cho những vi phạm (có thể có) của họ.

Trong một diễn biến gần đây, khi Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu Hà Nội cấm xe máy chạy xăng ở nội đô, bóng dáng của xe điện VinFast lại một lần nữa bao trùm các thảo luận xã hội. Một quyết định ảnh hưởng tới hàng triệu người và có tiềm năng làm lợi cho Vingroup nhưng không thông qua bất kỳ cơ chế tham vấn xã hội nào và được ban hành một cách vội vã theo kiểu đánh úp. Cơ chế ra quyết định như vậy không giúp ích gì cho tính chính danh của cả chính quyền lẫn Vin quyền.

Nếu Vingroup được múa gậy vườn hoang thì kỷ nguyên vươn mình đích thực là kỷ nguyên Vin mình.

Số báo tháng này sẽ cập nhật và phân tích những hoạt động mới và rất rầm rộ của Vingroup để bạn đọc hiểu thêm về những khía cạnh công cộng trong hoạt động của doanh nghiệp tư nhân này.

Trịnh Hữu Long
Tổng Biên tập

- 10** *Bảo Khánh & Lê Lộc*
Tin tháng Bảy, 2025
- 24** *Thiên Lương*
Nhiều nước đang gánh lỗ từ đường sắt cao tốc: Bài học nào cho Việt Nam?
- 33** *Chân Nhỗi Bông*
Hà Nội chuẩn bị cấm xe máy chạy xăng và lý do vì sao bạn nên có một chiếc bay
- 36** *Hiếu Mạnh*
Những ẩn số của ngành xổ số: Hiện thực đằng sau hai chữ “kiến thiết”
- 44** *Thiên Lương*
Mỹ áp thuế 20%: Hàng “Made in Vietnam” có thực sự “nội địa”?
- 50** *Hiếu Mạnh*
Hàng giả tràn lan: lỗi ở người tiêu dùng hay do chính quyền buông lỏng?
- 58** *Sùng Chính*
Toàn cảnh vụ quấy rối tình dục ở công ty sách Nhã Nam
- 66** *Trịnh Hữu Long*
Nhân quyền và lợi ích của doanh nghiệp
- 69** *Đan Thanh*
Chuyện đánh giá tác động nhân quyền của doanh nghiệp: từ cương lĩnh tới đời thực còn rất xa
- 74** *Lê Giang*
Kỳ 5: Tự do ngôn luận trong quy định của Hiến pháp một số quốc gia
- 77** *Lê Giang*
Kỳ 6: Tự do ngôn luận trong các bản hiến pháp Việt Nam
- 83** *Lê Giang*
Kỳ 7: 3 nhánh biểu đạt ngôn luận tại Việt Nam
- 88** *Trịnh Hữu Long*
Internet: Một thời đã xa
- 94** *Sùng Chính & Lê Giang*
Timeline: Sửa đổi Bộ luật Hình sự ở Việt Nam
- 106** *Trịnh Hữu Long*
LIV giữa năm 2025: Giai đoạn khó khăn, bước ngoặt quan trọng
- 112** *Trần Bình Thân*
“Đốt lò” ở Đài Loan: “Củi” nhiều hay ít? Còn tùy bạn hỏi ai.
- 117** *Trần Bình Thân*
Tại sao “đốt lò” ở Việt Nam thất bại?
- 120** *Dương Ngọc Thanh Thiên*
Dân chủ hóa tại Đài Loan – Kỳ 1: Học thuyết Tôn Trung Sơn và nền tảng tư tưởng lập hiến
- 125** *Thúc Kháng*
Tư duy “hoặc bạn, hoặc thù” và sự sống dai của một câu văn thời chiến
- 128** *Hoàng Hải*
Diêm Liên Khoa và màn chất vấn lịch sử – chính trị Trung Quốc bằng tiểu thuyết giả tưởng
- 132** *Ái Thư*
André Menras và hành trình đi tìm công lý cho Hoàng Sa Ái Thư 08/07/2025

TIN THÁNG BẢY, 2025

Bảo Khánh & Lê Lộc

Các sự kiện nổi bật trong tháng Bảy:

- Ba lãnh đạo thuộc hàng “tứ trụ” cùng nhiều cán bộ cấp cao bị kỷ luật;
- Lộ trình và giải pháp liên quan đến cấm xe xăng ở Hà Nội, TP. HCM;
- Khó khăn trong vận hành chính quyền mới;
- Lật tàu Vịnh Xanh 58 ở Hạ Long;
- Bão số 3 đổ bộ gây nhiều thiệt hại, Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nghệ An kêu gọi quyên góp;
- Cháy chung cư Độc lập ở TP. HCM, báo nhà nước gỡ bài;
- Kết quả thuế quan Việt - Mỹ khiến các lãnh đạo bất ngờ.

BA CỰU LÃNH ĐẠO

THUỘC HÀNG

“TỨ TRỤ” CÙNG

NHIỀU CÁN BỘ

CẤP CAO BỊ KỶ LUẬT

Vào ngày 19/7, tại Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 13, Tổng bí thư Tô Lâm đã công bố việc kỷ luật đối với ba cựu lãnh đạo thuộc hàng “tứ trụ” bao gồm: ông Nguyễn Xuân Phúc (cựu chủ tịch nước), ông Võ Văn Thưởng (cựu chủ tịch nước) và ông Vương Đình Huệ (cựu chủ tịch quốc hội). Ba vị cựu lãnh đạo cấp cao này bị kỷ luật bằng hình thức “cách tất cả các chức vụ trong đảng”.

- Việc ba cựu lãnh đạo thuộc hàng “tứ trụ” cùng bị xử lý kỷ luật bằng hình thức này là điều chưa từng có tiền lệ.
- Vào cuối năm 2024, ông Phúc và ông Huệ đã lần lượt bị kỷ luật cảnh cáo. Riêng ông Thưởng chưa bị xử lý kỷ luật trước đây vì đang điều trị bệnh.
- Đáng chú ý, trước đó nhiều báo nhà nước như VnExpress đã đăng tải thông tin này thành tiêu đề chính. Nhưng chỉ sau ít phút, các báo đã đồng loạt gỡ bài và thay bằng nguyên văn phát biểu của ông Tô Lâm. Trong đó, thông tin về việc kỷ luật chỉ còn là một nội dung nhỏ thuộc phần công tác cán bộ.
- Trước đó, vào tháng 6/2025, báo VnExpress đưa tin Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch đang đề xuất không tổ chức quốc tang đối với các cán bộ thuộc hàng “tứ trụ” nếu nghỉ công tác do vi phạm. Theo đó, với việc chịu kỷ luật, ba ông Phúc, Thưởng, Huệ ngoài mất đặc quyền được tổ chức quốc tang còn bị ảnh hưởng đến các chế độ liên quan nếu mất cả chức danh nguyên lãnh đạo nhà nước.
- Trùng hợp là sự kiện này diễn ra đúng dịp một năm ngày mất của cố Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng. Dưới thời ông Trọng, những nhân vật trong “tứ trụ” khi vi phạm thường chủ động xin thôi chức vụ để “hạ cánh an toàn”. Tuy nhiên, mọi chuyện đã khác kể từ khi ông Tô Lâm giữ chức tổng bí thư.

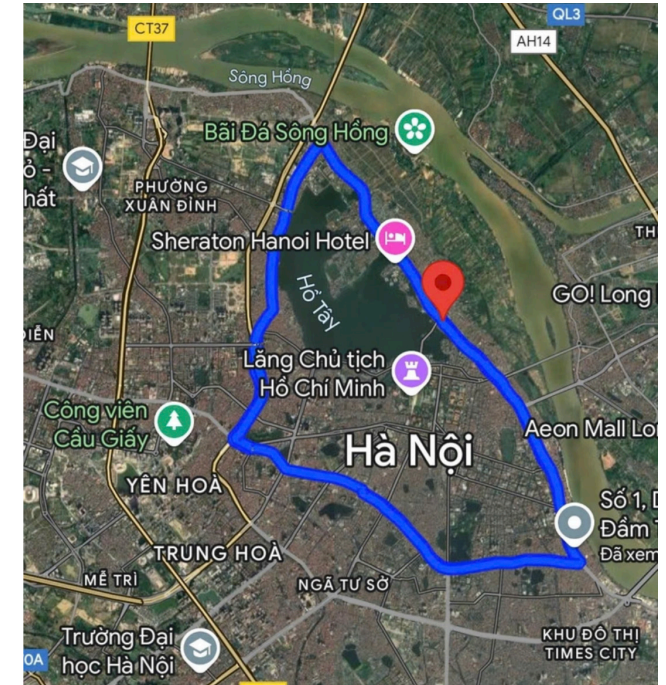


Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 12 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa 13. Nguồn: Báo VNExpress.

Bên cạnh việc kỷ luật ba cựu cán bộ cấp cao, trước thềm đại hội đảng toàn quốc lần thứ 14, trung ương đảng cũng quyết định khai trừ khỏi đảng đối với bà Nguyễn Thị Kim Tiến (cựu bộ trưởng Bộ Y tế). Ngoài ra, một số lãnh đạo khác như ông Đỗ Đức Duy (bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Môi trường) và ông Võ Chí Công (trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy Cần Thơ) cũng bị cho thôi giữ chức vụ trong Ban chấp hành Trung ương khóa 13.

Ngày 12/7, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ban hành Chỉ thị 20/CT-TTg, yêu cầu Hà Nội cấm xe mô tô, xe gắn máy sử dụng nhiên liệu hóa thạch (xăng, dầu) vào khu vực vành đai 1 từ ngày 1/7/2026. Dự kiến đến ngày 1/1/2028 sẽ hạn chế cả ô tô cá nhân sử dụng nhiên liệu hóa thạch lưu thông trong vành đai 1 và 2; đến năm 2030 áp dụng với toàn bộ phương tiện cá nhân chạy bằng xăng, dầu trong phạm vi vành đai 3. Ngoài ra, chỉ thị này cũng yêu cầu nghiên cứu tăng lệ phí trước bạ, lệ phí đăng ký, cấp biển số và giá giữ xe trong trung tâm đối với phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Trước đó, việc hạn chế xe máy đã được đề cập vào năm 2017, trong Nghị quyết số 04 do Hội đồng nhân dân TP. Hà Nội ban hành.



Phạm vi khu vực vành đai 1 dự kiến sẽ cấm xe máy chạy xăng kể từ 7/2026. Nguồn: Người lao động.

Báo nhà nước đưa tin rằng hầu hết người dân ủng hộ việc hạn chế xe xăng, dầu để bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, theo ghi nhận của phóng viên *Luật Khoa tạp chí* từ các nền tảng mạng xã hội, phần lớn người dân bày tỏ sự lo ngại và bức xúc trước chỉ thị này.

Rất nhiều vấn đề liên quan đến chỉ thị cấm xe máy xăng được đưa ra tranh luận sôi nổi:

- Dư luận đặt ra nhiều nghi vấn về lý do thực sự của kế hoạch cấm xe xăng tại Hà Nội. Nhiều người cho rằng đối tượng hưởng lợi nhiều nhất từ chính sách này là công ty VinFast của ông Phạm Nhật Vượng.
- Người dân và giới chuyên gia cũng lo ngại rằng việc cấm xe máy xăng quá sớm có thể dẫn đến khủng hoảng. Nhìn vào thực tế, nhiều người nhận định hạ tầng giao thông công cộng hiện tại của Hà Nội khó có thể sẵn sàng để cấm xe xăng.

**CẤM XE MÁY CHẠY XĂNG
VÀO VÀNH ĐAI 1
TỪ THÁNG 7/2026,
HÀ NỘI, TP. HCM
PHẢI LÊN PHƯƠNG ÁN
“GIAO THÔNG XANH”**

- Nhiều ý kiến cho rằng cấm xe xăng, dầu và tập trung vào xe điện không phải là giải pháp trụ cột để xanh hóa giao thông. Việc chuyển đổi một lượng lớn phương tiện sang xe điện đặt ra hàng loạt vấn đề nan giải như: hạ tầng cung cấp điện, trạm sạc, thiết bị sạc tại nhà, phòng chống cháy nổ pin, tái chế pin, v.v.

Để tạo tiền đề đáp ứng các nhu cầu cơ sở hạ tầng cho việc cấm xe xăng theo Chỉ thị 20, TP. Hà Nội và TP. HCM là hai thành phố tiên phong áp dụng “chuyển đổi xanh” bằng nhiều phương án khác nhau.

- Ngày 14/7, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) TP. Hà Nội Dương Đức Tuấn đã nêu những giải pháp nhằm hỗ trợ người dân chuyển đổi xe xăng, dầu sang xe điện. Theo ông Tuấn, những chính sách này áp dụng cho khoảng 450.000 xe máy đang hoạt động trong khu vực vành đai 1.
- Ngày 24/7, UBND TP. Hà Nội ban hành Thông báo số 459 yêu cầu các sở, ngành khẩn trương hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ người dân chuyển từ phương tiện xăng dầu sang xe điện hoặc phương tiện công cộng, công việc này phải được hoàn tất trong tháng 8/2025.
- Cũng trong giai đoạn này, Hà Nội đang lên kế hoạch phát triển hệ thống hạ tầng sạc điện công cộng với các chính sách ưu đãi đầu tư như: trong 5 năm đầu, hỗ trợ 70% lãi vay cho dự án xây trạm sạc, miễn 100% tiền thuê đất và hỗ trợ 50% chi phí giải phóng mặt bằng cho các bãi đỗ có ít nhất 30% chỗ đỗ được lắp trụ sạc.
- Đồng thời, TP. Hà Nội đề xuất miễn toàn bộ lệ phí trước bạ và đăng ký biển số cho xe điện cá nhân đến hết năm 2030, nhằm khuyến khích người dân chuyển đổi sớm.
- Ở phía Nam, TP. HCM cũng đang có những động thái tương tự. TP. HCM đã chủ động xây dựng đề án hạn chế xe có mức phát thải cao tại các khu vực.

Theo dự thảo đề án của Viện Nghiên cứu Phát triển TP. HCM (HIDS), từ đầu năm 2026, người dùng xe máy chạy xăng không thể đăng ký để trở thành tài xế công nghệ trên các ứng dụng. Lộ trình đến đầu năm 2029, TP. HCM sẽ cấm hoàn toàn tài xế công nghệ sử dụng xe máy xăng.

Theo HIDS, người mua xe điện lần đầu sẽ được miễn lệ phí trước bạ, biển số, giấy chứng nhận xe điện lần đầu trị giá khoảng 3 triệu đồng/xe, được hoàn thuế VAT theo từng chuyến xe (khoảng 6.400 đồng/chuyến trị giá 80.000 đồng). TP. HCM hỗ trợ ít nhất 2% lãi suất cho các khoản vay mua xe điện với kỳ hạn 24 đến 30 tháng khi người dân làm thủ tục vay tại Tổ chức tài chính vi mô CEP và nhiều ngân hàng khác. Các chương trình “đổi xe xăng, lấy xe điện” cũng đồng loạt được tổ chức với sự tham gia của các đơn vị như VinFast, Selex, Dat Bike, v.v.

- Ngày 23/7, Sở Xây dựng TP. HCM đã gửi văn bản đến các đơn vị trực thuộc để yêu cầu triển khai nghiên cứu quy định kiểm định khí thải định kỳ đối với xe máy, đồng thời xây dựng cơ chế loại bỏ xe máy cũ, thứ được cho là nguyên nhân chính gây ô nhiễm và mất an toàn giao thông trong đô thị.



Một điểm diễn ra sự kiện “đổi xe xăng, lấy xe điện” tại TP. HCM.
Nguồn: Trang tin điện tử 24h.

NHIỀU KHÓ KHĂN, TRỰC TRẠC XẢY RA KHI VẬN HÀNH MÔ HÌNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP

Ngày 1/7, mô hình chính quyền hai cấp chính thức đi vào hoạt động với nhiều kỳ vọng về sự tinh gọn, mạnh mẽ và thuận tiện phục vụ người dân giải quyết các thủ tục hành chính. Tuy nhiên, sự thay đổi này vẫn tiếp tục bộc lộ những hạn chế gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp và cả chính các cán bộ địa phương.

- Theo đó, nguyên nhân lớn nhất đến từ sự đồng bộ hóa chưa đầy đủ thông tin từ nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia đến các cổng thông tin dịch vụ công; việc phân cấp, phân quyền trong tiếp cận thông tin qua kênh trực tuyến cho chính quyền cấp xã mới cũng chưa được đáp ứng đầy đủ; một số trực trực khác liên quan đến đường truyền bị tắc nghẽn, trang dịch vụ công gặp lỗi kỹ thuật cũng thường xuyên xảy ra.
- Hơn nữa, một số thủ tục hành chính (như cấp giấy phép lái xe, cấp phù hiệu xe, đăng ký thành lập và cấp phép hoạt động cho doanh nghiệp, v.v.) vẫn đang được các địa phương giải quyết thông qua hệ thống thông tin riêng của các bộ, ngành mà chưa được tích hợp đồng bộ với hệ thống giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh, dẫn đến tình trạng thiếu liên thông, gây chồng chéo trong quản lý và tạo ra khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.
- Nhiều doanh nghiệp, hộ kinh doanh gặp vướng mắc trong giải quyết thủ tục thuế như sai lệch địa chỉ xuất hóa đơn, không kê khai được thuế do chưa cập nhật thông tin doanh nghiệp hay doanh nghiệp bối rối khi khai thuế do các chi cục thuế lần lượt đổi tên, địa chỉ sau sáp nhập. Nguyên nhân lớn nhất vẫn là sự thiếu đồng bộ thông tin doanh nghiệp với Cổng Thuế điện tử (eTax).
- Mặt khác, việc thay đổi cơ quan làm việc cũng dẫn đến nhiều xáo trộn trong đời sống cán bộ, công chức, viên chức và người dân. Với nhóm công quyền, ghi nhận cho thấy nhiều người phải dậy sớm hơn, từ 4h - 5h sáng để có thể bắt kịp chuyến xe đưa đến trụ sở làm việc và về nhà

cũng muộn hơn, do phải di chuyển có khi lên đến hàng trăm cây số.

- Với một số người dân, họ cũng phải dần làm quen với việc đi xa hơn từ vài cây số đến hàng chục cây số để có thể tiếp cận các dịch vụ công do nhiều trụ sở làm việc của các cơ quan nhà nước trước đây bị gộp lại thành một.



Một trung tâm phục vụ hành chính công sau hơn 3 tuần triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại TP. Hồ Chí Minh. Nguồn: VTV Online.

Phóng viên của *Luật Khoa tạp chí* đã đi thực địa và ghi nhận tại các điểm phục vụ hành chính công ở Hà Nội, cho thấy:

- Vướng mắc xảy ra đa số ở các thủ tục về đất đai (như cấp mới sổ đỏ, đính chính, trích lục bản đồ địa chính, v.v), tiếp đó là thủ tục liên quan đến doanh nghiệp, hộ kinh doanh (như đăng ký mới, khai báo thuế, v.v.) và một vài lĩnh vực khác như hộ tịch, an sinh xã hội.
- Công việc ùn ứ, cơ sở không đủ nhân lực nên buộc phải nhờ tình nguyện viên của đoàn thanh niên, nhờ các luật sư và luật sư tập sự của các tổ chức hành nghề luật trên địa bàn hỗ trợ.
- Hệ thống dịch vụ công trực tuyến bị quá tải, đôi lúc bị sập trang chủ, thông tin người dân không khớp với những gì họ khai báo, một số thủ tục còn phải làm thủ công, v.v.

LẬT TÀU Ở VỊNH HẠ LONG KHIẾN HÀNG CHỤC NGƯỜI THIỆT MẠNG

Chiều 19/7, tàu du lịch Vịnh Xanh 58 (còn có tên Wonder Sea) đã bị lật úp sau khi rời bến cảng Bãi Cháy khoảng 35 phút. Tại thời điểm xảy ra sự cố, tàu đang di chuyển qua vùng biển phía đông hang Đầu Gỗ, chở theo 46 hành khách và 3 thuyền viên.

Sau tai nạn thương tâm, chỉ có mười người sống sót, còn 39 người đã thiệt mạng, thi thể nạn nhân cuối cùng được tìm thấy vào chiều ngày 26/7. Nguyên nhân tử vong của các nạn nhân chủ yếu do mắc kẹt trong khoang tàu và kiệt sức khi tự tìm cách thoát thân.



Tàu Vịnh Xanh 58 bị lật ở vịnh Hạ Long chiều 19/7. Nguồn: Báo Thanh niên.

- Tàu Vịnh Xanh 58 được đóng vào năm 2015 với công dụng phục vụ du lịch và được chở tối đa 48 hành khách. Con tàu này dài 24 mét, rộng 6 mét, tải trọng 12 tấn, có đáy phẳng. Tại thời điểm xuất bến, tàu đủ điều kiện về đăng kiểm (giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa còn hạn đến ngày 4/2/2026) và có hệ số an toàn ổn định là 2,3 - cao hơn mức tối thiểu theo quy chuẩn là 1.
- Vào buổi sáng hôm xảy ra tai nạn, các bản tin thời tiết định kỳ từ Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quảng Ninh đều dự báo thời tiết tốt, gió cấp 2-3, không có dấu hiệu bất thường. Tuy nhiên, vào khoảng 13h30, một cơn dông đi kèm mưa đá và gió mạnh bất thường đã quét qua khu vực

Đầu Gỗ – Ti Tốp khiến tàu mất ổn định và bất ngờ lật úp chỉ trong vài phút.

- Đáng chú ý là GPS và hệ thống theo dõi hành trình của tàu đã ngắt kết nối lúc 14h05, phải đến 15h30, lực lượng biên phòng tỉnh mới nhận được thông tin tai nạn đầu tiên.
- Theo các chuyên gia, tàu Vịnh Xanh 58 dù có gắn GPS và thiết bị nhận dạng tự động AIS, nhưng không được trang bị thiết bị vô tuyến chỉ báo vị trí khẩn cấp tự động như EPIRB (có thể phát tín hiệu vệ tinh ngay khi tàu chìm hoặc lật). Trong trường hợp này, nếu thuyền trưởng không kịp phát tín hiệu thủ công qua bộ đàm hay nút AIS thì hệ thống sẽ hoàn toàn “im lặng” trước tai nạn.
- Theo lời kể từ những người sống sót, trong gần hai giờ đầu sau vụ lật tàu, không có lực lượng chức năng nào tiếp cận hiện trường. Vậy nên các nạn nhân đã tự cứu nhau, dùng tay đập cửa thoát hiểm, có người kéo được người khác ra nhưng bản thân lại kiệt sức tử vong.
- Cho đến 15 giờ ngày 24/7, vẫn chưa có một cá nhân, cơ quan, tổ chức nào đứng ra nhận trách nhiệm về vụ chìm tàu này.
- Được biết, tại Quảng Ninh, cơ quan công an là một trong các lực lượng có nhiệm vụ đảm bảo an toàn hàng hải và trật tự du lịch tại khu vực Vịnh Hạ Long. Trong tháng 3/2025, đoàn kiểm tra liên ngành từng công bố đã kiểm tra, rà soát toàn bộ tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long và vịnh Bái Tử Long, tập trung vào hồ sơ pháp lý và tiêu chuẩn kỹ thuật của từng phương tiện.
- Ngày 28/7, Phó Thủ tướng thường trực Nguyễn Hòa Bình đã có chỉ đạo liên quan đến giải pháp xử lý lỗ hổng từ vụ lật tàu Vịnh Xanh 58. Phó thủ tướng cũng yêu cầu làm rõ việc tàu lật mà hai tiếng sau mới có tin báo.

BÃO SỐ 3 ĐỔ BỘ GÂY NHIỀU THIẾT HẠI, MẶT TRẬN TỔ QUỐC TỈNH NGHỆ AN KÊU GỌI QUYÊN GÓP



Nhiều khu vực ở các xã miền núi phía Tây tỉnh Nghệ An ngập lụt do bão số 3. Nguồn: Báo Thanh niên.

Sáng 19/7, cơn bão số 3 trong năm có tên quốc tế là Wipha đã đi vào Biển Đông với cường độ mạnh cấp 10, giật cấp 12. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia đánh giá đây là cơn bão rất nguy hiểm với vận tốc di chuyển nhanh và có phạm vi ảnh hưởng rộng.

- Vào trưa 22/7, tâm bão Wipha đi vào đất liền các tỉnh Hưng Yên – Ninh Bình với sức gió mạnh cấp 8, giật cấp 10, giảm nhẹ so với dự báo trước đó.
- Tính đến 8 giờ ngày 28/7, cơn bão và hoàn lưu bão, mưa lũ đã làm bảy người chết, mười người bị thương, bốn người mất tích. Trước đó, Cục Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cho biết bão Wipha đã làm 720 ngôi nhà bị hư hỏng, tốc mái; hơn 5.400 ha lúa và hoa màu bị thiệt hại; hơn 26.000 gia súc, gia cầm bị chết hoặc cuốn trôi.

CHÁY CHUNG CƯ KHIẾN 8 NGƯỜI THIỆT MẠNG TẠI TP. HCM, HÀNG LOẠT BÀI BÁO BỊ GỖ



Hình ảnh chiếc xe nghi là xe điện VF3 của VinFast tại hiện trường vụ cháy chung cư Độc Lập do Báo Dân Trí đăng tải (sau đó đã gỡ bài). Nguồn: Báo Tiếng dân.

Vào đêm ngày 6/7, hỏa hoạn bùng phát từ một căn hộ tầng trệt và nhanh chóng lan rộng tại chung cư Độc Lập, đường Đô Đốc Long, phường Phú Thọ Hòa, TP. HCM. Đám cháy đã làm 8 người thiệt mạng (trong đó có 6 người lớn, 2 trẻ em) và ba căn nhà bị thiêu rụi.

- Khi xảy ra vụ cháy, các nạn nhân bị mắc kẹt vì tầng trệt của chung cư chỉ có một lối đi, ở các tầng trên mới có lối thoát hiểm.
- Ngày 7/7, Phó Thủ tướng Thường trực Nguyễn Hòa Bình ký Công điện số 105/CD-TTg, yêu cầu nhanh chóng điều tra nguyên nhân vụ cháy. Văn bản này cũng nêu rõ sẽ xử lý nghiêm vi

phạm (nếu có) của các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định pháp luật.

Trước sự việc này, có nhiều nghi vấn đặt ra về nguyên nhân vụ cháy.

- Ngày 8/7, Công an TP. HCM cho biết nguyên nhân ban đầu của vụ cháy là do chập đường dây điện. Đường dây điện này được xác định là do người dân tự đấu nối để dẫn điện cho các thiết bị tại căn hộ 0.20, dẫn đến làm cháy căn hộ này và căn hộ liền kề 0.19.
- Trước đó, trên các trang mạng xã hội đã xuất hiện thông tin xe điện VinFast phát nổ gây nên hỏa hoạn tại chung cư. Thông tin này xuất phát từ bức ảnh về một chiếc xe (nghĩ là xe điện VF3 của VinFast) tại hiện trường vụ cháy. Một vài báo nhà nước và trang mạng như VTC News, Dân Trí, CafeBiz đã đăng tải bức ảnh này cùng với thông tin về việc xe điện phát nổ gây hỏa hoạn. Tuy nhiên, các bài viết đã nhanh chóng bị gỡ bỏ.

Ngày 2/7, Tổng thống Donald J. Trump đã tuyên bố trên mạng xã hội Truth (Truth Social) về mức áp thuế thương mại đối ứng Việt Nam - Hoa Kỳ là 20%, đây là kết quả sau cùng qua các vòng đàm phán thương mại giữa hai nước.

Theo tờ Politico, qua cuộc điện đàm với Tô Lâm, chính quyền Trump áp mức thuế 20% cho hàng hoá Việt Nam vào Mỹ và 40% đối với hàng hóa “quá cảnh” (transshipping) tại Việt Nam để xuất khẩu sang Mỹ. Thêm vào đó, Việt Nam phải mở cửa thị trường hoàn toàn cho hàng hóa Mỹ với mức thuế 0%.

Các nguồn tin từ Politico và Bloomberg cho biết, tuyên bố đơn phương này của Tổng thống Trump đã gây nên sự “bất ngờ, thất vọng và tức giận” cho giới lãnh đạo Việt Nam khi mức thuế thương mại đối ứng được họ kỳ vọng ban đầu tối đa là 11%.

Mức thuế được công bố vẫn bị cho là cao và mang tính phức tạp nói chung trên toàn khu vực ASEAN. Ngoài ra, mức thuế 40% cho hàng hoá “quá cảnh” cũng thiếu hướng dẫn pháp lý cụ thể về loại hàng hóa nào sẽ được xác định là hàng “tuồn” từ Trung Quốc, dẫn đến các rủi ro pháp lý và chi phí tuân thủ phát sinh lên doanh nghiệp Việt Nam.

Mặt khác, theo đánh giá của RFA, Việt Nam đang đứng trước cơ hội mở cửa hàng xuất khẩu nhưng thiếu nội lực bức phá. Mức chênh lệch thuế quan với Mỹ giữa Việt Nam và Trung Quốc có tiềm năng khôi phục lợi thế về thuế mà Việt Nam từng được hưởng so với Trung Quốc, mở ra cơ hội cho Việt Nam thu hút thêm dòng vốn và chuỗi cung ứng, nhất là trong công nghiệp phụ trợ.

Nhiều doanh nghiệp Trung Quốc đã đón đầu xu hướng này bằng cách mở rộng sản xuất tại Việt Nam. Tuy nhiên, các chuyên gia cảnh báo Việt Nam vẫn chủ yếu đảm nhận khâu lắp ráp cuối, không làm chủ công nghệ.

Trả lời phỏng vấn của RFA, tiến sĩ Nguyễn Huy Vũ (từ Na Uy) cho rằng thách thức lớn nhất không chỉ là hút vốn FDI mà còn phải dùng nó để phát triển công nghiệp hỗ trợ, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo. Nếu không, Việt Nam sẽ mãi nằm ở tầng thấp của chuỗi giá trị. Dù có cải tổ bộ máy đi nữa thì Việt Nam cũng sẽ không nắm bắt được cơ hội nếu “những con người cũ kỹ” vẫn còn trong bộ máy.

Trong một diễn biến khác, chính quyền Trump tiếp tục công bố các mức thuế thương mại đối ứng lần lượt cho Brazil (50%), Sri Lanka (30%), Algeria (30%), Thái Lan (36%), Libya (30%), Philippines (20%) và riêng Indonesia (19%) thậm chí có mức áp thuế thấp hơn cả Việt Nam.

LÃNH ĐẠO VIỆT NAM

BẤT NGỜ TRƯỚC

MỨC THUẾ KHÔNG

ĐẠT KỲ VỌNG

TRONG CUỘC ĐÀM

PHÁN THUẾ QUAN

THƯƠNG MẠI

VIỆT NAM - HOA KỲ



Nguồn ảnh: Boarding1Now.

NHIỀU NƯỚC ĐANG GÁNH LỖ TỪ ĐƯỜNG SẮT CAO TỐC: BÀI HỌC NÀO CHO VIỆT NAM?

Thiên Lương

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 11/07/2025.

Kinh nghiệm kinh doanh thừa lỗ, thiếu lãi từ nhiều công trình đường sắt cao tốc trên thế giới có thể là bài học đáng giá cho Việt Nam, trong lần đầu triển khai xây dựng loại hình giao thông này.

Trong khi Việt Nam chỉ mới hình thành ý tưởng xây dựng đường sắt cao tốc từ những năm 2000, và chỉ vừa mới rục rịch triển khai gần đây, nhiều quốc gia khác trên thế giới đã có những hệ thống đường sắt cao tốc (HSR) tiên tiến từ mấy thập niên trước. Những thành công hay thất bại từ các dự án tiên phong trong lĩnh vực giao thông này, sẽ gợi mở những gì cho chiến lược phát triển hiện tại của Việt Nam?

VÒNG XOÁY NỢ NẶN VÀ THUA LỖ CỦA CÁC DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT CAO TỐC

Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), phần lớn các dự án HSR đều thua lỗ. Đơn cử như Shinkansen của Nhật Bản, được coi là dự án tiên phong trong lĩnh vực giao thông vận tải này. Thế nhưng, chính phủ Nhật đã phải chấp nhận thua lỗ trong nhiều năm, sau khi đã phải đầu tư gần 100% vốn với 380 tỷ yên (gấp đôi dự kiến ban đầu), tương đương khoảng 17 tỷ USD

theo giá hiện thời để đưa công trình vào hoạt động. Tính đến năm 1972, tuyến tàu này đã thua lỗ khoảng 100 triệu USD.

Tương tự, Trung Quốc đang có mạng lưới HSR dày đặc nhất thế giới với hơn 45.000 km. Song, nước này cũng đang phải đối mặt với khối nợ gần 900 tỷ USD và báo lỗ 24 triệu USD/ngày cho hệ thống đường sắt cao tốc. Chỉ có khoảng 2.300 km (chiếm khoảng 6%) trong số đó là có lãi.

Một nghiên cứu khác của Ngân hàng thế giới trên 258 dự án cơ sở hạ tầng giao thông của 20 quốc gia, cũng phát hiện rằng 9/10 dự án khi triển khai đã vượt quá ngân sách ban đầu (trung bình 33% so với thực tế) và 84% dự báo doanh thu bị sai lệch.

Trong bài đăng trên tài khoản LinkedIn của mình, tác giả của bài nghiên cứu trên, giáo sư Bent Flyvbjerg tiếp tục chỉ ra thực tế chỉ có 0,5% các dự án là được hoàn thành đúng với ngân sách, thời hạn và đạt được những lợi ích như dự kiến.

Nguyên nhân chính yếu đến từ việc chính phủ đã quá vội vàng trong các giai đoạn chuẩn bị dự án, khi các báo cáo về tính khả thi vẫn chưa được đầy đủ.

Có thể lấy tuyến đường sắt cao tốc Jakarta-Bandung gần đây của Indonesia làm điển hình. Jakarta-Bandung có chi phí dự kiến ban đầu là 5,5 tỷ USD. Chính phủ Indonesia hợp tác cùng Trung Quốc, với tỷ lệ góp vốn 60-40 để làm dự án này. Trong đó có đến 75% số vốn (khoảng 4,55 tỷ USD) là vay từ Trung Quốc.



Tàu cao tốc tại ga Trịnh Châu, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Nguồn ảnh: China Railway.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, dự án đã đội vốn và tổng chi phí cuối cùng lên tới khoảng 7,3 tỷ USD.

Đến khi đưa vào khai thác vào năm 2024, công trình này vẫn tiếp tục báo lỗ khoảng 200 triệu USD do chi phí vận hành đã vượt quá doanh thu. Trong khi đó, chính phủ Indonesia còn phải chịu áp lực trả lãi vay vô cùng lớn từ phía Trung Quốc.

Bên cạnh đó, một trong số nguyên nhân thua lỗ khác của các dự án HSR còn đến từ việc phải cạnh tranh với các phương tiện giao thông khác, như hàng không giá rẻ, khiến số lượng hành khách sử

dụng dịch vụ không được như tính toán ban đầu.

Đài Loan là một ví dụ. Vào năm 1999, Chính phủ Đài Loan đã cho khởi công dự án đường sắt cao tốc đầu tiên với tổng vốn đầu tư 15 tỷ USD. Đến năm 2007 thì dự án hoàn thiện và đưa vào vận hành.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu vận hành từ 2007 đến 2014, công trình đã liên tục báo lỗ. Đến năm 2014, tổng mức thua lỗ tích lũy đã lên đến con số 1,73 tỷ USD. Nguyên nhân lỗ đến từ việc số lượng hành khách đi tàu đã thấp hơn mức dự báo 240.000 khách/năm, khi thực tế chỉ đạt gần 130.000 người.

Bảng tổng hợp khả năng sinh lời và thời gian thu hồi vốn của một dự án đường sắt cao tốc trên thế giới.

Quốc gia	Dự án/ Tuyến	Tổng vốn đầu tư (tỷ USD)	Tình hình kinh doanh	Thời gian thu hồi vốn
Nhật Bản	Tokaidō Shinkansen Tokyo–Osaka	17	Thua lỗ khoảng 100 triệu USD (đến năm 1972).	21 năm (1961 – 1982)
Đài Loan	The Taiwan High Speed Rail Project	15	Lỗ lũy kế 1,73 tỷ USD (năm 2014).	Vẫn chưa thu hồi hoàn toàn vốn đầu tư kể từ năm 1999.
Trung Quốc	Hệ thống đường sắt cao tốc	Chỉ khoảng 100 tỷ USD/năm để xây dựng	Chỉ khoảng 2.300 km (chiếm khoảng 6%) trong 45.000 km là có lãi.	Chính phủ đang gánh nợ gần 900 tỷ USD và dự báo lỗ 24 triệu USD/ngày
Indonesia	Jakarta–Bandung	7,3	Lỗ khoảng 200 triệu USD (năm 2024)	Dự kiến 40 năm

VẾT XE ĐỒ NGAY TRÊN SÂN NHÀ

Xem xét trường hợp của Việt Nam, các dự án đường sắt đô thị Cát Linh – Hà Đông ở Hà Nội hay Metro số 1 ở TP.HCM đều bị đội vốn lên nhiều lần và phải kéo dài thời gian thi công. Đến nay, các công trình này vẫn tiếp tục lỗ.

Điều đáng nói, đây chỉ là các công trình đường sắt đô thị có mức độ phức tạp và quy mô nhỏ hơn rất nhiều so với dự án đường sắt cao tốc Bắc – Nam mà Việt Nam hiện đang dự kiến triển khai.

Trong số này, dự án Cát Linh – Hà Đông, do nhà thầu Trung Quốc đảm nhận, bị đội vốn lên đến 886 triệu USD, so với số vốn ban đầu là 552,8 triệu USD.

Bên cạnh đó, qua nhiều lần điều chỉnh khác nhau, dự án này đã kéo dài thời

gian thi công lên gần 10 năm, từ năm 2011 đến 2021, cho một tuyến tàu đạt tốc độ giới hạn 80km/h và hoạt động trên quãng đường vốn vịn chỉ 13 km.

Trong năm 2024, tuyến tàu có lợi nhuận sau thuế đạt 0,6 triệu USD, tương đương 0,07% so với tổng số vốn ban đầu. Đáng chú ý, công trình này không thể sinh lời nếu không có trợ cấp thường xuyên từ chính phủ. Tỷ lệ trợ cấp của chính phủ như hiện nay là 6:1, khi cứ 1 USD tiền vé thì cần tới 6 USD tiền trợ cấp.

Nếu tính toán dựa trên doanh thu tiền vé mà không cần trợ cấp, dự án Cát Linh Hà Đông cần mất 247 năm để hoàn lại số tiền đầu tư 886 triệu USD. Hoặc không, nếu chỉ dựa trên lợi nhuận ròng thực tế 0,6 USD vào năm 2024 thì dự án cần 1.438 năm để thu hồi vốn. Còn chưa kể, dự án này phải mất hơn 24 triệu USD chi phí vận hành hằng năm.



Tàu Cát Linh – Hà Đông trong một lần chạy thử nghiệm. Nguồn ảnh: BBC Tiếng Việt.

BIẾT TRƯỚC 98% SẼ LỖ, VÌ SAO VẪN ĐẶT CƯỢC?

Tuyến đường sắt cao tốc Bắc Nam là dự án đường sắt cao tốc đầu tiên tại Việt Nam, đồng thời là dự án có vốn đầu tư công lớn nhất từ trước đến nay ở trong nước.

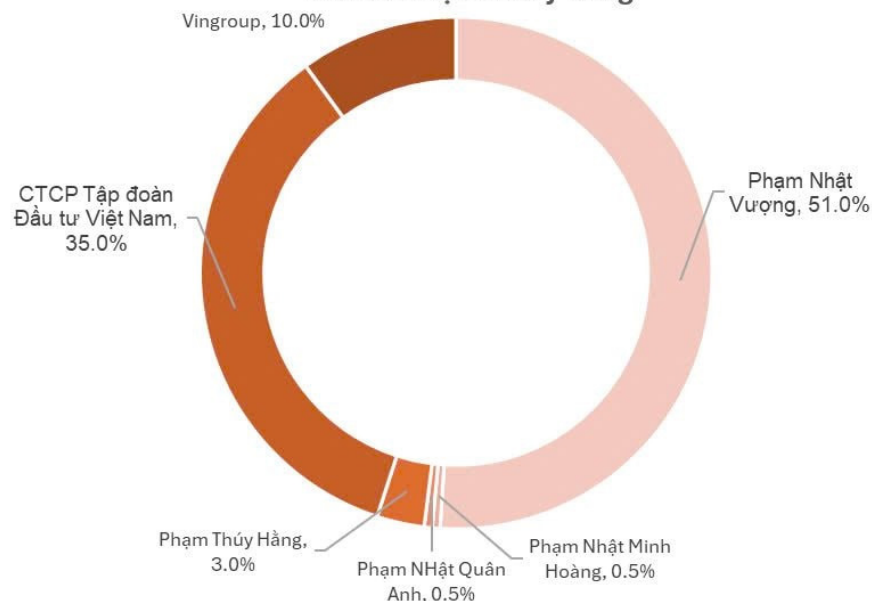
Dự án này được Quốc hội khóa 15 phê duyệt vào tháng 11/2024, với tổng vốn 67,34 tỷ USD (tương đương 1.713.548 tỷ đồng) cho chiều dài 1.541 km, đặt mục tiêu cơ bản hoàn thành vào năm 2035. So với thời điểm đề xuất ý tưởng ban đầu, tổng vốn đầu tư dự án đã tăng hơn 35 tỷ USD.

Đặc biệt, doanh nghiệp nội địa giờ đây có thể tham gia dự án không chỉ với tư cách thầu phụ mà còn có thể đóng vai trò chủ đầu tư. Điều này được thể hiện rõ trong Luật Đường sắt (sửa đổi) mà Quốc hội vừa mới thông qua và các văn bản pháp luật mới ban hành như Nghị quyết 198 hay Nghị quyết 68.

“Tư duy công trình quốc gia chỉ nhà nước mới làm được đã lỗi thời”. PGS. TS Trần Đình Thiên và PGS.TS Bùi Quang Tuấn nhận định. Các chuyên gia này dự báo đường sắt cao tốc Bắc – Nam sẽ là “động lực” cho nhiều ngành công nghiệp của Việt Nam để vươn ra toàn cầu.

Cơ cấu cổ đông sáng lập của VINSPEED

Vốn điều lệ 6000 tỷ đồng



Cơ cấu vốn cổ đông sáng lập tại VinSpeed. Nguồn: Cafebiz.

Tuy vậy, điều gây tâm lý quan ngại của quần chúng là việc nhà nước cho phép một doanh nghiệp chỉ mới thành lập như VinSpeed, có số vốn điều lệ chỉ 6.000 tỷ đồng, tức 230 triệu USD, đăng ký tham gia một dự án lên đến 67,34 tỷ USD.

Phía VinSpeed cho biết doanh nghiệp họ hoàn toàn “chấp nhận việc thua lỗ” và khẳng định “không làm vì đất”, mà chỉ mong muốn “được phụng sự quốc gia”. Công ty này cũng tự thừa nhận rằng “98% các dự án đầu tư đường sắt trên thế giới đều chịu thua lỗ, chỉ có 2% là có lợi nhuận”. Tuy nhiên, họ lại không nói rõ việc “chấp nhận lỗ” này sẽ là lỗ trên vốn chủ sở hữu hay phần vốn vay được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước. Một số đề xuất về cơ cấu vốn đã không rõ ràng ngay từ đầu.

Song song với đó, báo chí trong nước chỉ tập trung đưa tin nhiều về tính triển vọng của dự án, mà không có nhiều không gian cho việc phản biện chính sách hay chỉ ra những những điểm bất cập, rủi ro từ chủ trương đầu tư này.

Trong khi đó, như kinh nghiệm của nhiều nước đã triển khai các dự án đường sắt cao tốc, thì các dự báo cơ bản nhất như báo cáo về lưu lượng khách, cơ chế tài chính và việc lựa chọn đơn vị cung cấp công nghệ cho dự án v.v, đều phải được triển khai đầy đủ ngay từ đầu. Còn ngược lại ở Việt Nam, các nội dung này hiện vẫn chưa công bố hoặc chưa có phương án cụ thể.

Quan trọng hơn, theo kế hoạch, báo cáo nghiên cứu khả thi sẽ chỉ được hoàn thiện và trình Chính phủ vào Quý 4/2026, chỉ cách vài tháng so với thời gian dự kiến khởi công dự án vào tháng Mười Hai cùng năm. Điều này đồng nghĩa, tại thời điểm các doanh nghiệp đăng ký đầu tư ở dự án này, nghiên cứu khả thi chính thức vẫn chưa hề có.

Ngoài ra, khi tham chiếu kinh nghiệm một số nước, Việt Nam hiện đang có mức dự toán chi phí xây dựng đường sắt cao tốc cao hơn đáng kể. Lý giải cho việc này, thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính cho biết có đến 60% tuyến của dự án là cầu cạn, 10% là hầm và chỉ 30% là nền đất thông thường; khiến giá trị đầu tư lên tới 1.073 tỷ đồng/km, tương đương 43,6 triệu USD/km, cao gấp đôi một dự án thông thường ở các nước. Theo World Bank, chi phí trung bình cho một dự án HSR thông thường chỉ từ 17-21 triệu USD/km.

Đến nay, nhiều tỉnh trên cả nước đã bắt đầu triển khai giải tỏa mặt bằng, di dời dân cư để xây dựng dự án đường sắt cao tốc Bắc – Nam.

Bảng so sánh chi phí xây dựng trên mỗi ki lô mét đường sắt cao tốc giữa Việt Nam với các nước.

Quốc gia	Dự án/ Tuyến	Chi phí/km (triệu USD)	Tốc độ (km/h)	Cơ cấu nguồn vốn	Thời gian hoàn thiện	Sử dụng
Việt Nam	Đường sắt cao tốc Bắc – Nam	43,6	350	Hợp tác công– tư (PPP)	2026 – 2035 (dự kiến)	Đang lựa chọn công nghệ
Thái Lan	Đường sắt cao tốc Bangkok – Nakhon Ratchasima	19 – 21	250	100% vốn của chính phủ Thái Lan	2017 – 2027 (dự kiến)	Trung Quốc
Cam-puchia	Đường sắt cao tốc Phnom Penh – Poipet	10,5	300	Chính phủ hợp tác với Tập đoàn Cầu đường Trung Quốc (CRBC)	2023-2033 (dự kiến)	Trung Quốc
Đài Loan	The Taiwan High Speed Rail Project	43,4	300	Nhà nước kêu gọi tư nhân đầu tư theo hình thức BOT (xây dựng – vận hành – chuyển giao)	1999 – 2007	Shinkansen của Nhật Bản
Trung Quốc	Tuyến đường sắt cao tốc Bắc Kinh – Thượng Hải	24	350	Vốn Nhà nước và trái phiếu	2008 – 2011 (hoàn thành)	CRH (China Railway High-speed)
Hàn Quốc	Đường sắt cao tốc Gyeongbu (Tuyến Daegu – Busan)	36,1	305 – 350	Vốn Nhà nước và Tổng công ty Đường sắt Hàn Quốc (Korail)	2002–2010 (hoàn thành)	Korea Train Express (KTX)

Pháp	TGV Méditerranée	10-15	240 – 300	Vốn Nhà nước và Liên minh châu Âu (EU)	Bắt đầu xây dựng từ năm 1976 và đến nay tiếp tục mở rộng.	Train à Grande Vitesse (TGV)
Ý	Tuyến đường sắt cao tốc Milan – Bologna	38	300	Hợp tác công– tư (PPP)	2000 – 2008 (hoàn thành)	Elettro-Treno Rapido (ETR) Frecciarossa

MỘT NGOẠI LỆ “VÀNG” CỦA NGÀNH ĐƯỜNG SẮT CAO TỐC

Kỷ nguyên đường sắt cao tốc trên thế giới bắt đầu vào tháng 10/1964 tại Nhật Bản, với tuyến tàu đầu tiên mang tên Tokaido Shinkansen, có tốc độ 210km/h, kết nối từ thủ đô Tokyo đến thành phố Osaka. Phát pháo khai màn này đã mở lối cho nhiều dự án đường sắt về sau trên khắp thế giới, tập trung nhiều nhất là ở các nước châu Á và châu Âu.

Tuy nhiên, mãi cho đến nay, duy nhất Train à Grande Vitesse (TGV), tuyến tàu nối giữa Paris với Lyon của Pháp mới được xem là công trình HSR thực sự đạt hiệu quả kinh doanh.

Công trình này khánh thành vào năm 1981, với chi phí đầu tư chỉ 4 triệu USD/km – chi phí thấp nhất thời điểm này – cho tổng chiều dài 417 km.

Đáng chú ý, số vốn đầu tư ban đầu không nhận trợ cấp trực tiếp từ chính phủ mà thông qua các cơ chế vốn hóa.

Trong năm đầu hoạt động, số lượng hành khách đi tàu đạt 10 triệu lượt/năm và tiếp tục tăng lên 20 triệu trong những năm sau đó, dẫn đến tỷ suất hoàn vốn nội bộ vượt mức kỳ vọng là 12%. Thành quả này đã giúp công trình chỉ mất 12 năm để hoàn lại số vốn đầu tư ban đầu.

Theo báo cáo, năm 2023 hệ thống đường sắt TGV đã vận chuyển tổng cộng 122 triệu lượt khách, đem lại nguồn thu 9,7 tỷ euro (tương đương 11,3 tỷ USD), chiếm 22,6% doanh thu toàn ngành đường sắt của Pháp. Cho nên nay, đây vẫn được xem là mô hình kinh doanh thành công hiếm hoi trong lĩnh vực đường sắt cao tốc trên thế giới. □



Hệ thống đường sắt TGV của Pháp (Trains à Grande Vitesse) kết nối với các nước ở Châu Âu.
Nguồn ảnh: Railteam.



Nguồn ảnh: ASPHALT & RUBBER.

HÀ NỘI CHUẨN BỊ CẤM XE MÁY CHẠY XÃNG VÀ LÝ DO VÌ SAO BẠN NÊN CÓ MỘT CHỖ BAY

Chân Nhồi Bông

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 15/07/2025.

Chính phủ giao Hà Nội nghiên cứu lộ trình hạn chế và tiến tới dừng hoạt động xe máy tại một số khu vực nội đô từ ngày 1/7/2026 trở đi. Nếu bạn chưa sẵn sàng lên xe điện, có lẽ đã đến lúc cân nhắc đầu tư một chiếc chỗ bay.

Một sáng nọ, bạn đang dắt xe ra để đi làm. Nhưng hôm nay thì khác, bạn vừa ra khỏi đường vành đai thì thấy biển báo to đùng: “KHU VỰC PHÁT THẢI THẤP – XE XÃNG CẤM VÀO”.

Bạn nhìn trước nhìn sau, không thấy ai khác, liền quay đầu.

Và đó là lúc bạn nhận ra nếu không có xe máy, bạn sẽ phải đi bộ 3km ra trạm xe buýt, đổi hai tuyến, rồi đi bộ tiếp 1km vào công ty.

Đây có lẽ cũng là lúc bạn nghĩ tới chuyện đầu tư một cây chỗ bay. Vì không còn gì thiết thực hơn một phương tiện không cần xăng, không cần điện, không cần kiểm định khí thải, và quan trọng nhất: vượt mọi giới hạn hạ tầng.

HÀ NỘI CẤM Ở ĐÂU VÀ TỪ BAO GIỜ?

Chẳng phải chuyện gì, Hà Nội thật sự đang có kế hoạch cấm các phương tiện chạy xăng dầu.

Thủ tướng Phạm Minh Chính vừa ban hành văn bản về tăng cường các biện pháp phòng, chống ô nhiễm không khí. Trong đó, Chính phủ giao Hà Nội nghiên cứu lộ trình hạn chế và tiến tới dừng hoạt động xe máy tại một số khu vực nội đô, bao gồm cả việc xem xét không cho xe máy lưu thông trong khu vực vành đai 1 từ ngày 1/7/2026 trở đi.

Nói cho dễ hiểu hơn, nếu bạn sống ở Thanh Xuân và đi làm ở Hoàn Kiếm, thì chiếc xe máy xăng của bạn sắp thành dĩ vãng.

Câu hỏi đặt ra là ai sẽ còn được đi xe máy trong tương lai?

Câu trả lời là: chỉ những ai ở đủ xa để không cần vào thành phố.

NGƯỜI DÂN ĐI BẰNG GÌ?

Lần gần nhất tôi đến Hà Nội là cách đây gần một năm. Tôi không nhớ rõ hôm đó gặp ai, ăn gì, nhưng có một ấn tượng thì vẫn còn in đậm trong đầu: giao thông Hà Nội hỗn loạn y hệt Sài Gòn.

Xe máy, ô tô, xe đạp, xe lớn, xe nhỏ... chen chúc trên đường và cùng chơi một trò mà ở Sài Gòn chúng tôi cũng hay chơi: điền vào chỗ trống.

Cảnh đó không làm tôi sốc, bởi tôi từ Sài Gòn ra. Và theo tôi quan sát, hạ tầng Hà Nội còn có phần nhỉnh hơn Sài Gòn nhưng về mặt giao thông hỗn loạn thì Hà Nội không hề thua kém.

Tất cả đều dễ hiểu thôi: đường nhỏ, xe nhiều, quy hoạch theo kiểu “xây nhà rồi mới vẽ bản đồ”. Trong một đô thị nơi hạ tầng luôn chậm hơn nhu cầu thì chuyện mạnh ai người đó chạy cũng là chuyện thường.

Và không nói thì chắc ai cũng biết, xe máy là phương tiện được dùng nhiều nhất với lý do dễ dùng, dễ luồn lách và dễ mua hơn xe ô tô.

Xe máy chưa bao giờ là phương tiện “xanh”. Nó ồn, bụi và đôi khi tự bốc khói giữa ngã ba. Nhưng cũng chưa bao giờ có thứ gì thực tế hơn nó để di chuyển trong đô thị Việt Nam.

Xe máy là cách chọi lao công đi làm lúc 4g sáng khi metro còn đang ngủ. Là cách anh shipper chở 5 đơn một lúc mà không bị chậm giờ. Là cách ba mẹ đón hai đứa con học hai trường khác nhau mà vẫn kịp đi làm ca chiều. Và là cách người Hà Nội, Sài Gòn sống sót trong một thành phố không dành cho người đi bộ, hay bất kỳ ai không có điều kiện mua ô tô.

Nhưng bây giờ chiếc xe ấy, thứ gồng mình giúp cả hệ thống hạ tầng yếu ớt vận hành, lại đang bị đặt vào danh sách “cần loại bỏ”.

Không phải vì nó không hữu ích, mà vì nó không “xanh”.

CHUYỂN SANG XE ĐIỆN THÌ SAO?

“Chuyển sang xe điện đi. Thân thiện môi trường hơn. Văn minh hơn.”

Nghe thì cũng hợp lý. Thậm chí, Vinfast – ông lớn trong lĩnh vực xe điện nội địa – đã có mặt và sẵn sàng phục vụ. Vinfast ra ưu đãi “thu xăng, đổi điện”, giảm lệ phí trước bạ và muôn vàn thứ khác.

Nhưng nếu quay lại thực tế thì sao?

Dân ở chung cư, nhà trọ, chiếm phần lớn trong cơ cấu lao động nội đô, có thể sạc xe điện ở đâu, khi mà không gian sinh hoạt chung thậm chí còn thiếu ổ cắm điện ổn định? Các trạm sạc công cộng ở đâu, có dễ tiếp cận? Không ai biết chắc.

Giá xe tuy “ưu đãi”, nhưng vẫn là khoản chi quá lớn đối với nhiều hộ nghèo, người làm công nhật hoặc lao động tự do. Những người đang sống nhờ chiếc xe máy cũ trị giá 5-6 triệu đồng không thể bỏ ra 15-20 triệu để đổi sang xe điện. Thêm vào đó, pin xuống cấp sau 18-24 tháng là một thực tế không thể né tránh mà chi phí thay pin sẽ là gánh nặng tài chính dài hạn.

ĐÃ ĐẾN LÚC BẠN NÊN CÓ MỘT CHỖ BAY

“Phương tiện giao thông châu Âu, cơ sở hạ tầng châu Phi” đó là câu mà tôi đọc được sáng nay giữa hàng ngàn bình luận trên mạng.

Việc hạn chế xe xăng dầu không phải là điều sai. Nhưng điều kiện đi kèm cũng rõ ràng là chỉ có thể cấm khi có phương pháp thay thế và phù hợp với thực tế đất nước.

Và quan trọng hơn cả, người dân cần được tự do lựa chọn. Không chỉ là lựa chọn hãng xe, mà cả việc được tiếp tục dùng xe xăng nếu chưa sẵn sàng, ít nhất là trong một giai đoạn chuyển tiếp.

Nếu cơ sở hạ tầng và hiện trạng đời sống người dân chưa đáp ứng được mà chính phủ vẫn yêu cầu hàng triệu người phải “đổi sang xe điện” thì chỉ là đang chuyển gánh nặng khí thải từ không khí sang ví tiền của dân.

Nhưng trong cái rủi có cái may, ở một viễn cảnh người dân không đủ tiền đổi xe, không đủ nơi sạc, không dám đi xa vì sợ hết điện giữa đường... thì chỗ bay bỗng trở thành một giải pháp hợp lý hơn bất kỳ phương tiện nào khác hiện có.

Không cần xăng, không cần điện, không phụ thuộc cơ sở hạ tầng yếu kém và không đột nhiên bị thu hồi.

Đây chính là lúc bạn nên nghĩ đến việc mua cho mình một chiếc chỗ bay. Và chiếc Nimbus 2000 mà Harry Potter dùng, chắc chắn là một lựa chọn tốt. □



Ảnh: Trần Chung/VietNamNet, Văn Tiên/Kenh14. Đồ họa: Thiên Tân/Luật Khoa.

NHỮNG ẢN SỐ CỦA NGÀNH XỔ SỐ: HIỆN THỰC ĐẲNG SAU HAI CHỮ “KIẾN THIẾT”

Hiếu Mạnh

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 23/07/2025.

*Lượng phát hành vé số tăng qua mỗi năm, người bán vé số ngày một đông.
Song tiền hoa hồng đậm chân tại chỗ, còn chính sách hỗ trợ thì hạn chế.*

6,51 tỷ USD là số tiền người dân Việt Nam chi ra để mua vé số trong năm 2024. Nếu so sánh, số tiền này gần bằng mức ngân sách nhà nước chi cho Bộ Công an trong năm 2025.

Tuy nhiên, cho đến nay, hàng trăm ngàn người bán vé số dạo vẫn phải sống trong cảnh bấp bênh khi không có hợp đồng lao động, không được đóng bảo hiểm, và hoàn toàn nằm ngoài mạng lưới an sinh xã hội.

Bài viết này sẽ cung cấp một cái nhìn toàn diện, từ những con số đáng kinh ngạc của ngành xổ số đến những bất cập ít được nói đến, giúp bạn hiểu rõ hơn về “ngành công nghiệp may rủi” đặc biệt này.

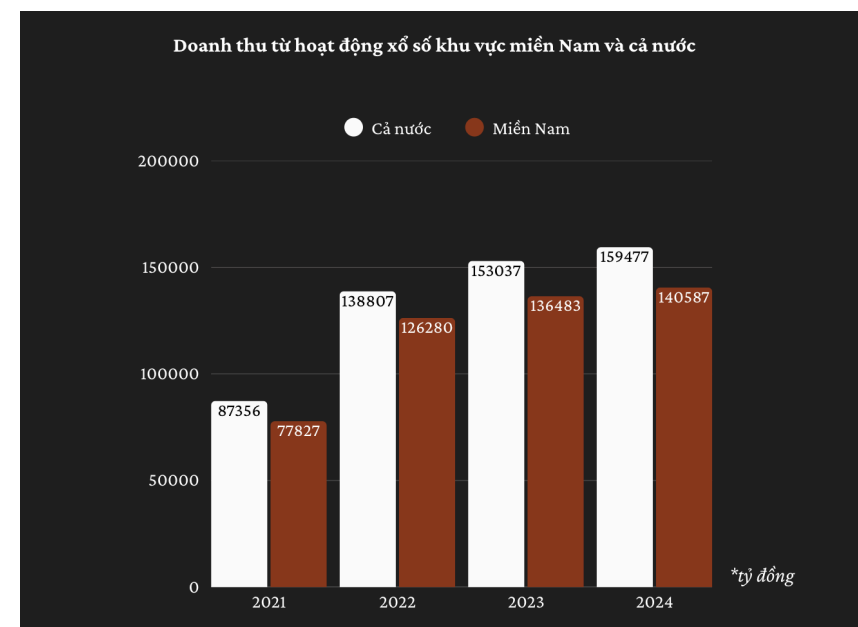
NGƯỜI VIỆT RỘNG TAY CHI TIÊU CHO VÉ SỐ

Năm 2024, doanh thu từ hoạt động xổ số trên cả nước đã đạt 159.477 tỷ đồng, tương đương khoảng 6,51 tỷ USD (tính theo tỷ giá trung bình năm 2023 là khoảng 24.500 VND/USD).

Để so sánh, cùng năm 2024, tổng doanh thu toàn ngành xuất bản đạt hơn 4.500 tỷ đồng. Như vậy, số tiền người Việt chi cho vé số gấp hơn 35 lần so với khoản chi cho sách báo.

Cũng từ năm 2020 – 2024, ngành xổ số đã nộp trên 206.000 tỷ đồng vào ngân sách nhà nước, chiếm khoảng 2,5% tổng thu ngân sách quốc gia, và khoản đóng góp ngân sách bình quân tăng khoảng 10% mỗi năm.

Trong quý 1/2025, tổng doanh thu từ xổ số kiến thiết (XSKT) tại khu vực miền Nam đạt 38.550 tỷ đồng.



Biểu đồ doanh thu từ hoạt động xổ số (cả nước: 2021; 2022; 2023; 2024. Miền Nam: 2021; 2022; 2023; 2024). Đồ họa: Hiếu Mạnh.

VÉ SỐ TRỞ THÀNH NGUỒN THU CHÍNH Ở MỘT SỐ TỈNH MIỀN NAM

Ở Việt Nam, các công ty xổ số được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và trực thuộc quản lý của ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc thành phố.

Dù tổ chức theo từng tỉnh thành, nhưng hoạt động kinh doanh của mỗi công ty xổ số có thể mở rộng trên cả khu vực, khiến doanh thu không bị giới hạn ở địa phương. Doanh thu của các công ty này có thể lên tới hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm, đồng thời đóng góp một khoản đáng kể vào ngân sách một số địa phương.

Theo *Vietnam Report*, trong danh sách 500 doanh nghiệp có doanh thu lớn nhất cả nước hàng năm luôn tên của các công ty xổ số ở khu vực miền Nam.

Khu vực miền Nam bao gồm 21 công ty XSKT, tương ứng với các tỉnh thành (cũ, trước khi sáp nhập): Bình Phước, Bình Dương, Bình Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, Hậu Giang, An Giang, Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, và Cà Mau.

Top 500 doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất	2024	Tìm kiếm nâng cao
Xem 10 bản ghi	xổ số	
PROFIT500 Doanh nghiệp		
132	CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BÌNH DƯƠNG	
	CEO: Nguyễn Công Luận	MST: 3700149547
	NGÀNH NGHỀ: Dịch vụ vui chơi, giải trí	
136	CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT SÓC TRĂNG	
	CEO: Lê Văn Khanh	MST: 2200108572
	NGÀNH NGHỀ: Dịch vụ vui chơi, giải trí	

Đang xem 1 đến 2 trong tổng số 2 bản ghi (được lọc từ 500 bản ghi)

Nguồn: profit500.

Điển hình, năm 2024, doanh số của Công ty XSKT Sóc Trăng là 6.449 tỷ đồng, nộp ngân sách 2.162 tỷ đồng, chiếm gần 40% tổng thu ngân sách của tỉnh này (năm 2024 tổng thu ngân sách của tỉnh Sóc Trăng 5.534 tỷ đồng).

Tương tự, cùng năm 2024, Công ty XSKT Cần Thơ thu về 6.450 tỷ đồng, nộp ngân sách 1.980 tỷ đồng, chiếm gần 11% tổng thu ngân sách của tỉnh (năm 2024 tổng thu ngân sách của tỉnh Cần Thơ là 12.242 tỷ đồng).

Đặc biệt, năm 2019, tổng thu ngân sách của tỉnh Bạc Liêu đạt khoảng 3.183 tỷ đồng, trong khi doanh thu cùng năm của công ty XSKT tỉnh này lên đến 4.465,8 tỷ đồng, lớn hơn cả thu ngân sách tỉnh.

NGƯỜI BÁN VÉ SỐ DẠO “MỘT CỔ, NHIỀU TRÒNG”

Mặc dù thành quả lao động giúp đóng góp hàng chục ngàn tỷ đồng mỗi năm vào ngân sách nhà nước, nhiều người bán vé số dạo vẫn sống trong cảnh thiếu thốn, thu nhập thấp, và hoàn toàn không hưởng lợi từ hiệu quả kinh doanh của ngành này.

Theo thống kê, năm 2012, có khoảng 300.000 người bán vé số dạo. Đến năm 2022, con số này ước tính lên tới 500.000 người. Năm 2024, mỗi tỉnh thuộc khu vực miền Nam có trung bình từ 4.000 – 6.000 người bán vé số dạo.

Điểm chung dễ nhận thấy, nhóm lao động này chủ yếu là người cao tuổi, người khuyết tật, có ít vốn làm ăn, và cần có thu nhập theo ngày.

Họ không có hợp đồng lao động, không được doanh nghiệp xổ số trực tiếp quản lý, không thuộc biên chế nào, và vì thế, cũng không nằm trong diện được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, hay bảo hiểm tai nạn lao động.

Một lãnh đạo công ty xổ số khác cho biết, từng có đề xuất mua bảo hiểm y tế cho người bán vé số dạo, nhưng đã bị Bộ Tài chính bác bỏ vì quy định hiện hành không cho phép.



Một cụ già bán vé số dạo ở tỉnh Kiên Giang. Ảnh: Bửu Đẩu/Báo Tuổi trẻ.

Qua các năm, phúc lợi cho người bán vé số chưa thấy gì cải thiện, dù ngành xổ số vẫn luôn được ưu tiên tạo thêm đà phát triển.

Từ tháng 10/2024, Bộ Tài chính đã hai lần đồng ý nâng hạn mức phát hành vé số cho các công ty XSKT khu vực miền Nam, từ 12 triệu tờ lên 13 triệu tờ, và tăng lên 14 triệu tờ kể từ tháng 6/2025.

Tăng lượng vé là thêm cơ hội tăng doanh thu, nhưng với người bán dạo, niềm vui ấy dường như không dành cho họ.

Chị Nguyễn Hồng Cẩm, một người bán vé số dạo ở TP. Cà Mau, chia sẻ: “Từ bữa tăng phát hành tới nay tui cũng chỉ được đại lý cho lấy 200 tờ đi bán, không được lấy thêm. Nếu hôm nào bán hết thì đỡ, còn ngày nào gặp mưa không bán hết phải ôm vé số ế chứ không được trả lại. Nếu trả lại, ngày hôm sau đại lý sẽ cắt vé số xuống dưới 200 vé liền. Sắp tới sẽ có thêm nhiều người bán vé số dạo, việc mua bán sẽ khó khăn hơn.”

Đầu tháng 1/2024, Ban Thường trực Hội đồng XSKT miền Nam có công văn yêu cầu các đại lý phân phối vé số tuân thủ quy định về việc trả lại vé số ế, duy trì điểm thu hồi vé ế tại mọi tỉnh, không cấm hay gây áp lực cho đại lý cấp 1 trong việc trả vé. Tuy nhiên, trên thực tế các đại lý nào thu hồi nhiều vé ế thường bị giảm lượng vé phát hành, khiến áp lực dồn xuống người bán vé số dạo.

Giả sử, mỗi người bán vé số dạo lấy từ đại lý 200 tờ vé, với hoa hồng khoảng 10-12% trên mỗi vé mệnh giá 10.000 đồng. Nếu may mắn bán hết, họ có

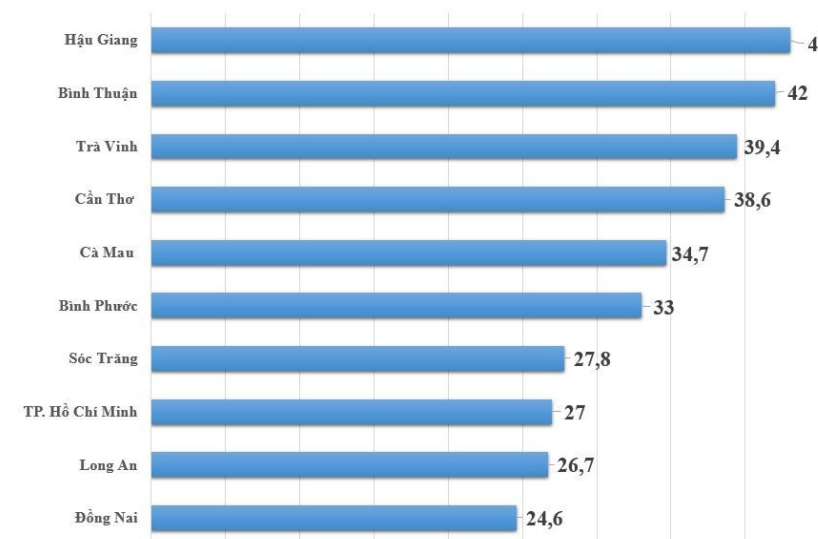


Người đàn ông khiếm thị bán vé số giữa thời tiết nắng nóng. Ảnh: Duy Tân/Báo Thanh Niên.

thể kiếm được từ 200.000 đến 240.000 đồng tiền hoa hồng mỗi ngày. Tuy nhiên, thực tế không phải lúc nào cũng suôn sẻ. Chỉ cần còn lại 20 tờ vé không bán được, người bán sẽ phải gánh chịu khoản lỗ do vé số ế không được hoàn trả, mất trắng cả số tiền đã bỏ ra mua vé, lẫn công sức lao động trong một ngày.

Trái với thu nhập bấp bênh và nhiều rủi ro của những người bán vé số dạo, các công nhân viên chức trong ngành xổ số lại có khoản thu nhập là con số đáng mơ ước của nhiều người.

Năm 2023, lương bình quân mỗi người lao động ở Công ty XSKT Hậu Giang là hơn 43 triệu đồng/tháng. Tương tự, thu nhập bình quân của người lao động tại Công ty XSKT Bình Phước gần 33 triệu đồng/tháng.



Thu nhập bình quân của người lao động tại một số Công ty XSKT Miền Nam.
Nguồn: Bộ Công Thương.

XỔ SỐ: DOANH THU KHỔNG LỒ NHƯNG CÓ THẬT SỰ GIÚP KIẾN THIẾT CHO ĐẤT NƯỚC?

Doanh thu ngành xổ số phần lớn đến từ những người lao động có thu nhập thấp. Họ không chỉ là những người bán vé số dạo như trên ta vừa thấy, mà còn là số đông những người mua vé số.

Nhiều nghiên cứu và thống kê cho thấy, với người lao động, họ thường trích một phần nhỏ thu nhập hằng ngày để mua vé số. Nhìn có vẻ là nhỏ, tuy

nhiên khi cộng dồn khoản chi cho vé số trong một chu kỳ dài hơn, nhưng hằng tháng, hằng năm, số tiền này có thể chiếm tỷ lệ đáng kể so với thu nhập của người mua.

Ngành xổ số vốn gắn với khẩu hiệu và sứ mệnh được tuyên xưng là “kiến thiết”, và những con số báo cáo khủng từ doanh thu của ngành này cũng có thể hứa hẹn ít nhiều về tính khả thi của sứ mệnh ấy.

Thế nhưng nhìn vào thực tế, định hướng “kiến thiết” dường như không được áp dụng cho những người bán vé số dạo với hoa lợi bấp bênh và phúc lợi bằng không; lẫn những người hằng ngày trích tiền mua vé số từ thu nhập thấp ít ỏi của mình, như những khoản đầu tư không hẹn ngày hoàn vốn.

Chưa hết, người dân luôn có thể và có quyền đặt câu hỏi về đầu ra của khoản thu từ vé số: liệu vé số đã “kiến thiết” được gì? Đã chi vào những gì? Đã đúng với sứ mệnh của ngành hay chưa?

Các kế hoạch gây tranh cãi như Công ty XSKT Sóc Trăng “tổ chức đoàn đi học tập kinh nghiệm tại Malaysia và Singapore” cũng khiến dư luận đặt câu hỏi về sự ưu tiên của các khoản chi này.

Chưa hết, từ góc độ quản lý, cũng đã có những nhận định về mặt trái của ngành xổ số đối chiến lược phát triển bền vững của nền kinh tế. Cụ thể, việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn thu từ xổ số có thể tạo ra những méo mó trong cơ cấu kinh tế địa phương, làm giảm động lực phát triển các ngành kinh tế khác. □



CÔNG TÁC VỚI LÚẬT KHOA

Chúng tôi luôn mong chờ bài viết cộng tác của bạn.

Cùng là những người viết, chúng tôi trân trọng nỗ lực của bạn với con chữ và luôn dành mức nhuận bút cao nhất có thể cho mỗi tác phẩm của bạn.

Gửi bài cho Luật Khoa tại:
luatkhoa.com/guibai



Công nhân dệt may Việt Nam đang làm việc tại nhà máy. Nguồn ảnh: Reuters.

MỸ ÁP THUẾ 20%: HÀNG “MADE IN VIETNAM” CÓ THỰC SỰ “NỘI ĐỊA”?

Thiên Lương

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 19/07/2025.

Với ngành xuất khẩu phụ thuộc phần lớn vào các doanh nghiệp FDI và nguồn nội lực về con người lẫn công nghệ còn nhiều hạn chế, liệu hàng gắn nhãn “Made in Vietnam” có thực sự “nội địa”? Và khi đó mức thuế 20% của Mỹ có phải là con số dễ chịu?

Tối ngày 2/7 (theo giờ Việt Nam), cuộc đàm phán thuế quan giữa Mỹ và Việt Nam đã chính thức khép lại. Tổng thống Trump đăng tải lên mạng xã hội Truth Social, thông báo đã đạt được thỏa thuận thuế quan với Việt Nam. Cụ thể, Việt Nam sẽ phải chịu mức thuế 20% cho hàng hóa sản xuất nội địa và 40% cho hàng hóa trung chuyển. Đổi lại, phía Việt Nam sẽ phải mở toang cánh cửa thị trường nội địa để đón hàng Mỹ vào với mức thuế 0%.

Kết quả này đã đến sớm hơn kỳ hạn 90 ngày hoãn áp thuế, vốn sẽ kết thúc vào ngày 7/7. Trước khi có kết quả một ngày, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Tô Lâm đã đích thân có cuộc điện đàm lần thứ hai với ông Trump để thương thảo thuế quan. Vì mục đích này, đoàn ngoại giao của Chính phủ Việt Nam cũng từng có ba lần sang Washington để đàm phán trực tiếp với Mỹ.

Những ngày qua, chính quyền Trump tiếp tục công bố các mức thuế thương mại đối ứng cho nhiều nước, như Brazil (50%), Sri Lanka (30%), Algeria (30%), Thái Lan (36%), Libya (30%), Philippines (20%), và Indonesia (19%).

Nhìn chung, so với các nước khác thì mức thuế 20% mà Mỹ áp cho hàng hóa nội địa Việt Nam không phải là cao. Tuy nhiên, với mức thuế này, Washington dường như đang đặt ra một bài toán khó khăn khác: liệu với một quốc gia có ngành xuất khẩu phụ thuộc hơn 70% vào các doanh nghiệp FDI cùng phần lớn nguyên vật liệu phải nhập khẩu, thì mức thuế 20% có phải là “dễ chịu”?

TỶ LỆ HÀNG NỘI ĐỊA THẤP, NGÀNH SẢN XUẤT CÒN PHỤ THUỘC PHẦN LỚN VÀO NHẬP KHẨU

Từ sau khi Việt Nam mở cửa nền kinh tế, nhất là khi có Luật Đầu tư vào năm 1987, dòng vốn đầu tư FDI bắt đầu đổ vào Việt Nam và liên tục tăng trưởng trong hơn 30 năm qua.

Kể từ đó, FDI đã chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng vốn đầu tư toàn xã hội và là nhân tố chính, thúc đẩy nền sản xuất công nghiệp, đóng góp hơn 50% giá trị sản xuất toàn ngành. Trong đó, dòng vốn này chủ yếu chảy vào các lĩnh vực then chốt như công nghiệp chế biến, linh kiện máy móc, may mặc.

Dữ liệu năm 2023 cho thấy, các doanh nghiệp FDI đã xuất khẩu hàng hóa có trị giá gần 260 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 73,1% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Con số này tiếp tục duy trì trong năm 2024 và đầu năm 2025, dao động quanh mức 72 – 74%, và tạo ra thặng dư trong thương mại với nhiều nước. Tuy vậy, 89% nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam là nhập khẩu từ nước ngoài, trong đó hơn 50% là từ Trung Quốc. Điều này đồng nghĩa, chỉ có khoảng 11% nguồn nguyên liệu là do các doanh nghiệp nội địa cung ứng.

Lấy ví dụ về ngành hàng dệt may của Việt Nam. Dù là một trong số các ngành hàng mũi nhọn với các con số xuất khẩu hàng năm luôn thuộc loại dẫn đầu, tuy nhiên, tỷ lệ nội địa hoá toàn ngành chỉ chiếm gần 47%. Điều này không chỉ tạo ra một “điểm nghẽn cổ chai” trong toàn chuỗi cung ứng, mà còn khiến cho tính bền vững và hiệu quả kinh doanh thực tế của ngành này hết sức bấp bênh.

Còn đối với ngành hàng điện tử, tỷ lệ nội địa hoá ước tính chỉ đạt khoảng 5% – 10%. Đồng nghĩa, ngành này phải nhập khẩu tới 90% linh kiện điện tử từ các nhà cung cấp nước ngoài. Trong đó, có đến 80% là nhập khẩu từ Trung Quốc.



Công nhân ở một công ty dệt may. Nguồn ảnh: Báo Công Thương.

Trả lời phỏng vấn của Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), bà Trương Thị Chí Bình, tổng thư ký Hiệp hội Công nghiệp hỗ trợ Việt Nam, chỉ ra nguyên nhân chính của vấn đề tỷ lệ hàng nội địa Việt Nam còn thấp đến từ việc mất cân bằng trong các chính sách mà cơ quan nhà nước ban hành.

Theo bà Bình, trong suốt nhiều năm, các chính sách của nhà nước đã quá tập trung vào việc tạo thị trường, cụ thể là nỗ lực ký kết 17 hiệp định tự do thương mại (FTA) và thu hút FDI. Còn đối với các chính sách để nâng cao năng lực sản xuất và cung ứng của các doanh nghiệp nội địa thì thực ra “chưa bao giờ tốt cả” hoặc thực hiện “chưa tới nơi”.

Việc mất cân bằng này đã khiến các doanh nghiệp FDI, với vai trò là bên mua nguyên liệu đầu vào, chỉ tìm đến các doanh nghiệp Việt Nam khi không còn lựa chọn nào khác.

Một thực tế khác cũng cần nhìn nhận, đó là doanh nghiệp Việt Nam đang phải cạnh tranh hết sức khó khăn với rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động trong nước, đặc biệt là các doanh nghiệp đến từ Trung Quốc. Sức ép này càng khiến cho các doanh nghiệp nội địa không có nhiều dư địa để tham gia vào chuỗi cung ứng.

NHIỀU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM KHÔNG ĐÁP ỨNG ĐƯỢC CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ KHI XUẤT KHẨU

Mặc dù Việt Nam đã đạt được đà tăng trưởng mạnh mẽ về xuất khẩu trong nhiều năm liền, thế nhưng tình trạng hàng “Made in Vietnam” không tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng, an toàn hay truy xuất nguồn gốc vẫn diễn ra, đặc biệt ở các ngành nông – thủy sản,



Một tàu chở container hàng hóa xuất khẩu gần cảng Hải Phòng, Việt Nam. Nguồn ảnh: Reuters.

dệt may và điện tử – thuộc nhóm các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam.

Theo thống kê của Liên Hợp Quốc, từ năm 2010 – 2020, Việt Nam có tổng cộng 5.483 lô hàng xuất khẩu khẩu bị từ chối trên toàn cầu. Trong đó, hàng xuất đi Mỹ chiếm tỷ lệ cao nhất với 42% tổng số bị từ chối, kế đó là Trung Quốc chiếm 18%, Nhật Bản chiếm 16% và Liên minh châu Âu (EU) là 14%.

Trong năm 2024, hệ thống cảnh báo an toàn thực phẩm của EU đã phát đi 130 lần cảnh báo cho hàng hóa từ Việt Nam, tăng gấp đôi năm 2023. Đến đầu năm 2025, hệ thống này lại tiếp tục phát đi 12 cảnh báo đối với hàng nông – thủy sản đến từ quốc gia hình chữ S.

Đơn cử, hai nước EU là Đức và Áo đã phát hiện ra các sản phẩm như hạt é khô và cà thịt ốc bươu từ Việt Nam không đạt tiêu chuẩn EU nhưng đã nhập khẩu

vào các quốc gia này mà không qua cấp phép. Hay như mặt hàng bột tét cá ngữ bị phát hiện chứa hàm lượng acid ascorbic (E300) vượt mức 513mg/kg, trong khi mức tối đa cho phép là 300mg/kg.

Một số doanh nghiệp từ Việt Nam còn cố tình khai báo sai thành phần sản phẩm trong nhãn dán. Ví dụ như sản phẩm tôm tẩm bột đông lạnh trên nhãn không khai báo có chứa chất gây dị ứng, hay bột điều hữu cơ không đề cập có chứa thành phần đậu phộng. Kết quả, các sản phẩm này đều bị giới chức các nước EU trả về.

Đồng thời, Việt Nam cũng từng bị cáo buộc là điểm trung chuyển hàng hóa của Trung Quốc, trở thành nơi “hô biến” các mặt hàng có nhãn mác từ “Made in China” sang “Made in Vietnam”, trước khi xuất khẩu sang nhiều quốc gia như Mỹ, EU, Nhật Bản hay Úc v.v. để được hưởng mức thuế ưu đãi hơn. Cáo buộc

này đặc biệt có tần suất xuất hiện nhiều hơn kể từ khi Mỹ phát động chiến tranh thương mại với Trung Quốc.

HÀNG VIỆT CÓ THỰC SỰ DO NGƯỜI VIỆT?

Việt Nam từ lâu nổi tiếng với thương hiệu là một quốc gia có “nhân công giá rẻ”, nguồn nhân lực trẻ dồi dào và có nhiều chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư nước ngoài khi đặt chuỗi giá trị sản xuất tại Việt Nam.

Tuy vậy, sự tham gia của lao động Việt Nam vào các chuỗi sản xuất này chủ yếu chỉ tập trung ở các khâu đơn giản, không đòi hỏi tay nghề cao và chuyên môn sâu. Cụ thể, khoảng 65% nguồn nhân lực Việt Nam chỉ tham gia vào các công đoạn lắp ráp đơn giản cuối cùng cho các doanh nghiệp nước ngoài. Các công việc này bao gồm đóng gói, gắn mã vạch hay đóng kiện, vận chuyển, v.v.

Bên cạnh đó, các báo cáo từ OECD cũng chỉ ra sự tham gia của Việt Nam vào chuỗi giá trị toàn cầu chủ yếu thông qua “liên kết ngược” (backward linkages), tức là Việt Nam chỉ việc nhập khẩu các hàng hóa có giá trị cao từ nước ngoài, sau đó gia công, lắp ráp đơn giản lại rồi xuất khẩu.

Đồng nghĩa, các mặt hàng của Việt Nam khi xuất khẩu ra quốc tế, tuy được gắn nhãn mác “Made in Vietnam” nhưng thành phần lõi bên trong không được tạo nên bởi trí tuệ của người Việt. Hoặc nói cách khác, đóng góp thật sự của người Việt trong đa số sản phẩm gắn mác Việt, thực ra chỉ chiếm số ít.

Trong bài phát biểu của mình tại Diễn đàn quốc gia về phát triển doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam vào ngày 15/1, Tổng bí thư Tô Lâm thừa nhận rằng các số liệu được báo cáo về kết quả xuất khẩu “ấn tượng” của Việt Nam chỉ là sự

tự “ngộ nhận”, tự “huyễn hoặc”, hay tự “ru ngủ mình”.

Trong khi thực tế, năng lực nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam vẫn còn yếu, đặc biệt là ở lĩnh vực công nghệ, và vẫn còn phụ thuộc nhiều vào nguồn lực từ bên ngoài.

“Chúng ta đã thực sự nhìn vào bản chất chưa? Chúng ta đóng góp bao nhiêu phần trăm trong chuỗi giá trị đó. Một cái áo bán ra mà thiết kế, vải, nhuộm, chỉ, cúc đều của người khác thì mình được bao nhiêu? Có chăng chỉ là công lao động và sự ô nhiễm môi trường? [...]”

[...] Tại Bắc Ninh, có tới 164/176 đối tác cấp một là doanh nghiệp nước ngoài, tại Bắc Ninh thì có 55/60 doanh nghiệp. Còn phía doanh nghiệp Việt Nam thì chủ yếu cung cấp các dịch vụ cơ bản như an ninh, suất ăn công nghiệp hay xử lý chất thải v.v.

[...] Tôi muốn nêu rõ những bất cập này để chúng ta nhìn thẳng vào sự thật rằng doanh nghiệp của chúng ta đang đứng ở đâu trong chuỗi giá trị toàn cầu cũng như trong năng lực cạnh tranh quốc tế để mà cố gắng.” – ông Tô Lâm đặt vấn đề.

Liệu rằng, sau các vấn đề thực tế mà Việt Nam đang phải đối mặt như đã nêu ở bên trên, mức thuế nào sẽ tính trên hàng hóa Việt Nam khi xuất khẩu sang Mỹ – 20% hay 40%? □



Một kiện hàng hóa xuất khẩu có dán nhãn “Made in Vietnam”. Nguồn ảnh: Cosmosourcing.



Nguồn ảnh: Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước, VGP News, Báo Nghệ An. Đồ họa: Thiên Tân / Luật Khoa.

HÀNG GIẢ TRÀN LAN: LỖI Ở NGƯỜI TIÊU DÙNG HAY DO CHÍNH QUYỀN BUÔNG LỎNG?

Hiếu Mạnh

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 08/07/2025.

Tình trạng hàng giả, hàng nhập lậu tràn ngập thị trường những năm qua đã lên câu hỏi về trách nhiệm: là do người dân dùng túng các mặt hàng này tồn tại, hay do chính quyền quản lý lỏng lẻo?

Trong những năm gần đây, tệ nạn hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng tại Việt Nam không chỉ gia tăng về số lượng mà còn ngày càng tinh vi, có tổ chức và lan rộng trên nhiều lĩnh vực.

Từ những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như sữa, thịt hay thuốc men, mỹ phẩm cho đến những ngành hàng thời trang và xa xỉ phẩm như đồng hồ, túi xách, gần như không một lĩnh vực nào “miễn nhiễm”.

Theo Cục Quản lý thị trường (Bộ Công Thương), chỉ riêng năm 2024, Cục này đã phát hiện và xử lý 3.124 vụ vi phạm trên môi trường thương mại điện tử (tăng 266% so với năm 2023); giá trị

hàng hóa vi phạm trên 34 tỷ đồng (tăng 440% so với năm 2023).

Không chỉ len lỏi vào các kênh kinh doanh online, ngay cả các chợ, các trung tâm thương mại cũng là “điểm nóng” về hàng giả và hàng nhập lậu.

Từ ngày 15/5 – 15/6, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước đã phát động đợt kiểm tra trên diện rộng, phát hiện và xử lý 3.114 vụ vi phạm liên quan đến hàng giả, buôn lậu với tổng tiền phạt hơn 32 tỷ đồng, giá trị hàng hóa bị tịch thu gần 31 tỷ đồng.

Vậy đâu là nguyên nhân khiến hàng giả tại Việt Nam vẫn tràn lan, bất chấp các nỗ lực xử lý suốt hàng chục năm qua?

Một trong những nguyên nhân khiến hàng giả, hàng kém chất lượng vẫn ngang nhiên tồn tại và gia tăng một phần vì sự yếu kém và chồng chéo trong công tác quản lý nhà nước.

Điển hình, khi vụ sữa giả tại Công ty Cổ phần Dược Quốc tế Rance Pharma và Công ty Cổ phần Dược Dinh dưỡng Hacofood Group bị phanh phui, ít nhất ba cấp quản lý gồm Bộ Y tế, Bộ Công Thương và chính quyền địa phương luân phiên “réo tên” nhau, nhưng không ai đứng ra nhận trách nhiệm.

Khi được hỏi, cơ quan này cho rằng đó không thuộc thẩm quyền quản lý của mình, rồi “đá quả bóng trách nhiệm” sang cho cơ quan khác. Để rồi cơ quan khác lại “đá” sang cho đơn vị thứ ba.

Trên thực tế, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và xử lý hàng giả được phân bổ cho nhiều cơ quan khác nhau, bao gồm: Cục Quản lý thị trường (Bộ Công Thương),

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÒN PHÂN TÁN, CHỒNG CHÉO VÀ THIẾU TRÁCH NHIỆM



Nguồn ảnh: Nguyễn Tuấn, Đình Tùng, Thao Nguyen, VOV News, Báo Lao Động.
Đồ họa: Thiên Tân / Luật Khoa.

Công an kinh tế (Bộ Công an), Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính), Bộ Khoa học và Công nghệ (cũ), Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cũ), cùng các sở ngành liên quan ở địa phương.

Sự phân tán này dễ dẫn đến hiện tượng “cha chung, không ai khóc”. Lý do, khi xảy ra vi phạm, các cơ quan có thẩm quyền thường né tránh trách nhiệm và đùn đẩy cho nhau. Vụ sửa giả vừa nêu là một ví dụ thực tế.

NHỮNG VIỆC LÀM THIẾU CÔNG CHÍNH CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN

Hàng giả, hàng lậu xuất hiện tràn lan trong thị trường không chỉ xuất phát từ công tác quản lý yếu kém mà còn liên quan đến nhiều “khoảng tối” trong cách làm việc của các cơ quan hải quan.

Điển hình, ngày 23/6, các phóng viên điều tra của *Báo Nông nghiệp và Môi trường* đăng tải video ghi lại cảnh các

tiểu thương ngang nhiên vận chuyển hàng lậu qua chốt hải quan. Đáng chú ý, một số tiểu thương còn phải “chia hàng (lậu)” lại cho lực lượng chức năng tại đây.

Tuy nhiên, thay vì trước mắt tiếp nhận thông tin để kiểm tra, xác minh và xử lý sai phạm (nếu có), Cục Hải quan lại nhanh chóng ban hành văn bản số 7518 ngày 2/6/2025 để bác bỏ, phủ nhận tính xác thực của phóng sự.

Văn bản này lập luận: “Các hình ảnh trong video, bài báo không xác định được thời gian ghi hình; trang phục cán bộ là trang phục thu đông; một số cán bộ xuất hiện đã được luân chuyển; hình ảnh xe máy, xe khách không chứng minh được chở hàng lậu, v.v”. Đồng thời cho rằng, phóng sự “không phản ánh đúng tình hình hiện nay”, “cần được rà soát”, thậm chí “xem xét đính chính.”

Trong khi đó, vào sáng 26/6, Tòa án nhân dân (TAND) TP. Hải Phòng cũng vừa xét xử 22 bị cáo trong vụ án xảy ra

tại Công ty Sản xuất Thương mại Quốc tế Tài Lộc, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải phòng Khu vực 2 (Chi cục Hải quan Cảng 2 – thuộc Cục Hải quan Hải Phòng – nay là Chi cục Hải quan khu vực 3) và các đơn vị liên quan.

Theo cơ quan điều tra, từ tháng 7/2022 đến tháng 1/2024, nhóm cán bộ Chi cục Hải quan cảng 2 đã nhận “đút lót” hơn 8,1 tỷ đồng để bỏ qua sai phạm, cho thông quan 13.376 container theo 1.698 tờ khai hải quan mặt hàng gỗ, với tổng giá trị hơn 1.814 tỷ đồng.

Trước đó hơn một tháng, ngày 14/5, TAND TP. HCM đã xét xử năm bị cáo liên quan trong vụ án buôn lậu thiết bị, máy móc đã qua sử dụng từ nước ngoài với hơn 1.287 container hàng hoá, tổng giá trị hơn 217 tỷ đồng. Trong năm bị cáo, có ông Vũ Xuân Đồng (nguyên công chức Hải quan thuộc Chi cục Hải quan cửa khẩu Sài Gòn khu vực III) bị TAND TP. HCM tuyên phạt ba năm tù về tội “buôn lậu”.

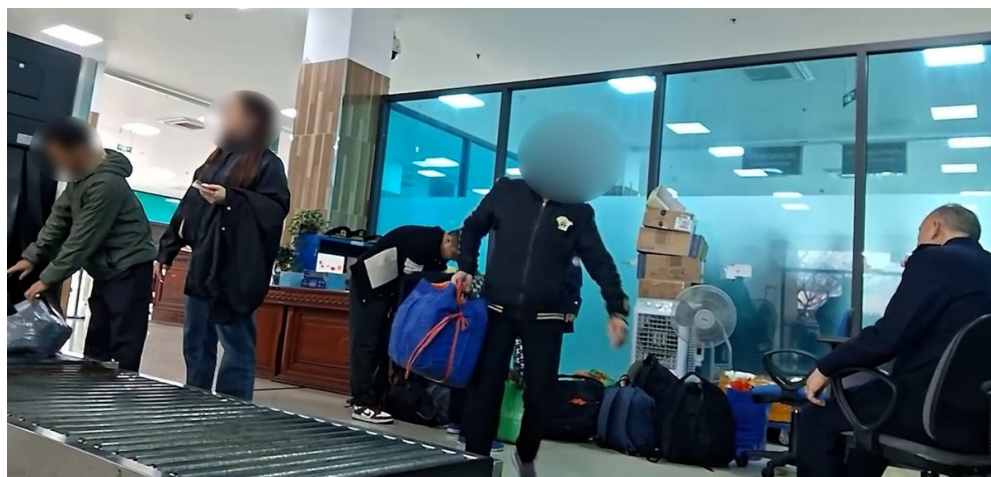
Theo cáo trạng, khi còn làm cán bộ hải quan, ông Đồng đã giúp cho Hoàng Duy Tiến, lúc đó là cán bộ Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an TP. HCM nhập khẩu trái phép trót lọt 698 container, với tổng trị giá hàng hóa hơn 118 tỷ đồng.

NGƯỜI DÂN VẪN CÒN CHUỘNG GIÁ RẺ HƠN CHẤT LƯỢNG

Bên cạnh những lỗ hổng từ khâu quản lý của chính quyền, không thể phủ nhận rằng thói quen tiêu dùng của một bộ phận người dân Việt Nam cũng đang vô tình tiếp tay cho sự lan rộng của hàng giả, hàng kém chất lượng.

Tâm lý “giá rẻ là ưu tiên hàng đầu” vẫn rất phổ biến trong thói quen mua sắm, đặc biệt tại các vùng nông thôn, ngoại thành hay bộ phận người dân có thu nhập thấp nói chung.

Theo *Báo Hà Tĩnh*, tại một chợ trên địa bàn tỉnh này, giày thể thao gắn nhãn các thương hiệu nổi tiếng được bày bán phổ



Tiểu thương ngang nhiên vận chuyển hàng hóa ngay tại lối đi không dành cho cư dân biển giới. Ảnh: HK. Nguồn: Báo Nông Nghiệp Môi Trường.



Chiếc túi mang thương hiệu Dior ở chợ thuộc TP. Hà Tĩnh được bán với giá vài trăm nghìn đồng. Nguồn: Báo Hà Tĩnh.

biến với giá chỉ từ 250.000 – 370.000 đồng. Chủ quầy hàng chia sẻ, ai cũng biết hàng chính hãng của những thương hiệu này đều phải tính tiền triệu. Trong khi đó, hàng nhái chỉ có giá vài trăm nghìn đồng lại giống hệt hàng thật nên người tiêu dùng vẫn chuộng, “có cầu ắt có cung”.

Cùng quan điểm, chị T.V., một nhân viên văn phòng, cho biết: “Các sản phẩm hàng hiệu như giày, túi có mẫu mã đẹp, hợp thời nhưng giá chính hãng thì không thể mua được nên tôi đành mua hàng nhái. Hơn nữa, những sản phẩm này không ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe nên dù biết hàng giả mình vẫn ‘tặc lưỡi’ mua”.

THIẾU MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, PHÂN PHỐI

Một trong những nguyên nhân ít được nhắc đến nhưng lại mang tính hệ thống, đó là thị trường hàng hóa đang thiếu một cơ chế giám sát chặt chẽ và minh bạch trong toàn bộ chuỗi cung ứng, từ sản xuất, phân phối, bán lẻ và tiêu dùng.

Chính lỗ hổng này đã tạo điều kiện cho hàng giả, hàng nhái và hàng kém chất lượng len lỏi hợp pháp hóa vào thị trường, thậm chí trà trộn vào cả những kênh phân phối chính thống.

Trong nhiều ngành, các doanh nghiệp sản xuất nhỏ lẻ có thể dễ dàng thay đổi nguyên vật liệu đầu vào, giảm bớt quy trình kiểm tra chất lượng mà không bị

phát hiện. Đặc biệt trong các lĩnh vực thực phẩm, đồ gia dụng, mỹ phẩm, thiết bị điện tử, v.v. việc sử dụng nguyên liệu rẻ tiền, không rõ nguồn gốc, là tình trạng diễn ra phổ biến.

Điển hình, sản phẩm kem chống nắng của hãng Hanayuki Sunscreen Body do chồng ca sĩ Đoàn Di Băng làm Tổng giám đốc bị phát hiện ghi sai thông tin chỉ số chống nắng. Cụ thể, bao bì sản phẩm thể hiện chỉ số SPF là 50, tuy nhiên kết quả kiểm nghiệm của Viện Kiểm nghiệm thuốc TP. HCM cho thấy chỉ số thực tế là SPF 2,4, chỉ bằng 4,8% so với con số công bố.

Theo Bộ Công an, 1.652 sản phẩm kem chống nắng của công ty này đã được bán ra thị trường, với tổng giá trị hơn 163 triệu đồng.

Trong khi đó, sự bùng nổ của thương mại điện tử, mạng xã hội và hình thức bán hàng livestream lại càng làm cho việc kiểm tra, giám sát trở nên khó khăn hơn.

Vụ việc Hoa hậu Nguyễn Thúc Thùy Tiên bị khởi tố về tội “lừa dối khách hàng”, cùng với Nguyễn Thái Hằng (Hằng Du Mục) và Phạm Quang Linh (Quang Linh Vlogs) là minh chứng rõ nét cho những hệ lụy tiêu cực từ hoạt động kinh doanh trực tuyến thiếu kiểm soát.

Không chỉ khâu sản xuất, hệ thống phân phối và tiêu thụ cũng tồn tại nhiều kẽ hở. Chợ truyền thống, đại lý nhỏ lẻ, cửa hàng tạp hóa vốn thiếu quy trình truy xuất nguồn gốc sản phẩm, khiến việc kiểm soát chất lượng hàng hóa gần như không thể.



Đoàn Di Băng quảng cáo kem chống nắng Hanayuki Sunscreen Body. Nguồn: Báo Dân Trí.

Tại kỳ họp thứ 9 vừa rồi, Quốc hội đã thông qua Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật sửa đổi và Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa sửa đổi.

Các quy định này được coi là bước tiến mới về việc pháp chế hoá công tác quản lý truy xuất nguồn gốc sản phẩm, đặc biệt đối với các sản phẩm có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người dân.

KHU VỰC BIÊN GIỚI CÒN NHIỀU KẼ HỖ AN NINH

Việt Nam có đường biên giới dài hơn 4.500 km trên đất liền và hàng nghìn km đường biển, với hàng trăm cửa khẩu chính ngạch và hàng ngàn lối mở, đường mòn lối tắt.

Trong đó, không ít tuyến đường bị các đường dây buôn lậu lợi dụng để vận

chuyển hàng giả, hàng nhái vào thị trường nội địa. Đặc biệt là các mặt hàng thời trang, điện tử, linh kiện, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, v.v.

Ngày 24/5, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 72 về việc tiếp tục đẩy mạnh ngăn chặn tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên, theo Tổng cục Hải quan, hoạt động vận chuyển, buôn lậu hàng hóa vẫn diễn ra nhộn nhịp ở một số tỉnh biên giới.

Tại nhiều tỉnh biên giới xuất hiện tình trạng nhiều đối tượng lợi dụng hình thức “tạm nhập tái xuất” hàng quá cảnh và “chuyển khẩu” để đưa hàng lậu vào nội địa hoặc vận chuyển qua các tuyến đường không chính thức.



Các gói hàng được cho là thuốc lá được “bung” ra khỏi các Container để chất lên xuồng cao tốc.
Nguồn: Báo Diễn Đàn Đô Thị.

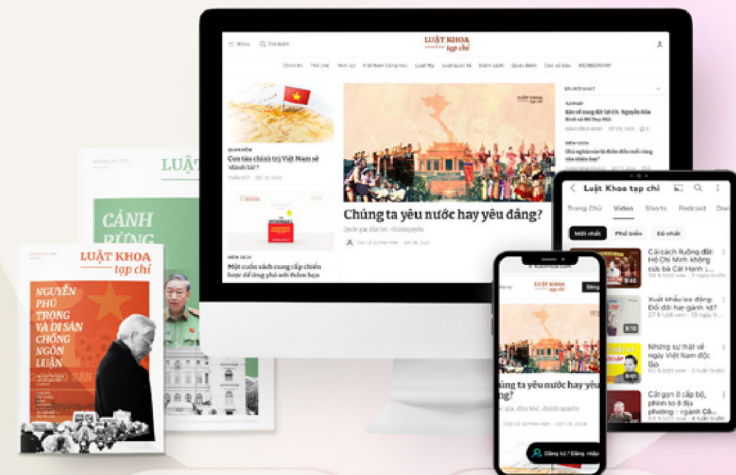
Giữa tháng Năm, theo ghi nhận của nhóm phóng viên Báo Diễn Đàn Đô Thị, tại khu vực Cảng Vạn Gia, thuộc TP. Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, cảnh vận chuyển hàng lậu từ tàu chở container “xuồng bay” diễn ra nhộn nhịp từ sáng đến tận đêm khuya, khiến khu vực này như một “chợ nổi” giữa biển.

Đáng chú ý, toàn bộ quá trình giao nhận, chuyển tải hàng hóa đều không thấy có sự xuất hiện hay giám sát nào từ các lực lượng chức năng. □

LÀM BÁO ĐỘC LẬP KHÔNG SỢ AI KHÔNG NINH AI

Chúng tôi nguyện làm báo chính trực, đàng hoàng, và vô vị lợi.
Kiểm duyệt không có chỗ ở đây.

Ngay lúc này, bạn có thể ủng hộ sứ mệnh làm báo độc lập
của chúng tôi bằng cách mua báo hoặc đóng góp.



MEMBER

\$2

1 THÁNG

SUPPORTER

\$5

1 THÁNG

ĐĂNG KÝ NGAY

www.luatkhoa.com



Nguồn ảnh: Nhã Nam.

TOÀN CẢNH VỤ QUẤY RỐI TÌNH DỤC Ở CÔNG TY SÁCH NHÃ NAM

Sùng Chính

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 22/07/2025.

Cơ quan an ninh điều tra Công an TP. Hà Nội vừa có yêu cầu xử lý hành chính và thu hồi giấy phép lao động đối với ông Đặng Hoàng Giang – tác giả của sách *Thiện, ác và smartphone*.

Ông Giang bị cáo buộc đã có những bài đăng chia sẻ “sai sự thật” vụ khống ông Nguyễn Nhật Anh, nguyên tổng giám đốc công ty cổ phần Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam, trên tài khoản mạng xã hội của mình.

Trước đó, hồi tháng 4/2024, phía Nhã Nam đã cho thôi chức vụ lãnh đạo của ông Nguyễn Nhật Anh vì liên quan đến vụ việc quấy rối tình dục đối với một nhân viên nữ của công ty này.

Đồng thời, fanpage của Nhã Nam cũng đăng tải bài viết xin lỗi và cam kết sẽ giải quyết vụ việc. Tuy nhiên cho tới nay, Nhã Nam không cập nhật thêm bất kỳ thông tin về vụ việc, cũng như kết quả thực hiện của những cam kết mà công ty đã đưa ra trước đó.

Ý KIẾN DƯ LUẬN XOAY QUANH CÁCH XỬ LÝ MỘT VỤ QUẤY RỐI

Công an TP. Hà Nội vừa có văn bản kết luận đề nghị xử phạt hành chính ông Giang vì hành vi “đăng tải thông tin sai sự thật” ở các bài viết của ông. Từ tháng 11/2024, phía cơ quan cảnh sát điều tra thuộc Bộ Công An cũng cho biết hành vi của ông Nguyễn Nhật Anh không có dấu hiệu cấu thành tội phạm, đồng thời, không phân công giải quyết đơn tố cáo bị quấy rối tình dục của bà B.T.H (cựu nhân viên của Nhã Nam).

Sau khi kết quả điều tra và xử lý vụ việc được công bố, ngay lập tức trong dư luận đã xuất hiện nhiều ý kiến bàn tán xôn xao về vụ việc. Trong số đó, nổi bật là một số ý kiến của các chuyên gia và người nổi tiếng trên mạng xã hội đã đưa ra nhận định về “điểm nghẽn” pháp lý ở Việt Nam trong vấn đề xử lý các cáo buộc quấy rối tình dục.

Tiến sĩ Vũ Hoàng Linh cho rằng luật hình sự của Việt Nam vẫn chưa có quy định về tội quấy rối tình dục. Vì vậy, phía công an mới xem xét hành vi của ông Nguyễn Nhật Anh là không cấu thành tội phạm.

Ngoài ra, phía công an vẫn chưa có thông báo làm rõ rằng vụ việc trên có tồn tại hành vi bị cho là quấy rối tình dục hay không. “Tất cả mọi thứ chỉ là một cái hộp đen, cho dù sự việc gây xôn xao dư luận và ảnh hưởng tới cuộc đời của nhiều người và một công ty lớn”, theo tiến sĩ Linh.

Tương tự, tài khoản Dương Quốc Chính nhận định rằng quấy rối tình dục là một “khái niệm khá mù mờ ở Việt Nam” do pháp luật chưa bao giờ rõ ràng về việc này. Do đó, từ góc độ quan sát khách quan, rất khó để xác định ai đúng, ai sai trong vụ việc, “một phần là do pháp luật cũng không rõ ràng về chuyện này, mặt khác là do quan niệm xã hội cũng không đồng nhất, nên rất khó xác định”, tài khoản này viết.

Theo chuyên gia Lương Thế Huy, các vụ quấy rối thường diễn ra ở nơi kín đáo, không nhân chứng, dấu vết dễ tiêu biến, trong khi hệ thống pháp luật thường “không biết phải làm gì với những sự thật không thể vật chứng hóa” như ký ức hay những tổn thương tâm lý. “Một vụ việc tố cáo không thành trong tố tụng không có nghĩa là nạn nhân hay nhân chứng nói dối. Nó có thể chỉ đơn giản là thiếu bằng chứng.” – chuyên gia này viết.

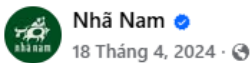
Bên cạnh đó, tiến sĩ Nguyễn Hoàng Anh cũng nêu hai yếu tố khó hiểu trong vụ việc. Thứ nhất, ông Nhật Anh đã công khai xin lỗi trong vụ việc nhưng vì sao lại quy cho người tố cáo là “nói sai sự thật”. Thứ hai, công việc của ông Giang không liên quan đến vụ việc, nhưng lại bị phía công an yêu cầu “thu hồi giấy phép lao động”.

“Nếu vì vậy mà ông bị xử phạt thì từ sau còn ai dám tố cáo nữa vì người tố cáo làm sao có nghiệp vụ điều tra để khẳng định được?”, tiến sĩ Anh đặt nghi vấn.

Đồng thời, bà Anh còn cho rằng Nhã Nam là một công ty truyền thông luôn

phổ cập các giá trị như “nhân văn”, “cái đẹp” nhưng lại đi tố cáo chính tác giả của mình một thứ “không phổ quát” như “tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ”.

ĐIỂM LẠI SỰ KIỆN “QUẤY RỐI TÌNH DỤC” Ở NHÃ NAM



Nhã Nam

18 Tháng 4, 2024 ·

Ban Giám Đốc Công ty CP Văn hoá và Truyền thông Nhã Nam

THÔNG BÁO CHÍNH THỨC

Gửi các bạn đọc và những bạn có quan tâm,

Đầu tiên, chúng tôi - Ban Giám Đốc Công ty Nhã Nam chân thành xin lỗi bạn đọc về những thông tin tiêu cực được lan truyền có liên quan đến công ty Nhã Nam trong thời gian vừa qua vì đã không làm rõ sự việc một cách nhanh chóng và rõ ràng.

Là một công ty chuyên về phát hành sách, chúng tôi cố gắng mang những ấn phẩm sách có chất lượng tốt nhất đến với bạn đọc và cộng đồng. Và chúng tôi cũng ý thức về việc xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và văn minh với đại đa số nhân viên là nữ giới. Do đó, chúng tôi xin lỗi vì những sự việc đã xảy ra, cũng như sự yếu kém của đội ngũ trong tiếp nhận thông tin và không có cách xử lý vấn đề thỏa đáng và kịp thời, khiến bạn đọc và các bên liên quan cảm thấy bất bình. Nay, chúng tôi đưa ra thông báo sau:

Điều 1: Chúng tôi xác nhận việc ngừng hợp tác với tác giả Đặng Hoàng Giang vào ngày 9/4/2024 thông qua email mà tác giả đã gửi đến cho chúng tôi vào ngày 03/04/2024 với thời hạn kết thúc chính thức từ ngày 15/4/2024. Chúng tôi tôn trọng mọi quyết định của tác giả.

Điều 2: Về những thông tin, cáo buộc liên quan đến môi trường làm việc tại công ty Nhã Nam và ông Nguyễn Nhật Anh (Tổng Giám Đốc), chúng tôi quyết định tạm thời ngừng vị trí công tác của ông tại công ty.

Điều 3: Chúng tôi cử ông Dương Thanh Hoài - Phó Tổng Giám Đốc trở thành người nhận trách nhiệm xử lý các vấn đề có liên quan đến công ty Nhã Nam kể từ thời điểm này. Theo đó, chúng tôi sẽ xúc tiến làm việc với cơ quan có thẩm quyền và cá nhân ông Nguyễn Nhật Anh để xác minh và làm rõ những sự việc, thông tin có liên quan; xác định tính chất và mức độ của vụ việc; xác định mức độ gây tổn hại đối với bên liên quan và đối với công ty Nhã Nam. Từ đó, chúng tôi sẽ có những biện pháp xử lý và kỷ luật thỏa đáng đối với ông Nguyễn Nhật Anh tại công ty Nhã Nam.

Điều 4: Chúng tôi thành thật xin lỗi vì những sự việc không hay xảy đến với cựu nhân viên của công ty, gây tổn hại đến sức khỏe tinh thần và tâm lý của chị. Chúng tôi đã sai trong việc tiếp nhận thông tin không kịp thời và xử lý chưa thỏa đáng. Chúng tôi xin lỗi về sự yếu kém này và sẵn lòng chịu hoàn toàn mọi phí tổn liên quan đến tổn thất về tinh thần và thể chất của chị.

Điều 5: Chúng tôi xin lỗi toàn bộ các tác giả và các đối tác đã và đang cộng tác với Nhã Nam vì gián tiếp chịu ảnh hưởng từ sự việc liên quan đến chúng tôi.

Điều 6: Chúng tôi xin lỗi toàn thể cán bộ, nhân viên của công ty Nhã Nam vì đã gián tiếp gánh chịu những thông tin tiêu cực, gây hoang mang và mất lòng tin trong thời gian qua do sự xử lý yếu kém của chúng tôi.

Thông cáo bày điểm của Công ty sách Nhã Nam với các cam kết xử lý vụ việc.

Sự việc một nhân viên nữ bị quấy rối tình dục ở công ty cổ phần Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam dấy lên sự quan tâm trong dư luận khi ông Đặng Hoàng Giang công bố dừng việc hợp tác cùng đơn vị này từ ngày 14/4/2024.

Rạng sáng ngày 18/4/2024, fanpage Nhã Nam đăng tải bức thư xin lỗi của ông Nguyễn Nhật Anh, nguyên tổng

giám đốc công ty cổ phần Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam. Trong thư, ông Anh nêu rõ đã có “hành động thể hiện sự quan tâm, quý mến” đối với một nữ nhân viên nơi đây.

Ông Anh đính chính rằng các hành động này “không vượt quá giới hạn đạo đức giữa con người với con người và nằm trong bối cảnh cụ thể”. Ông nói đã gửi lời xin lỗi nữ nhân viên này hôm 31/3/2024.

Tuy nhiên, hiện nay không còn thấy bức thư này còn tồn tại trên fanpage của Nhã Nam nữa. Cùng ngày, tối 18/4, phía Nhã Nam tiếp tục công bố “Thông báo chính thức” liên quan vụ việc quấy rối tình dục, cũng như đưa ra giải pháp cụ thể hơn đối với bức thư xin lỗi của ông Anh.

Theo đó, văn bản của Nhã Nam nêu ra bảy cam kết làm giải pháp cho vụ việc. Ngoài ra, thông báo cũng xác nhận lại việc ngừng hợp tác cùng ông Đặng Hoàng Giang; xin lỗi bà B.T.H. bị quấy rối tình dục, đối tác và cán bộ nhân viên Nhã Nam chịu ảnh hưởng của sự việc.

Nhã Nam cũng thông báo có quyết định tạm đình chỉ chức vụ tổng giám đốc của ông Nguyễn Nhật Anh và xác nhận sẽ xúc tiến làm việc với cơ quan có thẩm quyền để xác minh, làm rõ vụ việc. Đơn vị này cũng cam kết sẽ cung cấp toàn bộ thông tin liên quan đến vụ việc quấy rối tình dục sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

Tuy nhiên, từ thời điểm đó đến nay, Nhã Nam vẫn chưa có công khai gì thêm cho những cam kết của mình. Ngược lại, phía Nhã Nam đã khôi phục chức vụ cho ông Nguyễn Nhật Anh vào tối 21/7, theo thông tin từ *Báo Lao Động*.

DIỄN BIẾN ÔNG ĐẶNG HOÀNG GIANG TỐ CÁO ÔNG NGUYỄN NHẬT ANH VỀ HÀNH VI QUẤY RỐI TÌNH DỤC

Ngày 15/4/2024, ông Giang đột ngột công khai trên trang cá nhân Facebook của mình về việc dừng hợp tác xuất bản cho công ty sách Nhã Nam mà không nêu rõ lý do.

“Trong 9 năm qua, tôi và Nhã Nam đã đồng hành để cho ra đời năm đầu sách, đem gần một phần tư triệu ấn bản tới tay bạn đọc [...]. Đây là một quyết định được xem xét và suy nghĩ kỹ, và là hệ quả của một tình huống mà tôi mới được biết tới gần đây.” – ông viết.

Bài viết sau đó thu hút lớn sự quan tâm: đạt 24.000 lượt tương tác, 1.500 bình luận, và 2.500 lượt chia sẻ. Trong đó có nhiều bình luận ủng hộ quyết định này của ông Giang, như “cảm ơn anh Giang đã dứt khoát tỏ thái độ thật mạnh mẽ. Xã Hội cần lắm những nỗ lực như anh đang làm”, “mong nhiều tác giả khác theo chân Giang”, v.v.

Tuy vậy, cũng có số ít người cho rằng ông Giang “nóng vội” khi đưa ra quyết định. Đơn cử như một tài khoản bình luận: “Nếu sự thật không phải như anh phán đoán thì sao [...] Anh Giang đăng một loạt bài về quấy rối tình dục, sau đó đăng cái thông báo như vậy chẳng khác gì anh ấy kết án luôn và đương nhiên cộng đồng mạng sẽ lập hội đồng đầu tố, quy tội.”

Trước đó, ngày 11/4 và ngày 14/4, ông Giang viết hai bài viết chia sẻ quan điểm

của mình về vấn đề quấy rối tình dục. Ở đầu đề của cả hai bài viết, ông đều đặt vấn đề rằng “trong công việc của mình”, “gần đây” gặp và trò chuyện cùng nạn nhân bị quấy rối tình dục, nhưng ông không nêu rõ là ai, ở đâu.

Ngày 17/4/2024, trong một bài viết khác, chia sẻ câu chuyện của nạn nhân bị quấy rối tình dục. Ông Giang cho rằng hiện nay có rất nhiều “người sếp, người bác, người thầy” biện hộ cho các động cơ quấy rối tình dục là “vô tư, trong sáng, không có ý gì và không nghĩ gì nhiều” và việc đó không làm cho họ thoát khỏi “trách nhiệm kẻ phạm tội”.

Đến ngày 20/4/2024, ông Giang một lần nữa có bài viết để cập lại việc bản thân dừng hợp tác với công ty sách Nhã Nam. Nhưng lần này, ông nêu rõ lý do quyết định của mình.

Theo đó, ông cho biết nạn nhân bị quấy rối tình dục là người nhà của ông. Lý do ông dừng hợp tác vì “phản đối những gì đã xảy ra” và chờ đợi ban giám đốc Nhã Nam thực hiện cam kết trong thông cáo bảy điểm trước đó.

Điều đáng chú ý là lần này ông Giang nêu rõ đích danh ông Nguyễn Nhật Anh, nguyên tổng giám đốc Nhã Nam,

là nguyên nhân làm phát sinh vụ việc.

Đến ngày 10/6/2024, cả công ty cổ phần Văn hóa và Truyền thông Nhã Nam và ông Nguyễn Nhật Anh đều đâm đơn tố cáo ông Đặng Hoàng Giang vì có hành vi vu khống, xúc phạm, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm, uy tín của tổ chức và cá nhân.

Sau đó, ngày 21/6/2024, ông Giang lại tiếp tục đăng trên Facebook cho biết phía Nhã Nam chưa có một hành động cụ thể nào từ cam kết hôm 18/4. Ông cũng cho biết thêm rằng nạn nhân “chị B.T.H.” (cựu nhân viên của Nhã Nam) đã tố cáo ông Nguyễn Nhật Anh và một số cán bộ ở Nhã Nam khác từng phớt lờ “đề nghị” của chị.

TIẾN SĨ ĐẶNG HOÀNG GIANG LÀ AI?

Tiến sĩ Đặng Hoàng Giang được biết với vai trò là “chuyên gia phát triển, nhà hoạt động xã hội, và tác giả chính luận”. Ông đã hợp tác phát hành sách với đơn vị Nhã Nam trong chín năm. Hồi tháng 4/2024, ông tuyên bố ngừng việc hợp tác.

Ông Đặng Hoàng Giang sinh năm 1966, nguyên quán Hà Nội. Ông là du học sinh, tốt nghiệp bậc đại học và thạc sĩ ở Đức, bảo vệ luận án tiến sĩ Đại học Công nghệ Vienna ở Áo. Ông Giang được biết là một người Áo, gốc Việt vì có thời gian sinh sống ở Áo trong khoảng 20 năm và mang quốc tịch của nước này.



Ông Giang đăng công khai ngừng hợp tác cùng Công ty sách Nhã Nam trên trang cá nhân Facebook của mình.



Một trang sách của tác phẩm Đại dương đen, có chữ ký của ông Giang ký tặng bạn đọc.
Ảnh: Luong Hue Trinh.

Quá trình chấp bút cho Nhã Nam, tiến sĩ Đặng Hoàng Giang có năm đầu sách ghi dấu ấn gồm: *Bức xúc không làm ta vô can; Đại dương đen; Điểm đến cuộc đời; Tìm mình trong thế giới hậu tuổi thơ; Thiện, ác và smartphone*. Hồi tháng 3/2024, theo một bài viết trên fanpage Nhã Nam, ông Giang thuộc “top sáu tác giả” có số lượng tác phẩm tiếng Việt nhiều nhất.

Sách của ông còn được chuyển thể thành dạng nói trên ứng dụng sách nói Fonos của công ty cổ phần Fonos.

Năm 2017, một đoạn trích trong tác phẩm *Thiện, ác và smartphone* của ông được đưa vào kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông môn Ngữ Văn.

Ở hiện tại, theo quan sát, ông tập trung vào vai trò tác giả sách với hàng loạt các bài giới thiệu sách đăng tải trên trang cá nhân của mình. Ông còn tham gia với vai trò là diễn giả ở các workshop giao lưu văn hóa, nghệ thuật, hội thảo giới thiệu sách trực tuyến, ghi hình podcast, v.v.

TRƯỜNG HỢP QUẤY RỐI TÌNH DỤC TƯƠNG TỰ ĐÃ XẢY RA GẦN ĐÂY

Đó là vụ việc tương tự của nhà thơ Dạ Thảo Phương. Theo đó, bà Phương tố cáo ông Lương Ngọc An đã có hành vi quấy rối tình dục mình từ hơn 20 năm trước, lúc hai người cùng là đồng nghiệp ở báo Văn nghệ.

Vụ việc này lần đầu tiên được bà Phương đăng tải ngày 6/4/2022, tố cáo nhà thơ Lương Ngọc An, đã cưỡng hiếp bắt thành vào ngày 14/4/2000. Bà Phương

đã nhiều lần làm đơn tố cáo ông An nhưng đều nhận lại sự im lặng của ban lãnh đạo báo Văn Nghệ, cũng như Hội Nhà văn Việt Nam.

Ngày 5/12/2024, ông Lương Ngọc An được Hội Nhà văn Việt Nam trao quyết định điều động giữ chức phó tổng biên tập Tạp chí Nhà văn và Cuộc sống từ ngày 28/11/2024.

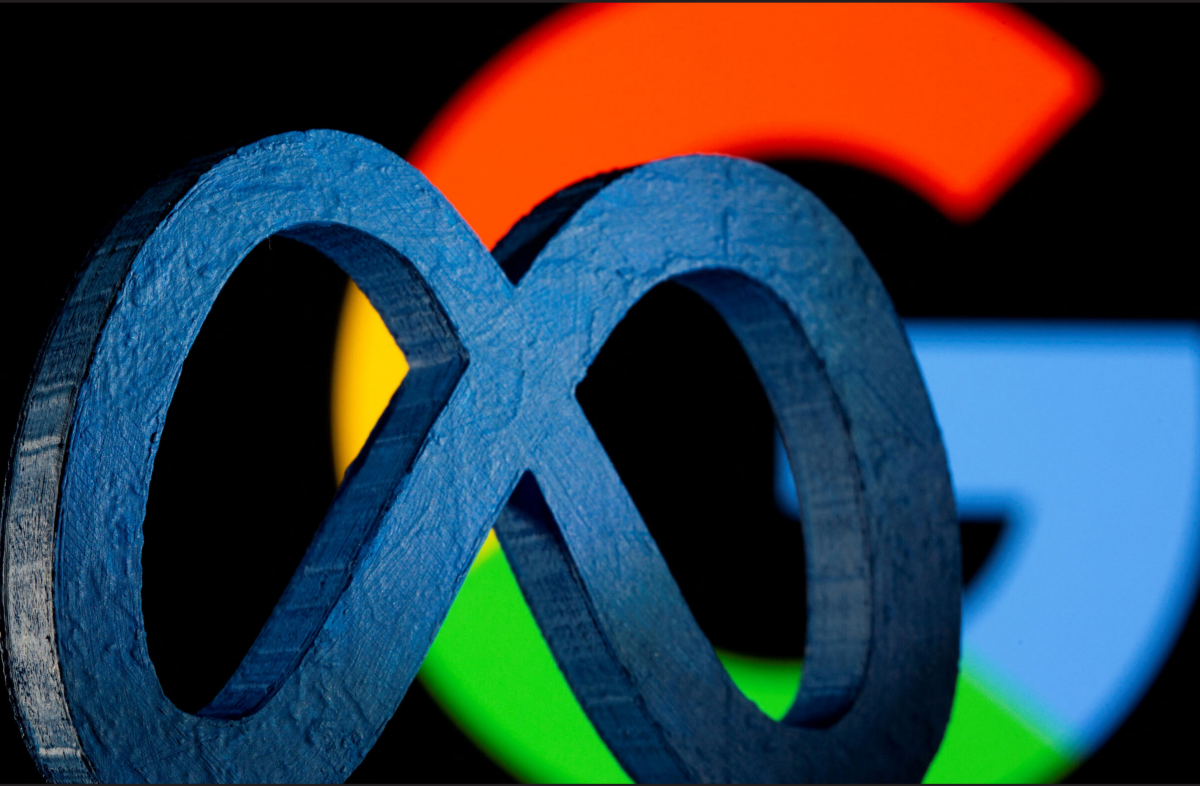
Ngay sau đó, gia đình bà Phương đăng tải bức tâm thư do thân sinh bà Phương viết để phản đối việc bổ nhiệm ông Lương Ngọc An, đồng thời một lần nữa tố cáo ông An.

Đến ngày 3/1/2025, Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam thông báo rút lại việc điều động nhà thơ Lương Ngọc An trước đó chưa đầy một tháng. Quyết định này được đưa ra trong bối cảnh dư luận đang “dậy sóng”, giới trí thức lên tiếng bảo vệ nhà thơ Dạ Thảo Phương. □

THEO DÕI

Luật Khoa Tạp chí để cập nhật các bài viết hữu ích về Nhân quyền, Dân chủ, Pháp quyền.

Website luatkhoa.com
Facebook www.fb.com/luatkhoa.org
Instagram www.instagram.com/luatkhoatapchi
Youtube bit.ly/LK-Youtube
Store store.luatkhoa.com
Spotify spoti.fi/3vcQD5x
Tiktok www.tiktok.com/@luatkhoatapchi
Telegram t.me/s/luatkhoatc



Mối quan hệ nhạy cảm với các chính quyền độc tài khiến cho các công ty công nghệ như Facebook và Google gần như không thể tiếp xúc với các tổ chức xã hội dân sự. Ảnh: Dado Ruvic/Reuters.

NHÂN QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP

Trịnh Hữu Long

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 7/7/2025.

Ở nước ta, hai chữ nhân quyền hãy còn mới mẻ với đa số công chúng, chứ đừng nói gì tới chuyện đánh giá tác động nhân quyền của một doanh nghiệp.

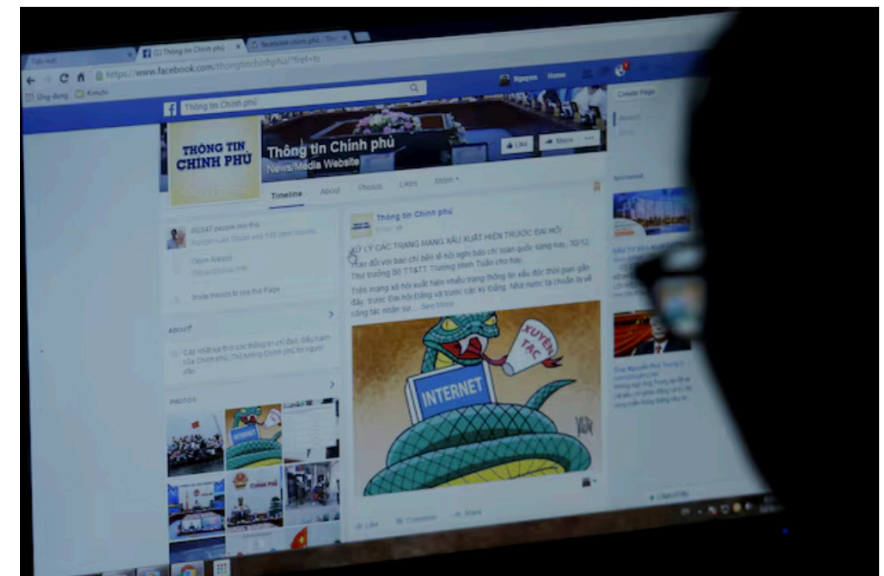
Ấy vậy nhưng trên thế giới, việc đánh giá tác động nhân quyền đã trở thành thủ tục thường thấy trong hoạt động lập pháp, triển khai dự án của chính phủ, lẫn hoạt động của các doanh nghiệp. Ai mà đi đánh giá tác động nhân quyền của một doanh nghiệp? Có, chính bản thân doanh nghiệp đó, đối tác của họ, và các tổ chức độc lập.

Tôi có dịp được tham gia một dự án như vậy với hai tổ chức ARTICLE 19 và Ranking Digital Rights (RDR), với tư cách là đại diện của Sáng kiến Pháp lý Việt Nam, cơ quan chủ quản của Luật Khoa tạp chí.

Dự án này là lần đầu tiên hoạt động của Facebook ở Việt Nam được một nhóm xã hội dân sự Việt Nam đánh giá. Trước đây, việc này thường do các công ty ở Singapore làm. (Tôi có gặp đại diện của một trong những công ty như vậy, tên là BSR, trong khuôn khổ dự án này.)

Trước khi bắt tay vào triển khai thì tôi được đưa đi tập huấn về phương pháp đánh giá CLARITI do RDR phát triển. Chuyện thú vị là khi ngồi nghe các chuyên gia từ Đài Loan và Miến Điện chia sẻ, tôi nhận ra nhiều doanh nghiệp ở các nước này đua nhau để được xếp hạng cao trong các bản đánh giá tác động nhân quyền. Chuyện đánh giá, tưởng như làm cho vui vậy, hóa ra lại có tác động không nhỏ tới hành vi của các doanh nghiệp được đánh giá. Dĩ nhiên, chuyện này ở ta thì còn lâu mới có.

Kết quả đánh giá mà tôi làm cùng với hai chuyên gia Việt Nam – Hoàng Minh Trang và H' Bdap Krong – được công bố vào cuối tháng 5/2025, cho thấy tác động khá tiêu cực của Facebook đối với nhân quyền ở Việt Nam. [*] Không những Facebook đang đồng lõa với chính quyền Việt Nam trong việc kiểm duyệt nội dung, mà họ còn thất bại trong việc kiểm soát những thông tin gây hại như thông tin về lừa đảo và buôn người. Đồng thời, các thuật toán của Facebook đang tạo điều kiện thuận lợi cho các diễn ngôn



Các thuật toán của Facebook đang tạo điều kiện thuận lợi cho các diễn ngôn tuyên truyền của chính quyền và các loại nội dung giải trí, nhưng lại hạn chế tương tác của các tiếng nói độc lập. Ảnh: Kham/Reuters.

tuyên truyền của chính quyền và các loại nội dung giải trí, nhưng lại hạn chế tương tác của các tiếng nói độc lập.

Cũng thông qua dự án này mà chúng tôi có dịp hiểu hơn về các sắc thái khác nhau của cộng đồng doanh nghiệp công nghệ, nhất là ở Đông Nam Á. Mỗi quan hệ nhạy cảm với các chính quyền độc tài khiến cho các công ty công nghệ như Facebook và Google gần như không thể tiếp xúc với các tổ chức xã hội dân sự.

Trong khi đó, một số hiệp hội của các doanh nghiệp công nghệ lại sốt sắng hơn trong việc gặp gỡ với các chuyên gia và tổ chức xã hội dân sự. Chúng tôi có nhiều dịp được họp online chung với các doanh nghiệp công nghệ như Facebook và Google (và cùng với hàng chục công ty khác nữa trong cùng phiên thảo luận) thông qua cơ chế Sáng kiến Mạng lưới Toàn cầu (GNI).

Nhân quyền, suy cho cùng vẫn là một chuyện thứ yếu ở khắp nơi trên thế giới. Ở đâu đi nữa, tiền bạc và lợi ích vẫn là thứ người ta quan tâm hơn cả. Đánh giá tác động nhân quyền, do vậy, cũng không biết tác động được đến hành vi của những đại công ty như Facebook tới đâu. Chỉ biết rằng, một khi tôn trọng nhân quyền gắn với lợi ích của doanh nghiệp, nhân quyền sẽ có địa vị quan trọng hơn trong hoạt động của họ. Cách tiếp cận kinh doanh và nhân quyền của phương pháp CLARITI này chính là nhắm tới điều đó. □

CHÚ THÍCH

[*] LIV. (2025, May 31). New Report: Human Rights Impact Assessment of Facebook in Vietnam – Legal Initiatives for Vietnam. Retrieved June 30, 2025, from Legal Initiatives for Vietnam website: <https://liv.ngo/publications/2025/05/new-report-human-rights-impact-assessment-of-facebook-in-vietnam/>



Ảnh: JethuynhCan. Nguồn ảnh: The Guardian.

CHUYỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG NHÂN QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP: TỪ CƯƠNG LĨNH TỚI ĐỜI THỰC CÒN RẤT XA

Đan Thanh

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 18/7/2025.

Lời nói đầu, tôi kính cảm ơn Tổng biên tập Trịnh Hữu Long với bài viết “*Nhân quyền và lợi ích doanh nghiệp*” đã cho tôi một góc nhìn về một vấn đề mà tôi hằng bận tâm đã lâu. Tại đây, tôi cũng có vài bản khoản muốn mở rộng như sau.

Nhằm giúp độc giả dễ tiếp cận, tôi xin phép chia bài viết của tác giả Trịnh Hữu Long ra một vài luận điểm để tiện trao đổi.

LUẬN ĐIỂM 1: KHÁI NIỆM “NHÂN QUYỀN” VẪN CÒN MỚI MẸ, HUỐNG HỒ LÀ CHUYỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG NHÂN QUYỀN CỦA DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

Tôi vô cùng đồng ý với tác giả dưới góc nhìn là người sống ở Việt Nam đã lâu. Mặc dù trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (bổ sung và phát triển năm 2011) cùng với các văn kiện Đại hội 11, 12 và 13, đảng cộng sản luôn khẳng định tầm quan trọng của việc bảo đảm hạnh phúc, phát triển tự do và toàn diện cho con người. Đồng thời, đảng còn nhấn mạnh yêu cầu tôn trọng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, cũng như nghiêm túc thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên.

Tuy nhiên, từ cương lĩnh bước ra đời thực vẫn còn rất xa. Xét riêng trong hoạt động doanh nghiệp, *“tác động nhân quyền của doanh nghiệp”* (business-related human rights impacts) đề cập đến ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực mà một doanh nghiệp có thể gây ra đối với quyền con người của các cá nhân hoặc cộng đồng liên đới bởi hoạt động của doanh nghiệp đó. Theo đó, một doanh nghiệp có thể trực tiếp gây ra, hoặc liên đới phần nào với các hành vi vi phạm quyền con người, ví dụ: lao động cưỡng bức, bóc lột, trả lương thấp, phân biệt đối xử trong tuyển dụng và nơi làm việc, xâm phạm quyền riêng tư của người dùng (đặc biệt là doanh nghiệp công

nghệ), v.v. Và đó chính xác là những hiện tượng thường xuyên được thấy ở Việt Nam, đặc biệt với tầng lớp dân lao động thấp cổ bé họng.

Đơn cử một hiện tượng như sau: tại Việt Nam, anh Thành, 31 tuổi, nạn nhân, là một cộng tác viên giao hàng theo hệ thống xếp hạng ưu tiên của công ty, mất hơn 10 tiếng đòi số tiền nợ 375.000 đồng từ khách, sau tất cả, không những không đòi lại được tiền mà còn phải nhận đánh giá một sao, dẫn tới sẽ bị công ty phạt 500.000 đồng. Nếu thu được anh chỉ nhận có 4.000 tiền công. Nhưng tệ hơn, từ mâu thuẫn rất nhỏ này, anh bị mất mạng, bỏ lại sau lưng cả một gia đình.

Những câu chuyện như thế cứ xảy ra hằng hà sa số trên mảnh đất Việt Nam. Bất cứ những đánh giá một sao nào cũng sẽ đánh thẳng vào thu nhập của tài xế công nghệ (chứ không hề trừ vào tiền thưởng). Nhấn mạnh rõ ở đây là thu nhập chứ không phải *lương cứng*. Vì sao? Những tài xế công nghệ không được bảo vệ bởi Bộ luật Lao động 2019 vì mối quan hệ giữa họ và doanh nghiệp chỉ được coi là *đối tác kinh doanh* chứ không phải *người lao động*. Tuy nhiên, trong thế cờ đó, doanh nghiệp đẩy những “đối tác kinh doanh” vào một luật chơi chỉ có lợi cho phía doanh nghiệp mà thôi – một hợp tác bất bình đẳng.

Trong khi đó, cũng là câu chuyện mối quan hệ lao động giữa tài xế và hãng xe công nghệ, tại Anh quốc, Tòa Tối cao Vương quốc Anh đã có phán quyết những tài xế khởi kiện Uber (không phải tất cả tài xế) dứt khoát là *những người lao động*, từ chính hệ thống đánh giá sao của Uber áp dụng lên những tài xế này.

Một diễn biến khác xảy ra tại Pháp, Tòa Tối cao tại Paris công nhận 28.000 tài xế Uber đang trong “mối quan hệ lao động” (2020).

Một ví dụ nhỏ và dễ hiểu cho thấy tại Việt Nam, nếu nhân quyền và lợi ích doanh nghiệp đứng chung một ván cờ thì dường như phần thắng đã nằm hẳn về một bên. Điều này phản ánh một thực trạng rằng quyền con người, dù được thừa nhận về mặt nguyên tắc, vẫn chưa có đủ cơ chế bảo vệ thực chất để tạo ra đối trọng hiệu quả với các ưu tiên kinh tế.

Điều tôi thực sự băn khoăn: tại sao cùng một câu chuyện tài xế – hãng xe công nghệ thì trong sân chơi toàn cầu, quyền của người lao động Việt Nam vẫn thua thiệt rất nhiều. Họ làm việc nhiều giờ, thu nhập thấp, ít tiếng nói và gần như không có sự bảo vệ độc lập nào ngoài chính hệ thống họ phải phụ thuộc? Nếu ví quyền lao động quốc tế là một mặt bằng phẳng, thì người lao động Việt Nam vẫn đang bước đi trên địa hình gập ghềnh, chưa bao giờ được bước lên “sân khấu chính” của cuộc đối thoại về quyền con người.

LUẬN ĐIỂM 2: TRÊN THẾ GIỚI, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG NHÂN QUYỀN LÀ MỘT THÔNG LỆ PHỔ BIẾN

Với luận điểm này, tôi xin phép không dám đưa ra bất cứ quan sát cá nhân nào, vì so với tác giả, tôi chỉ đáng tuổi con cháu, chưa có cơ hội lần trải nghiệm bước

ra thế giới nhiều để đúc kết toàn bộ. Rất đáng mừng nếu tồn tại việc đánh giá tác động nhân quyền như một thủ tục quen thuộc trong hoạt động lập pháp, triển khai dự án, và hoạt động doanh nghiệp như tác giả đề cập, gồm các bên tham gia đánh giá: bản thân doanh nghiệp, đối tác, và các tổ chức độc lập.

Sự hiện diện của cơ chế này thể hiện một bước tiến trong tư duy quản trị hiện đại, nơi các quyết định kinh tế và chính sách công không thể tách rời khỏi trách nhiệm nhân quyền. Việc có nhiều bên cùng tham gia đánh giá, từ bản thân doanh nghiệp, các đối tác cho đến các tổ chức độc lập, không chỉ giúp bảo đảm tính minh bạch và đa chiều của quá trình đánh giá, mà còn góp phần kiểm soát quyền lực doanh nghiệp – điều đặc biệt quan trọng trong bối cảnh kinh tế tư nhân ngày càng có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội.

Tuy nhiên, tôi cũng có một chút băn khoăn rằng: để việc đánh giá tác động nhân quyền thực sự có ý nghĩa và tránh sáo rỗng về mặt hình thức, thì cần có các tiêu chuẩn rõ ràng, cơ chế giám sát độc lập và điều kiện để các tổ chức xã hội dân sự có thể tham gia một cách bình đẳng và không bị cản trở. Đặc biệt, trong bối cảnh ở Việt Nam, nơi mà các tiếng nói phê bình còn bị đàn áp và vai trò của xã hội dân sự còn bị hạn chế thì đúng như lời tác giả nhận định: *“chuyện này ở ta thì còn lâu mới có”*. Việc áp dụng và nội địa hóa các chuẩn mực quốc tế về đánh giá nhân quyền đòi hỏi quyết tâm chính trị và quan trọng hơn hết chính là sự chuyển biến trong nhận thức về vai trò của nhân quyền.

LUẬN ĐIỂM 3: VÌ SAO DOANH NGHIỆP KHÔNG CÓ ĐỘNG LỰC ĐỂ COI TRỌNG NHÂN QUYỀN, NHẤT LÀ TRONG BỐI CẢNH NHƯ VIỆT NAM?

Muốn tạo nên chuyển biến trong nhận thức về vai trò của nhân quyền đối với quần chúng lẫn doanh nghiệp Việt Nam là vấn đề rất khó, thậm chí mối quan hệ nhạy cảm với các chính quyền độc tài khiến cho các công ty công nghệ toàn cầu như Facebook và Google gần như không thể tiếp xúc với các tổ chức xã hội dân sự. Các công ty công nghệ lớn như Facebook (nay là Meta), Google thường muốn duy trì sự hiện diện tại các thị trường lớn, trong đó có nhiều quốc gia có chế độ chính trị độc tài nơi mà nhà cầm quyền luôn kiểm soát gắt gao tự do ngôn luận, Internet, và các tổ chức xã hội dân sự; cũng như thường xuyên yêu cầu các nền tảng công nghệ gỡ bỏ nội dung “nhạy cảm”, chia sẻ dữ liệu người dùng, hoặc hạn chế truy cập một số nội dung. Các công ty công nghệ chọn cách giữ khoảng cách với xã hội dân sự, dù điều này vốn vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc về quyền tự do biểu đạt và quyền riêng tư.

Từ quan sát của tôi ở Việt Nam, đúng rằng đang tồn tại sự thỏa hiệp của các công ty công nghệ với chính quyền độc tài và việc giới hạn nhận thức của người dân Việt Nam về nhân quyền.

Việc các công ty công nghệ lớn lựa chọn giữ khoảng cách với các tổ chức xã hội dân sự – những chủ thể có vai trò quan

trọng trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền con người – càng khiến cho môi trường thông tin ở Việt Nam trở nên phiến diện, thiếu đối thoại và kém đa chiều. Người dân, thay vì được tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế về nhân quyền và được khuyến khích đặt câu hỏi về quyền của chính mình, lại bị giới hạn trong một không gian mạng bị kiểm soát và đánh lạc hướng sự chú ý sang những tin tức giải trí tầm phào. Điều này dẫn đến một vòng luẩn quẩn: khi nhận thức về nhân quyền chưa được hình thành một cách căn bản trong xã hội, thì các vi phạm nhân quyền lại càng dễ bị bỏ qua, còn các nỗ lực cải cách trở nên thiếu lực đẩy từ phía công chúng.

Thế hệ sinh sau năm 2000 như tôi cảm nhận rất rõ ràng sự kiểm duyệt chặt chẽ diễn ra ghê gớm đến mức nào và các thông tin giải trí tầm phào đã bóp chết một thế hệ ra sao. Theo đúc kết từ Neil Postman trong cuốn sách *Giải trí cho đến chết* của ông, thì khi người dân bị cuốn vào những câu chuyện tầm thường, khi đời sống văn hóa bị giản lược thành chuỗi giải trí vô tận không lối ra, và khi các cuộc thảo luận nghiêm túc bị xem là ngây ngô, thì xã hội bắt đầu trượt dốc. Một khi công chúng chỉ còn là khán giả thụ động, còn hoạt động cộng đồng bị biến thành những màn trình diễn mua vui, quốc gia đó đang đối diện với hiểm họa – nơi mà nền văn hóa chỉ có thể thoái thác bên bờ sụp đổ.

Nói cách khác, sự thỏa hiệp giữa các công ty công nghệ và chính quyền trong môi trường kiểm duyệt không chỉ là vấn đề đạo đức kinh doanh mà còn góp phần tạo ra một rào chắn vô hình ngăn cản người dân tiếp cận với nhận thức đúng

đắn và đầy đủ về quyền con người – điều kiện tiên quyết để thúc đẩy một xã hội dân chủ, công bằng và văn minh.

Cuối cùng, luận điểm mà tác giả đề cập cũng là điều tôi hằng bận lòng đã lâu: nhân quyền thường bị xem là vấn đề thứ yếu trong kinh doanh. Dù các quốc gia, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp có tuyên bố đề cao quyền con người, nhưng trong thực tiễn, đặc biệt trong những tình huống xung đột giữa quyền con người và lợi ích kinh tế – nhất là lợi ích của các tập đoàn lớn hay chính phủ – thì nhân quyền thường bị gạt sang một bên. Một sự thật phổ quát rằng: lợi nhuận, quyền lực, và sự phát triển kinh tế vẫn là động lực chính của các quyết sách. Chính điều đó đặt ra sự hoài nghi trong lòng tôi về hiệu quả thực tế của các cơ chế đánh giá nhân quyền, nó có thực sự đảm bảo rằng doanh nghiệp sẽ thay đổi hành vi, nhất là những công ty khổng lồ như Facebook (Meta), vốn có ảnh hưởng kinh tế và chính trị rất lớn?

Tôi luôn băn khoăn rằng: nhân quyền có thực sự có “chỗ đứng” trong doanh nghiệp nếu nó trở thành một phần của lợi ích kinh tế, thương hiệu, hoặc chiến lược tăng trưởng? Hay nói cách khác, nhân quyền sẽ luôn bị đặt sau lợi ích kinh tế trừ khi bản thân nhân quyền được định nghĩa lại như một phần của lợi ích đó.

Từ những suy ngẫm trên, tôi ngày càng tin rằng: nếu không thay đổi cách nhìn nhận, nhân quyền sẽ mãi chỉ là một khẩu hiệu đạo đức, chứ không thể trở thành lực đẩy thực chất cho sự phát triển bền vững. Tại Việt Nam, việc thúc đẩy nhân quyền trong lĩnh vực kinh doanh vẫn

còn là con đường dài với nhiều trở ngại, nhưng không phải là không thể. Điều tối quan trọng không chỉ là cải cách thể chế hay cam kết chính trị, mà chính nằm ở cuộc chuyển hóa nhận thức sâu sắc trong cộng đồng.

Tôi không phủ nhận thực tế rằng lợi ích kinh tế luôn là ưu tiên hàng đầu đối với các doanh nghiệp. Nhưng cũng chính vì thế, cách tiếp cận “gắn nhân quyền với lợi ích” mà tác giả Trịnh Hữu Long đề cập, lại là một hướng đi vô cùng thực tế và đáng suy ngẫm. Chừng nào doanh nghiệp còn thấy việc tôn trọng nhân quyền là gánh nặng, thì chừng đó nó vẫn chỉ là vấn đề đạo đức; nhưng một khi họ hiểu rằng việc bảo vệ nhân quyền cũng là cách để bảo vệ chính mình – thương hiệu, nhân sự, sự bền vững – thì chừng đó nhân quyền mới có chỗ đứng thật sự.

Tôi băn khoăn về ngày mà Việt Nam hoàn toàn có thể tiến tới một mô hình phát triển trong đó lợi ích kinh tế và quyền con người không loại trừ nhau mà bổ sung cho nhau như hai mặt của một xã hội văn minh. □



Đồ họa: Thanh Tường / Luật Khoa.

Kừ 5: TỰ DO NGÔN LUẬN TRONG QUY ĐỊNH CỦA HIẾN PHÁP MỘT SỐ QUỐC GIA

Lê Giang

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 05/06/2025.

Trong khi các tranh luận xoay quanh quyền tự do ngôn luận ở Việt Nam vẫn còn nhiều sự bỏ ngỏ, nhiều quốc gia đã hiến định rõ ràng quyền này trong văn bản lập quốc của mình từ rất sớm.

C hẳng hạn, Điều 11 của Hiến pháp Đài Loan năm 1947 quy định ngắn gọn nhưng dứt khoát: “Người dân có quyền tự do phát biểu, giảng dạy, viết lách và xuất bản” (人民有言論、講學、著作及出版之自由). Trong thực tế, Đài Loan đã luật hóa quy định này bằng các văn bản luật nhằm đưa quyền tự do ngôn luận vào đời sống

một cách minh bạch, rõ ràng và luôn xem đây là một trong những “linh hồn” không thể thiếu của nhân quyền, thúc đẩy một quốc gia dân chủ.

Cụ thể, Bộ luật Hình sự Đài Loan (Taiwan Criminal Code) đóng vai trò quan trọng trong việc xác định ranh giới giữa tự do và trách nhiệm. Ví dụ, Điều 309, 310 quy định các tội danh về xúc phạm và phỉ báng, có thể bị phạt tiền hoặc phạt tù nếu phát ngôn gây tổn hại đến danh dự người khác. Đồng thời, Điều 153 cấm phát ngôn có tính chất kích động bạo loạn hoặc vi phạm trật tự công cộng.

Đài Loan còn sử dụng hệ thống án lệ hiến định để bảo đảm tính hợp hiến của việc giới hạn quyền. Nổi bật là Phán quyết số 509 của Tư pháp viện (Judicial Yuan Interpretation No. 509), tuyên năm 2000, đã khẳng định rằng: “Quyền tự do ngôn luận là trụ cột của xã hội dân chủ, và bất kỳ sự giới hạn nào cũng phải đáp ứng nguyên tắc ‘cần thiết’ và ‘tương xứng’ (proportionality).”

Có thể thấy, sự luật hóa cụ thể này không chỉ làm rõ giới hạn quyền tự do ngôn luận mà còn gắn kết trực tiếp với nguyên tắc bảo vệ quyền của người khác và trật tự xã hội, tương thích với Điều 19.3 của ICCPR.

Tại Đức, Điều 5 của Luật Cơ bản Đức (Grundgesetz) nêu: “Mọi người có quyền tự do phát biểu và phổ biến ý kiến bằng lời nói, chữ viết và hình ảnh... Không có kiểm duyệt” (Eine Zensur findet nicht statt). Cũng theo đó, quyền này bị giới hạn bởi “những quy định chung của pháp luật, bởi các quy định bảo vệ thanh thiếu niên và bởi quyền danh dự của người khác” (in den Vorschriften der allgemeinen Gesetze...).

Điều này thể hiện một cách rõ ràng tinh thần của Điều 19.3 ICCPR rằng tự do ngôn luận không phải là quyền tuyệt đối, và có thể bị hạn chế nhằm bảo vệ quyền của người khác, an ninh quốc gia, và trật tự công cộng.

Tuy nhiên, điểm đáng chú ý tại Đức là sự luật hóa quyền này được triển khai qua một hệ thống pháp luật rất cụ thể, chặt chẽ và nhất quán, có thể biện giải được, bao gồm cả luật hình sự, luật dân sự và luật đặc thù về mạng xã hội (NetzDG).

Trong đó, Bộ luật Hình sự Đức (Strafgesetzbuch) là trụ cột pháp lý điều chỉnh các hành vi vượt quá giới hạn của tự do ngôn luận (như Điều 130 quy định về tội kích động thù hận, cấm cổ xúy kỳ thị chủng tộc hoặc hận thù dân tộc; Điều 185 đến 187 xử lý tội xúc phạm, vu khống, bảo vệ quyền danh dự cá nhân). Ngoài ra, Điều 86a cấm sử dụng các biểu tượng của chế độ phát xít (như cờ đảng Quốc xã với cách công khai), cho thấy cách Đức đặt giới hạn đối với những phát ngôn có nguy cơ tái diễn thảm họa lịch sử.

Để đối phó với tin giả, tin gây thiệt hại đến con người và tài sản trên không gian mạng trong kỷ nguyên số, Đức cho ban hành Luật về việc thi hành pháp luật trên mạng xã hội (Netzwerkdurchsetzungsgesetz – NetzDG) năm 2017. Luật này yêu cầu các nền tảng lớn như Facebook, Twitter, v.v. phải gỡ bỏ các nội dung vi phạm pháp luật Đức trong vòng 24 giờ sau khi bị người dùng báo cáo.

Từ kinh nghiệm của các quốc gia trên, quyền tự do ngôn luận không chỉ là tuyên ngôn mang tính biểu tượng trong hiến pháp, mà còn được luật hóa cụ thể qua hệ thống pháp luật, qua các cơ chế kiểm soát quyền lực. Tạo ra điểm chung giữa các quốc gia dân chủ là việc không chỉ công nhận quyền tự do ngôn luận trong hiến pháp, mà nhà nước còn có trách nhiệm xây dựng một khung pháp lý đầy đủ, minh bạch và các cơ chế khiếu nại, khiếu kiện đầy đủ để bảo đảm quyền này thực sự có giá trị thực tiễn.

Điều đáng chú ý là trong cả hai trường hợp, sự giới hạn quyền không bị xem là

xâm phạm, mà chính xác là điều kiện cần thiết để quyền được vận hành trong khuôn khổ một xã hội dân chủ. Ý nghĩa trùng khớp với tinh thần của Điều 19 Công ước quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR) mà mỗi quốc gia đều tuân thủ theo cách riêng của mình.

Nhìn lại, một câu hỏi đặt ra: liệu Việt Nam có đang đi theo hướng tương tự khi Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam, tại Điều 25, cũng quy định công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, quyền được thông tin và biểu tình? Quyền này đồng thời bị ràng buộc bởi cụm từ “theo quy định của pháp luật”. Vậy pháp luật cụ thể đó là gì? Và nó có bảo vệ quyền, hay chủ yếu là công cụ để giới hạn quyền?

Các kỳ tiếp theo của loạt bài này sẽ đi sâu vào hệ thống pháp luật Việt Nam để trả lời câu hỏi: quyền tự do ngôn luận tại Việt Nam được luật hóa đến đâu, và như thế nào? □



Đồ họa: Thanh Tường / Luật Khoa.

KỶ 6: TỰ DO NGÔN LUẬN TRONG CÁC BẢN HIẾN PHÁP VIỆT NAM

Lê Giang

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 11/06/2025.

Như đã phân tích ở các kỳ trước, tự do ngôn luận vốn được ghi nhận là một quyền con người cơ bản. Để hiện thực hóa điều này, các quốc gia đều ghi nhận tự do ngôn luận trong bản “khế ước xã hội” của mình.

Câu chuyện về công cuộc lập pháp, đưa quyền tự do ngôn luận trở thành quyền hiến định trong hiến pháp của Việt Nam cũng không nằm ngoài phạm vi ấy. Kỳ này sẽ xem xét các diễn ngôn về kiến tạo pháp lý (sự hiến định hóa) tự do ngôn luận trong các bản hiến pháp.

Ngược dòng lịch sử, qua bảy bản hiến pháp đã lần lượt công nhận, ghi nhận quyền này. Tuy nhiên, cách hiểu và cách thực hành tự do ngôn luận đã thay đổi theo từng giai đoạn chính trị – lịch sử.

Trước tiên, chúng ta xem xét sự phát triển của quyền tự do ngôn luận trong Hiến pháp của Việt Nam Cộng hòa:

Phóng viên *Luật Khoa tạp chí* lập bảng nội dung quyền tự do ngôn luận qua các bản hiến pháp, như sau:

Văn bản	Nội dung điều khoản	Diễn giải
Hiến pháp 1956	Điều 16: <i>“Mọi người dân có quyền tự do ngôn luận. Quyền này không được dùng để vu cáo, phỉ báng, xâm phạm đến nền đạo lý công cộng, hô hào nổi loạn, hoặc lật đổ chính thể Cộng hòa.</i> <i>Mọi người dân đều được hưởng quyền tự do báo chí để tạo thành một dư luận xác thực và xây dựng mà Quốc gia có nhiệm vụ bảo vệ chống lại mọi hành vi xuyên tạc sự thực”.</i>	Theo đó, mọi người dân đều có quyền phát biểu ý kiến, bày tỏ quan điểm cá nhân mà không bị ngăn cấm. Bản Hiến pháp cũng đặt ra những giới hạn rõ ràng: người dân không được lợi dụng quyền này để vu cáo, phỉ báng người khác, xâm phạm thuần phong mỹ tục, hay kích động nổi loạn và phá hoại chính thể cộng hòa. Qua đó, quy định rõ về ranh giới giữa quyền biểu đạt cá nhân và nghĩa vụ gìn giữ trật tự xã hội. Khác với quan niệm coi báo chí là công cụ tuyên truyền một chiều, bản hiến pháp này khẳng định báo chí phải phản ánh sự thật. Đặc biệt, Nhà nước phải có trách nhiệm bảo vệ dư luận chân thực ấy trước mọi hành vi xuyên tạc.
Hiến pháp 1967	Điều 12. <i>“1. Quốc gia tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, báo chí và xuất bản, miễn là sự hành xử các quyền này không phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng hay thuần phong mỹ tục.</i> <i>2. Chế độ kiểm duyệt không được chấp nhận, ngoại trừ các bộ môn điện ảnh và kịch trường.</i> <i>3. Một đạo luật sẽ ấn định qui chế báo chí”.</i>	Tương tự như bản hiến pháp tiền nhiệm, nội dung của điều 12 cũng ghi nhận những quyền tự do ngôn luận cơ bản. Tuy nhiên, như một nguyên tắc giới hạn thường thấy trong các nền dân chủ lập hiến, các quyền này chỉ được công nhận trong phạm vi không gây phương hại đến danh dự cá nhân, an ninh quốc phòng và thuần phong mỹ tục. Hiến pháp bác bỏ sự tồn tại của chế độ kiểm duyệt, ngoại trừ trong lĩnh vực điện ảnh và kịch trường.

		Để tránh tình trạng mơ hồ trong áp dụng, bản Hiến pháp giao thẩm quyền cho cơ quan chuyên trách ban hành một đạo luật riêng nhằm quy định chi tiết chế độ báo chí.
--	--	--

Hiến pháp Việt Nam Cộng hòa, nhìn chung, cho thấy một tiến trình chuyển đổi đáng chú ý về nhận thức và bảo đảm quyền tự do ngôn luận.

Hiến pháp 1956, dưới chính thể Đệ Nhất Cộng hòa, thừa nhận quyền này nhưng đặt nhiều giới hạn chính trị như cấm xuyên tạc, kích động, hoặc lật đổ chính thể. Với các lần ranh này, nó phản ánh một mô hình nhà nước chú trọng bảo vệ trật tự hơn là khuyến khích phản biện xã hội.

Mặt khác, tự do báo chí được bảo đảm, đặt nhiệm vụ bảo vệ sự thật lên vai chính quyền, khác với những chính thể độc tài, khi sự kiểm soát, tạo dựng màng lọc thông tin lại là “kim chỉ nam” của nhà nước.

Đến Hiến pháp 1967, sau biến động chính trị và sự sụp đổ của chế độ gia đình trị, tư duy lập hiến chuyển hướng rõ rệt.

Quyền tự do tư tưởng, báo chí và xuất bản được khẳng định mạnh mẽ hơn; chế độ kiểm duyệt bị bác bỏ (trừ điện ảnh, sân khấu), và việc điều chỉnh báo chí được trao cho Quốc hội thông qua đạo luật. Bước chuyển mình cho thấy sự tiếp cận gần hơn với mô hình pháp quyền.

Dù vẫn còn khoảng cách trong việc vận dụng quyền này giữa quy định và thực tế thực thi, nhất là khi chiến tranh Việt Nam vẫn diễn ra và đang dẫn đến hồi kết, chính thể Việt Nam Cộng hòa tiến gần đến sự cáo chung. Nhưng đại thể, các thay đổi của Hiến pháp thể hiện một nỗ lực rõ rệt trong việc mở rộng không gian công và tiếp cận các chuẩn mực dân chủ của thời đại, theo một chuẩn mực nhân quyền quốc tế.

Trường kỳ hơn, chúng ta sẽ xét đến sự phát triển của tự do ngôn luận theo chiều dọc trong các bản hiến pháp của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho tới Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, như sau:

Phóng viên *Luật Khoa tạp chí* lập bảng nội dung quyền tự do ngôn luận qua các bản hiến pháp, như sau:

Văn bản	Nội dung điều khoản	Diễn giải
Hiến pháp 1946 Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	Điều 10: “ <i>Công dân Việt Nam có quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức và hội họp, tự do tín ngưỡng, tự do cư trú, đi lại trong nước và ra nước ngoài.</i> ”	Khẳng định mạnh mẽ quyền tự do theo tinh thần dân chủ tư sản. Không đặt ra bất kỳ giới hạn pháp lý nào.
Hiến pháp 1959 Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	Điều 25: “ <i>Công dân nước Việt Nam dân chủ cộng hoà có các quyền tự do ngôn luận, báo chí, hội họp, lập hội và biểu tình. Nhà nước bảo đảm những điều kiện vật chất cần thiết để công dân được hưởng các quyền đó.</i> ”	Hiến pháp 1959 kế thừa tinh thần của Hiến pháp 1946, quyền tự do ngôn luận được công nhận và trách nhiệm đảm bảo thực thi quyền được chỉ định rõ ràng thông qua nhà nước.
Hiến pháp 1980 Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Điều 67: “ <i>Công dân có các quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình, phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội và của nhân dân.</i> <i>Nhà nước tạo điều kiện vật chất cần thiết để công dân sử dụng các quyền đó.</i> <i>Không ai được lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước và của nhân dân.</i> ”	Đây là lần đầu tiên trong các bản Hiến pháp cộng sản của Việt Nam đặt ra giới hạn của tự do ngôn luận. Tự do ngôn luận cũng được lồng ghép và phải tương xứng với bối cảnh dựng xây nhà nước xã hội chủ nghĩa.
Hiến pháp 1992 Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Điều 69: “ <i>Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội, biểu tình theo quy định của pháp luật.</i> ”	Có sự cởi mở hơn về quyền, phản ánh thời kỳ Đổi Mới. Tuy nhiên, từ bản hiến pháp này đã xuất hiện cụm “theo quy định pháp luật” nhằm kiểm soát thực thi quyền.

		So với Hiến pháp 1980, Hiến pháp 1992 đã có màu sắc tiệm cận quyền công dân thời hiện đại, nhưng chưa thực sự mang tính đột phá.
Hiến pháp 2013 Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam	Điều 25. “ <i>Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.</i> ”	Mở rộng nội dung quyền, thêm tiếp cận thông tin và quyền biểu tình, nhưng tiếp tục ràng buộc bằng khung luật chuyên ngành. So với 1992, tiến bộ về mặt danh mục quyền, nhưng chưa thay đổi cơ chế kiểm soát.

Trong lịch sử lập hiến, bản Hiến pháp 1946 giữ một vị trí đặc biệt không chỉ vì là bản hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, mà còn vì tinh thần dân quyền sâu sắc và tư tưởng yêu nước tiến bộ thấm đẫm trong từng điều khoản (Điều 10 của Hiến pháp đã khẳng định một loạt quyền tự do nền tảng của công dân như ngôn luận, xuất bản, hội họp, tín ngưỡng, cư trú và đi lại). [1]

Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính phủ là công bộc của dân”, ông thể hiện rõ tư duy quyền lực nhà nước chỉ là phương tiện, còn chủ quyền thuộc về nhân dân; không xem nhà nước là chủ thể áp đặt mà là bên tạo điều kiện, không can thiệp vào quyền cá nhân – một cách tiếp cận dân chủ điển hình. [2]

Hiến pháp 1946, vì thế, không chỉ là một cột mốc pháp lý, mà còn là di sản chính trị – đạo đức phản ánh tầm nhìn của nhà lãnh đạo, sự giao thoa, khai phóng giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế; hàm chứa tính cách phù hợp, công bằng và dân chủ.

Dưới sự phát triển của các bản hiến pháp (1946 – 2013), quyền tự do ngôn luận ở Việt Nam đã trải qua một tiến trình biến chuyển đáng chú ý, không chỉ bao hàm về mặt hình thức lập hiến, mà còn phản ánh sự thay đổi căn bản trong cách nhà nước nhìn nhận mối quan hệ giữa công dân đối với quyền lực nhà nước.

Hiến pháp 1946 ghi nhận hàng loạt quyền tự do dân sự nền tảng như tự do ngôn luận, xuất bản, hội họp, tín ngưỡng, đi lại, v.v. Các quyền này được thể hiện không kèm bất kỳ giới hạn hoặc điều kiện nào. Các bản hiến pháp về sau lại cho thấy sự thay đổi rõ rệt về cấu trúc của quyền này, khi các quyền tự do ngôn luận, báo chí hay hội họp đều được đặt trong khung giới hạn (như: “*phù hợp với lợi ích của chủ nghĩa xã hội*” hoặc “*do pháp luật quy định*”).

Tiến trình lập pháp chịu ảnh hưởng mạnh mẽ từ tư tưởng triết học Mác – Lênin, khi quyền tự do phải phục tùng mục tiêu giai cấp và giữ gìn hệ thống chính trị cách mạng.

Mặt khác, bản Hiến pháp 2013 được xem là một bước tiến trong hệ thống lập hiến của Việt Nam. [3] Tuy nhiên, sự cởi mở về ngôn luận lại đi kèm với một cơ chế giới hạn ngầm (“việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định”).

Quy định này vô hình trung đã tạo ra một rào chắn pháp lý “linh hoạt”, tuy rằng quyền hiến định được trao nhưng việc thực thi hoàn toàn phụ thuộc vào các đạo luật dưới hiến pháp, do Quốc hội và bộ máy hành pháp quyết định.

Cho đến nay, Việt Nam vẫn chưa có Luật Biểu tình, Luật về Hội. Tự do báo chí bị bóp nghẹt, toàn bộ các cơ quan báo chí, cơ quan xuất bản cũng đều thuộc sở hữu nhà nước, không có báo chí tư nhân. [4]

Do đó, việc “quy định bằng pháp luật” trong Điều 25 của Hiến pháp 2013 không thực sự mang tính bảo đảm, mà ngược lại, trở thành cơ chế trì hoãn hoặc vô hiệu hóa quyền hiến định.

Thêm nữa, các đạo luật như Luật An ninh mạng 2018 hay Luật Báo chí 2016 lại cho thấy xu hướng tái lập các giới hạn khắt khe hơn cả Hiến pháp, đặc biệt là trong việc kiểm soát nội dung, thông tin trái chiều, và phản biện xã hội.

Vì vậy, tuy có điểm mới nhưng Hiến pháp 2013 bản chất vẫn là sự “kháng cự hình thức” trước giá trị của tự do ngôn luận thực chất.

Tức là quyền thì có ghi nhận, nhưng việc thực thi lại phụ thuộc hoàn toàn vào ý chí chính trị của bộ máy cầm quyền.

Ở kỳ cuối, chúng ta sẽ cùng nhìn lại tự do ngôn luận tại Việt Nam qua ba nhánh biểu đạt ngôn luận (báo chí, hội họp và biểu tình) để hiểu rõ quyền được cất lên tiếng nói của người dân đang ở đâu trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên vươn mình. □

CHÚ THÍCH

1. Hiến pháp năm 1946 với những tư tưởng tiến bộ. (2025). Trang Tin Điện Tử Đảng Bộ Thành Phố Hồ Chí Minh. <https://www.hcmcpv.org.vn/tin-tuc/hien-phap-nam-1946-voi-nhung-tu-tuong-tien-bo-1491886953>
2. “Chính phủ là công bộc của dân.” (2019). Moj.gov.vn. <https://www.moj.gov.vn/qt/cacchuyenmuc/Pages/nganh-tp-lam-theo-dao-duc-hcm.aspx?ItemID=97>
3. tuanson. (2014, September 8). Những tiến bộ vượt bậc trong hiến định về quyền con người của bản Hiến pháp mới. [https://www.qdnd.vn](https://www.qdnd.vn/Bao%20Quan%20doi%20nhan%20dan); Báo Quân đội nhân dân. <https://www.qdnd.vn/phong-chong-dien-bien-hoa-binh/nhung-tien-bo-vuot-bac-trong-hien-dinh-ve-quyen-con-nguoi-cua-ban-hien-phap-moi-448750>
4. Long, T. H. (2024, July 22). Nguyễn Phú Trọng và di sản chống ngôn luận. Luật Khoa Tạp Chí. <https://luatkhoa.com/2024/07/nguyen-phu-trong-va-di-san-chong-ngon-luan/>



Đồ họa: Thanh Tường / Luật Khoa.

KỲ 7: 3 NHÁNH BIỂU ĐẠT NGÔN LUẬN TẠI VIỆT NAM

Lê Giang

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 05/06/2025.

Trong bối cảnh Việt Nam dần bước vào giai đoạn “kỷ nguyên vươn mình”, những câu hỏi lớn vẫn còn đó: liệu người dân có thật sự được nói lên tiếng nói của chính họ?

Hiến pháp 2013 từng được kỳ vọng là bước tiến về quyền con người, trong đó có tự do ngôn luận. Thế nhưng, giữa ghi nhận trên văn bản pháp lý và thực tế thực thi, khoảng cách dường như vẫn chưa thể thu hẹp.

Ba nhánh cốt lõi để hiện thực hóa quyền tự do ngôn luận – gồm báo chí, hội họp và biểu tình – chính là những phép thử rõ ràng nhất cho mức độ cởi mở của một xã hội.

Ở kỳ cuối này, tác giả sẽ xem xét sự phát triển và thực trạng thực thi của ba nhánh biểu đạt này.

VỀ TỰ DO BÁO CHÍ

Ngày 28/12/1989, Luật Báo chí (Luật số 29-LCT/HĐNN8) đầu tiên được ban hành theo kỹ thuật lập pháp bằng một văn bản luật cụ thể, đánh dấu lần đầu tiên hoạt động báo chí được điều chỉnh bằng một đạo luật. Tuy nhiên, quyền lập báo chí giới hạn cho tổ chức nhà nước và đoàn thể do nhà nước kiểm soát.

Ngày 5/4/2016, Luật Báo chí (Luật số 103/2016/QH13) được Quốc hội thông qua, thay thế luật cũ sau gần ba thập niên. Luật này tiếp tục khẳng định vai trò định hướng của Đảng Cộng sản đối với báo chí.

Tại Điều 9 của Luật Báo chí 2016 đã quy định rõ hơn về trách nhiệm của nhà báo, các hành vi bị cấm như đưa “thông tin sai sự thật”, “chia rẽ dân tộc”, “xuyên tạc lịch sử”, v.v.

Dù nhà cầm quyền liên tục khẳng định Việt Nam có “tự do báo chí” nhưng khi đối chiếu vào quy định pháp luật ta thấy về mặt pháp lý, báo chí tư nhân không thể tồn tại (dù trên thực tế là có). Mọi cơ quan báo chí đều phải trực thuộc tổ chức, cơ quan nhà nước hoặc được chỉ định quy định tại Điều 14 của Luật Báo chí 2016.

Chỉ hai năm sau, Quốc hội thông qua Luật An ninh mạng 2018 và có hiệu lực chính thức vào ngày 1/1/2019, siết chặt hơn nữa tự do biểu đạt trên môi trường số. Nhiều nội dung báo chí và mạng xã hội, theo đó, đã bị kiểm soát chặt chẽ dưới danh nghĩa “bảo vệ an ninh quốc gia”.

Cùng thời điểm ấy, nền báo chí đã bị đưa vào tầm ngắm cho mục đích đàn áp tự do ngôn luận nói chung và tự do báo chí nói riêng trong các bước đi của nhà cầm quyền, mà bấy giờ người đứng đầu là ông Nguyễn Phú Trọng.

Cũng kể từ thời điểm đó, các vụ án được dán nhãn an ninh quốc gia, liên quan đến việc thực hiện các quyền tự do dân chủ bị Bộ Công an khởi tố nhiều hơn cả.

Đã bảy năm trôi qua, nhà nước vẫn không có động thái sửa đổi, bổ sung cho các điều luật hay mở rộng quyền báo chí theo hướng đa nguyên. Các cuộc thảo luận lập pháp nếu có đều dừng ở mức nội bộ, không công khai và không dễ tiếp cận.

Ngày 10/2, website của Chính phủ đăng toàn văn dự thảo Luật Báo chí (sửa đổi). Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ TT-TT) – cơ quan tham mưu sửa đổi luật này – đã lấy ý kiến của người dân đối với dự thảo.

Đợt đại phẫu này được kỳ vọng khắc phục nhiều quy định hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tiễn trong Luật Báo chí năm 2016. Đồng thời, đẩy mạnh thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản, tiếp tục biến báo đài thành một công cụ tuyên truyền của đảng – nhà nước.

Theo luật mới, nền báo chí giờ đây sẽ phải tăng cường gánh vác trọng trách tuyên truyền cho Đảng Cộng sản, như tại Điều 3 của dự thảo, vai trò này được khẳng định, Việt Nam chỉ cho phép “báo chí cách mạng” hoạt động.

Nhiệm vụ của báo chí là đưa “thông tin trung thực về tình hình đất nước và thế giới phù hợp với lợi ích của đất nước và của nhân dân; tuyên truyền, phổ biến, góp phần xây dựng và bảo vệ đường lối, chủ trương của đảng”.

Các nhiệm vụ trước đây của báo chí như mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc, tham gia vào sự nghiệp của nhân dân thế giới bị lược bỏ.

Bên cạnh đó, luật cho phép mở rộng phạm vi bao trùm trên không gian mạng, thiết lập cơ chế giám sát không gian mạng. Điều 30 quy định hoạt động trên không gian mạng của cơ quan báo chí phải tuân thủ pháp luật về báo chí, an ninh mạng.

Nhà nước sẽ đầu tư các “công cụ số” để giám sát, quản lý báo chí trên không gian mạng. Ngoài ra, trang thông tin điện tử tổng hợp, mạng xã hội nếu muốn dùng sản phẩm thông tin của các báo đài thì phải có sự “thỏa thuận”.

VỀ TỰ DO HỘI HỢP

Sau thời kỳ Đổi Mới, hàng loạt hội đoàn xã hội, tổ chức nghề nghiệp được thành lập, nhưng đều phải có tổ chức chủ quản và được nhà nước cho phép. Không gian dân sự bị kiểm soát chặt chẽ.

Đến nay, Việt Nam vẫn chưa ban hành Luật về Hội, dù quyền lập hội đã được ghi nhận từ Hiến pháp 1946 và tái khẳng định ở Hiến pháp 2013 (Điều 25). Thay vào đó, tính đến tháng 10/2024, hoạt động lập hội được điều chỉnh bằng Nghị định 45/2010/NĐ-CP, một văn bản dưới luật do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ký ban hành.

Nghị định này đòi hỏi mọi hội đều phải đăng ký, có tổ chức chủ quản, được cấp phép và đặc biệt với quy định là “không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn lãnh thổ”. Những quy định này đã tạo ra một rào cản vô hình cho quyền tự do hiệp hội, tức không thừa nhận quyền lập hội theo sáng kiến độc lập của người dân. Từ hội của người khuyết tật, hội nghề nghiệp nhỏ lẻ, đến những tổ chức xã hội – dân sự có chiều sâu chính sách như Liên hiệp các Hội Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA), tất cả đều nằm trong hệ thống “xin – cho”.

Trong hệ thống pháp luật hiện hành, phóng viên *Luật Khoa tạp chí* có thể tạm phân các hội tại Việt Nam thành ba nhóm:

- Thứ nhất, các hội “có gốc/có cơ”: là những hội do nhà nước hoặc tổ chức chính trị – xã hội thành lập như Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu Chiến binh, Hội Nhà báo, v.v. Những hội này có đặc trưng: được ưu tiên cấp phép, có trụ sở, có ngân sách nhà nước quy định riêng biệt; có tiếng nói trong các diễn đàn chính sách, giữ vai trò như “cánh tay nối dài” của bộ máy nhà nước.
- Thứ hai, các hội nghề nghiệp hoặc các hội bán công như Hội Kiến trúc sư, Hội Chữ thập đỏ, Hội Luật gia, các tổ chức xã hội nghề nghiệp theo hướng chuyên môn khác, v.v. Những hội này có đặc trưng: được cấp phép nhưng vẫn phụ thuộc vào bộ ngành chủ quản; phạm vi hoạt động hạn chế,

và khó mở rộng nếu động chạm đến chính sách hoặc các vấn đề “nhạy cảm”.

- Thứ ba, các hội độc lập, thúc đẩy sáng kiến từ dưới lên (bottom-up). Đây được xem là là nhóm chịu nhiều rào cản nhất, từ kinh tế, văn hoá, xã hội đến chính trị. Mô hình tổ chức của các “hội” này là các tổ chức tư nhân sáng lập, các viện nghiên cứu khoa học hay thậm chí là các tổ chức phi chính phủ (NGOs), chúng có đặc trưng: việc thành lập phụ thuộc hoàn toàn vào sự chấp thuận của cơ quan quản lý; không có tổ chức chủ quản cụ thể dẫn đến khó được cấp phép cho các hoạt động, các dự án về nghiên cứu, diễn dã, thực hành dân chủ, thúc đẩy chính sách, v.v.; không nhận được ngân sách do không có quy định cụ thể dẫn đến các tổ chức phải tự lực, tự chủ, dễ bị quy chụp theo các quy định về “hoạt động trái phép” hay “trốn thuế”.

Thực tiễn cũng cho thấy, nếu các hội này thông qua các dự án hoạt động có yếu tố vận động chính sách, nhân quyền, môi trường, v.v. thì thường có nguy cơ cao bị lực lượng công an, an ninh điều tra giám sát, gây khó khăn, sách nhiễu, thậm chí xử phạt hành chính lẫn hình sự.

Ngày 8/4/2024, Chính phủ ban hành ban hành nghị định số 126/2024/NĐ-CP thay thế cho nghị định 45/2010/NĐ-CP quy định về tổ chức, hoạt động quản lý hội.

Nỗ lực xây dựng Luật về Hội đã mạnh mẽ từ năm 2006, với kỳ vọng sẽ thay

thế Nghị định 45/2010/NĐ-CP và đưa quyền lập hội về đúng vị trí hiến định của nó. Tuy nhiên, dự thảo luật này lại rơi vào vòng luẩn quẩn của sự thỏa hiệp và lo ngại từ chính quyền.

Ngày 25/10/2016, sau nhiều lần sửa đổi, dự thảo Luật về Hội được đưa ra Quốc hội xem xét, thảo luận. Một số điểm tiến bộ đáng kể được đưa vào, như:

- Cho phép hội không cần tổ chức chủ quản;
- Mở rộng phạm vi hội có thể hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước;
- Thừa nhận hội có quyền liên kết, vận động chính sách.

Thế nhưng, luồng ý kiến phản đối, ý kiến trái chiều cũng dấy lên, từ lo ngại “có thể bị thế lực thù địch lợi dụng”, đến việc “khó kiểm soát nếu hội phát triển tràn lan”. Cuối cùng, dự thảo luật bị rút khỏi chương trình xây dựng luật năm 2017, và đến nay vẫn chưa được quay trở lại bàn nghị sự của Quốc hội.

Bên cạnh đó, quyền tự do hội họp ôn hoà, hội họp công cộng cũng không có luật chuyên ngành để cụ thể hoá.

Hiện nay, hành vi tụ tập đông người (nếu gây mất trật tự công cộng, cản trở hoạt động công cộng) thì có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Điều này chỉ ra việc thiếu cơ sở pháp lý rõ ràng đối với sự biểu đạt ngôn luận đã làm cho phạm vi xử phạt của chính quyền được mở rộng hơn.

Mặt khác, hình thức hội, họp cũng được diễn ra khi họp tổ dân phố, họp cử tri, họp như là quy trình làm việc của các tổ chức chính trị – xã hội và điều này được luật hoá qua các quy định như Luật Thực hiện Dân chủ cơ sở năm 2022 hay Nghị định 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ. Tuy nhiên, các hình thức hội, họp này diễn ra để nhằm phục vụ công tác quản lý hành chính chứ không được xem xét dưới lăng kính đây là quyền cơ bản của con người.

VỀ TỰ DO BIỂU TÌNH

Bên cạnh quyền tự do báo chí, tự do hiệp, hội, quyền tự do biểu tình (quyền biểu tình) ở Việt Nam giống như một con đường đi mãi không có điểm đến, như chưa bao giờ được hoàn thiện.

Là một quyền được hiến định từ bản hiến pháp đầu tiên, nhưng sau gần 80 năm, quyền này vẫn chưa có luật hướng dẫn thi hành, và thực tế vẫn bị kiểm soát chặt chẽ bởi các quy định hành chính, an ninh.

Năm 2011, một loạt cuộc biểu tình mang tính tự phát của người dân nổ ra tại Hà Nội và TP. HCM để phản đối hành động của Trung Quốc trên Biển Đông. Đây là những cuộc biểu tình mang màu sắc yêu nước, có quan điểm, tiếng nói rõ ràng, nhưng cũng là thời điểm bộc lộ khoảng trống pháp lý nghiêm trọng khi người tham gia bị giải tán, mời làm việc, bắt bố, xử phạt hành chính, v.v.

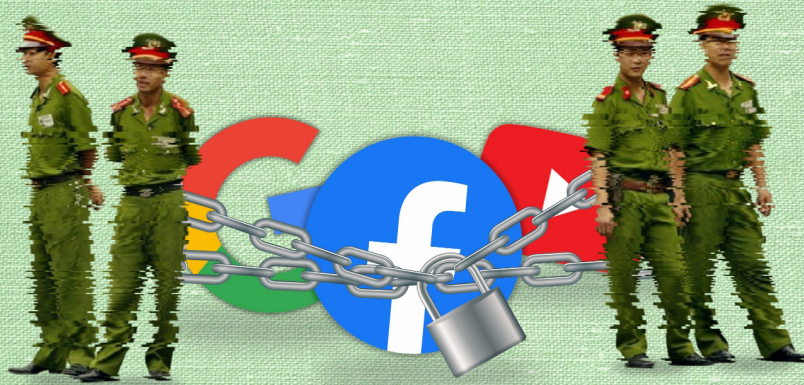
Không có khung pháp lý minh bạch nào để xác định ranh giới giữa biểu tình hợp pháp và gây rối trật tự.

Vào năm 2014, trước sức ép xã hội và yêu cầu thể chế hóa quyền hiến định, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng lần đầu yêu cầu Bộ Công an chủ trì xây dựng Luật Biểu tình. Đây là cột mốc chính trị đáng chú ý, mở ra kỳ vọng quyền này sẽ được luật hóa sau hàng thập niên bị lãng quên. Theo chỉ đạo, Bộ Công an đã soạn thảo Luật Biểu tình và trình ra nhiều vòng lấy ý kiến. Báo chí nhà nước đưa tin, giới học giả, luật sư, đại biểu Quốc hội công khai thảo luận.

Tuy nhiên, đến tháng 3/2016, chỉ vài tháng trước khi kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, dự thảo Luật Biểu tình bị lùi lịch và rút khỏi chương trình xây dựng luật. Lý do đưa ra: “Cần nghiên cứu thêm, vấn đề phức tạp, nhạy cảm”.

Kể từ năm 2016 đến nay, không có bất kỳ động thái nào cho thấy Luật Biểu tình được đưa trở lại chương trình xây dựng pháp luật. Trong các bản kế hoạch hàng năm của Quốc hội, các phiên họp bàn dự thảo các luật, nghị định, v.v. luật này liên tục vắng mặt, dù quyền biểu tình vẫn được ghi rõ tại điều 25 của Hiến pháp 2013.

Tất thấy điều trên dẫn đến một hệ quả thực tế rằng người dân không được thực hành quyền công dân một cách lành mạnh, được đảm bảo thực thi, còn nhà nước thì mất đi một kênh phản hồi xã hội hữu hiệu. □



Từ năm 2017 đến nay, số lượng nội dung của người dùng Việt Nam trên Facebook bị xóa theo yêu cầu của chính quyền ngày càng nhiều. Chuyện tương tự cũng xảy ra với Google, mà cụ thể là nền tảng YouTube của họ.
Nguồn ảnh: AP. Đồ họa: Thiên Tân/Luật Khoa tạp chí.

INTERNET: MỘT THỜI ĐÃ XA

Trịnh Hữu Long

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
 ngày 2/7/2025.

Chúng ta vừa trải qua những tháng ngày biến động chính trị long trời lở đất mà không có bất kỳ một phong trào thảo luận đáng kể nào diễn ra trên không gian mạng.

Giải thể, sáp nhập hàng loạt các cơ quan trung ương và địa phương: không.

Sửa Hiến pháp để bỏ cấp huyện: không.

Sáp nhập tỉnh thành, cắt một nửa số tỉnh: không.

Giới quan sát chính trị Việt Nam dường như đồng thuận với nhau rằng năm 2016 đánh dấu một bước ngoặt trong chiến lược kiểm soát xã hội của Đảng Cộng sản. [1] [2] [3] Internet là một trong những đối tượng chính của chiến lược mới này. [4]

Những ai từng sống hay quan sát xã hội Việt Nam trước năm 2016 có thể nhận thấy một đất nước rất khác. Đó là thời kỳ bùng nổ kinh tế và cởi mở hơn về chính trị. Khi đó, Internet gần như nằm ngoài khả năng kiểm soát của chính quyền, các nền tảng nước ngoài như Yahoo, Google, Facebook đua nhau tới Việt Nam và làm mưa làm gió. [5] Lần đầu tiên dân thường có được những công cụ tối tân và miễn phí để phát biểu. Xã hội dân sự dù gặp muôn vàn khó khăn nhưng cũng bắt đầu nở rộ cả trên mạng lẫn ngoài đời. Nhiều phong trào biểu tình đã bình thường hóa khái niệm biểu tình đến mức người ta rục rịch trình dự luật biểu tình ra Quốc hội. [6]

Mọi thứ dường như có một sức sống nào đó và gieo được một niềm hy vọng nào đó, dù chưa thực sự rõ ràng.

Nhưng mọi thứ đã lao dốc không phanh kể từ sau Đại hội Đảng lần thứ 12, diễn ra vào tháng 1/2016. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, sau một nhiệm kỳ, đã được bầu lại và củng cố được quyền lực theo một cách hết sức ngoạn mục: loại bỏ được đối thủ chính trị lớn nhất của ông là Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng. Kể từ đây, vị trưởng đảng luôn miệt mài hô hào bảo vệ sự lãnh đạo của đảng chống lại mọi kẻ thù cả trong và ngoài đảng. Xu hướng bảo thủ chiếm thế thượng phong. Dường như đã có một sự đồng thuận mới trong đội ngũ lãnh đạo rằng họ cần phải giành lấy quyền kiểm soát môi trường Internet bằng bất cứ giá nào. [7]

Và họ đã thành công.

Trong một nghiên cứu được công bố năm ngoái, có tên “How foreign tech companies have failed to uphold human rights in Vietnam”, tôi có trình bày chi tiết quá trình chính quyền Việt Nam hạ gục các gã khổng lồ công nghệ nước ngoài và buộc họ phải tuân theo “sự lãnh đạo của Đảng” như thế nào. [8]

Lấy Facebook làm ví dụ.

Mạng xã hội này bành trướng vào Việt Nam năm 2009 sau khi nền tảng blogging Yahoo! 360 rút lui. Chỉ hai năm sau, Facebook đã là trung tâm thông tin của một phong trào biểu tình vô tiền khoáng hậu ở nước ta sau năm 1975, diễn ra suốt 11 tuần vào mùa hè năm 2011. Người ta gọi những phong trào như vậy là “Revolution 2.0” hay “Thế hệ F”.

Những năm sau đó, các phong trào xã hội rầm rộ nhất đều diễn ra chủ yếu trên Facebook: từ phong trào lập hiến năm 2013, tới phong trào biểu tình chống Trung Quốc năm 2014, hay phong trào biểu tình phản đối chặt cây xanh ở Hà Nội năm 2015.

Facebook trở thành một nhà bảo trợ truyền thông đắc lực cho mọi phong trào xã hội ở nước ta, nếu không muốn nói là đồng minh quan trọng bậc nhất.

Tới tận năm 2018, Facebook vẫn là chỗ dựa đáng tin cậy cho các phong trào này, với hai cuộc biểu tình lớn phản đối Công ty Formosa năm 2016 và phản đối dự luật đặc khu năm 2018.

Nhưng rồi chuyện gì đã xảy ra?

Từ năm 2017 đến nay, số lượng nội dung của người dùng Việt Nam trên Facebook bị xóa theo yêu cầu của chính quyền ngày càng nhiều. Không rõ tỷ lệ thực tế các yêu cầu được Facebook thực thi là bao nhiêu, nhưng chính phủ Việt Nam luôn tuyên bố tỷ lệ 90-95%.

Chuyện tương tự cũng xảy ra với Google, mà cụ thể là nền tảng YouTube của họ. Dữ liệu từ các Báo cáo Minh bạch của Google thậm chí còn cho thấy trong số các yêu cầu kiểm duyệt được chấp thuận, có tới 90% là nội dung chỉ trích chính quyền.

Chính quyền Việt Nam đã làm được việc này như thế nào?

Đầu tiên, họ dùng thị trường Việt Nam làm đòn bẩy để gây sức ép với các công ty nước ngoài. Với quy mô doanh thu từ Việt Nam lên tới hàng tỷ đô mỗi năm, không có lý gì Facebook và Google lại chịu từ bỏ. Muốn được ở lại thị trường Việt Nam, họ phải chơi theo luật Việt Nam. Từng có thời gian Bộ Thông tin – Truyền thông liên tục gây áp lực buộc các doanh nghiệp Việt Nam không được quảng cáo trên các nền tảng nước ngoài, một kiểu bắt cóc tổng tiền.

Thứ hai, họ ban hành một loạt quy định mới nhắm tới các công ty nước ngoài. Luật An ninh mạng 2018 là một ví dụ điển hình khi buộc các công ty nước ngoài phải lưu trữ dữ liệu người dùng ở Việt Nam và mở chi nhánh, văn phòng ở Việt Nam. Vốn dĩ Việt Nam không cần Luật An ninh mạng để “trì” các công ty trong nước, cái họ cần là một cái búa gõ đầu các công ty nước ngoài. Sau Luật An ninh mạng là Nghị định 147/2024 yêu cầu các mạng xã hội xác thực thông tin người dùng. Và rất nhiều quy định khác.

Đưa ra những quy định trên trời này không hẳn là để thực thi, mà là để mặc cả với Facebook và Google. Đó là lý do Nghị định 53/2022 sửa cả Luật An ninh mạng, không yêu cầu các công ty này lưu dữ liệu ở Việt Nam cũng như không cần mở cơ sở ở Việt Nam, chỉ cần tuân thủ các yêu cầu kiểm duyệt của chính phủ là được.

Khi các hãng này không tuân thủ, biện pháp mạnh sẽ được triển khai. Đó là vào đầu năm 2020, sau biến cố Đồng Tâm, chính phủ đã bóp băng thông của Facebook suốt vài tháng trời, đến mức người dùng gần như không truy cập được. Lệnh cởi trói chỉ được ban ra sau khi Facebook đồng ý kiểm duyệt nội dung chính trị nhiều hơn.

Thứ ba, họ dùng các lực lượng dư luận viên để thao túng nội dung trên các nền tảng nước ngoài. Xóa bài không đủ, họ phải làm chủ được sân chơi Facebook, YouTube và các không gian khác. Không những sử dụng các lực lượng dư luận viên và Lực lượng 47 như trước đây, họ còn lập ra Ban chỉ đạo 35 với mạng lưới rộng khắp trên cả nước, huy động cán bộ, công chức, các đoàn thể, trường học tham gia đấu tranh với thông tin mà họ cho là “xấu, độc”.

Kết hợp với việc bắt bớ, bỏ tù người dùng trong nước, chiến lược của họ đã thành công vang dội. Các công ty nước ngoài đã quỳ gối tuân phục.

Kể từ thời đại dịch COVID-19 trở đi, không gian mạng Việt Nam đã “ngoan hiền” hơn hẳn. Không còn phong trào xã hội nào khởi sinh từ đây hay dùng không gian mạng để huy động lực lượng một cách hiệu quả nữa. Facebook và Google giờ đây thậm chí còn bị cáo buộc là đồng lõa với chính phủ Việt Nam để kiểm soát ngôn luận.

Tổng Bí thư Tô Lâm là kiến trúc sư trưởng của chiến lược kiểm soát này từ thời làm bộ trưởng Bộ Công an. Nay, trên đỉnh cao quyền lực, ít có lý do gì để ông cởi trói cho Internet. □

CHÚ THÍCH

1. Năm 2016 là năm diễn ra hàng loạt các cuộc bắt bớ những nhà hoạt động tích cực lên tiếng phản đối các vấn đề bất cập, nhiều nhượng trong xã hội Việt Nam. Xem: Báo cáo xuất bản năm 2018 về tình hình đấu tranh cho tự do ngôn luận, tự do biểu đạt ở Việt Nam của tổ chức Pen America. URL: <https://pen.org/freedom-of-speech-in-vietnam/>
2. Năm 2016, tổ chức Freedom House chấm Việt Nam điểm số 20 trên 100 về tự do con người, và nhận xét Việt Nam là một xã hội không tự do (not free). Báo cáo của tổ chức này cũng cho biết đây là một năm biến động với hàng loạt cuộc đấu tranh, biểu tình, và hàng loạt vụ bắt bớ, sách nhiễu giới hoạt động dân chủ xã hội. Xem báo cáo này tại: <https://freedomhouse.org/country/vietnam/freedom-world/2017>
3. Báo cáo của tổ chức Nhân quyền Liên Hợp Quốc chỉ rõ những nỗ lực truy quét, đàn áp, bắt bớ các nhà hoạt động xã hội và đấu tranh cho nhân quyền tại Việt Nam trong giai đoạn 2015-2017, thể hiện một nỗ lực kiểm soát mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn của chính quyền đối với không gian dân sự. Xem báo cáo: <https://www.hrw.org/report/2017/06/19/no-country-human-rights-activists/assaults-bloggers-and-democracy-campaigners>
4. Tháng 11/2016, Freedom House phát hành một báo cáo dài 44 trang đánh giá về tình hình tự do trên Internet tại Việt Nam kể từ cuối năm 2015. Trong đó phản ánh rõ tình hình Internet đang được kiểm soát ngày càng gắt gao từ phía chính quyền, đặc biệt là sau giai đoạn người dân tổ chức biểu tình phản đối nhà máy Formosa. Xem báo cáo: https://freedomhouse.org/sites/default/files/2020-02/FOTN_2016_BOOKLET_FINAL.pdf

5. Một nghiên cứu của Bui Hai Thiem xuất bản trên tạp chí Sage (Sage Journals) vào tháng 8/2016 đã mô tả và phân tích rõ quá trình du nhập, lớn mạnh và phổ cập hoá đến người dùng của các dịch vụ máy tìm kiếm, mạng xã hội và nền tảng đa phương tiện như Google, Facebook hay YouTube. Các dịch vụ này đặc biệt tiếp cận sâu rộng giới tinh hoa và tạo nên những luận đàn sôi nổi thu hút nhiều tầng lớp trong xã hội, trở thành kênh thảo luận các vấn đề chính trị mà đông đảo quần chúng quan tâm. Xem nghiên cứu tại: <https://journals.sagepub.com/doi/10.1177/186810341603500204>
6. Nghiên cứu của hai học giả người Úc là Anita Chan và Kaxton Siu đã cho thấy có sự gia tăng đột biến số lượng các phong trào biểu tình tại Việt Nam từ năm 2006 trở đi, gắn với những bước phát triển kinh tế, khoa học – công nghệ, và sự bùng nổ của Internet cùng các kênh mạng xã hội. Xem bản tóm tắt nghiên cứu: <https://studylib.net/doc/5612764/strikes-and-declining-living-standard-in-vietnam>
7. Bài báo của Michael Sainsbury ngày 28/7/2018 chỉ rõ chính quyền Việt Nam đã nỗ lực thắt chặt kiểm soát và kiểm duyệt môi trường Internet trong nước, đặc biệt là thông qua việc ban hành Luật An ninh mạng và tổ chức các lực lượng an ninh đặc biệt tích cực hoạt động trực tuyến. Theo bài báo, động thái này đã gây tác động nghiêm trọng đến quyền tự do của người dân ở nhiều lĩnh vực, trong đó có sinh hoạt tôn giáo. Xem: <https://web.archive.org/web/20220120130954/https://international.la-croix.com/news/world/vietnams-communists-intensify-control-of-internet/8161>
8. Trịnh Hữu Long. (2024). Foreign tech companies in Vietnam: Challenges and failures in upholding human rights. Legal Initiatives for Vietnam. <https://liv.ngo/publications/2024/07/new-report-new-seminar-how-foreign-tech-companies-have-failed-to-uphold-human-rights-in-vietnam/>

Sạp báo LUẬT KHOA

Nơi bày bán các ấn phẩm của Luật Khoa tạp chí



store.luatkhoa.com

MUA NGAY

Địa chỉ hỗ trợ bạn đọc: store@mail.luatkhoa.org



Nguồn ảnh: Media Quốc hội.

TIMELINE: SỬA ĐỔI BỘ LUẬT HÌNH SỰ Ở VIỆT NAM

Sùng Chính & Lê Giang

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 16/7/2025.

Bộ luật Hình sự (sửa đổi) năm 2025 vừa có hiệu lực trong tháng 7, với tám án tử hình được bãi bỏ. Theo sau bản Hiến pháp sửa đổi, việc chỉnh sửa bộ luật này cũng hoà trong không khí “sắp xếp lại giang sơn”. Nhưng ít ai biết, trong 80 năm tuổi đời của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bộ luật hình sự đầu tiên chỉ chiếm nửa số tuổi, với bao biến chuyển thăng trầm.

Sự ra đời của Bộ luật Hình sự (BLHS) vào năm 1985, bộ luật hình sự đầu tiên của nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, đã đánh dấu một bước chuyển mình tích cực của hệ thống tư pháp Việt Nam. Tuy vậy, từ lúc ra đời cho đến nay, BLHS này đã phải trải nhiều lần sửa đổi kéo dài trong nhiều thập kỷ.

Trong bài viết này, tác giả sẽ khái quát hóa một lược sử về tư duy lập pháp hình sự của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, kể từ khi thành lập quốc vào

năm 1945 đến khi ban hành BLHS đầu tiên năm 1985, và những lần sửa đổi, bổ sung, thay thế bộ luật này cho đến nay.

TỪ NĂM 1945 – 1975

Trong giai đoạn này, tại miền Bắc, chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chưa có một Bộ Luật Hình sự hoàn chỉnh nào kể từ khi lập quốc năm 1945. Hệ thống pháp luật hình sự lúc này về cơ bản chỉ là sự kết hợp giữa các sắc lệnh thời chiến, các văn bản dưới luật mang tính chỉ đạo chính trị và một hệ thống trại cải tạo rộng lớn, hoạt động theo cơ chế hành chính.

Trong suốt giai đoạn kháng chiến 1945 -1953, vì không có điều kiện cho một nhà nước pháp quyền hoàn thiện, Hồ Chí Minh – trên cương vị Chủ tịch nước – đã ký ban hành trực tiếp nhiều sắc lệnh có tính chất lập pháp. Hàng loạt các sắc lệnh, thông tư thời kỳ này cùng áp dụng song song với một số văn bản luật hình sự đã có từ thời Pháp thuộc. Đồng thời, ông còn cho thành lập các tòa án quân sự trên khắp cả nước. Đây được coi là hệ thống tư pháp đầu tiên của một nhà nước xã hội chủ nghĩa mới.

Trong thời kỳ đó, nhiệm vụ trọng tâm, nếu không muốn nói là hàng đầu của hệ thống tòa án và các văn bản pháp luật là bảo vệ chế độ. Điều này thể hiện rõ qua việc chính quyền tập trung xét xử các nhóm tội danh mang tính chính trị, điển hình như: tội xâm phạm tài sản công (sắc lệnh 26, năm 1946), tội làm gián điệp (sắc lệnh 146, năm 1948), tội tiết lộ bí mật nhà nước (sắc lệnh 154, năm 1950), tội phản cách mạng (sắc lệnh 133, năm 1953), v.v.

Đến khi đất nước bị chia cắt theo Hiệp định Genève vào năm 1954, giai đoạn tiếp từ năm 1954 – 1975, ở miền Bắc, phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục duy trì và mở rộng thêm các văn bản luật hình sự, nhưng cơ bản vẫn dựa trên nền tảng pháp lý chuyên chính vô sản đã có từ trước đó. Trong khi ở miền Nam, phía Việt Nam Cộng hòa đã có bộ luật Hình sự tố tụng cho riêng mình, được ban hành theo Sắc luật số 027/TT-SLU vào năm 1972.

Một số văn bản pháp luật hình sự tiêu biểu trong chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có thể liệt kê ra như:

- Sắc lệnh số 133 ngày 20 tháng 1 năm 1953 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về việc trừng phạt những người Việt Nam phản động
- Pháp lệnh năm 1967 về trừng phạt tội phản cách mạng
- Pháp lệnh năm 1970 về trừng phạt các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa

TỪ NĂM 1975 – 1985

Sau ngày 30/4/1975, hệ thống pháp luật dưới thời Việt Nam Cộng hòa bị chính quyền mới bãi bỏ gần như hoàn toàn.

Theo tường thuật của nhà báo Huy Đức trong tác phẩm Bên thắng cuộc, suốt gần một thập kỷ sau ngày thống nhất, việc xử lý các hành vi bị coi là “tội phạm” – đặc biệt là những tội liên quan đến an ninh chính trị và trật tự xã hội – chủ yếu chỉ dựa trên các sắc lệnh, chỉ thị của đảng và nhà nước, thay vì một bộ luật được quốc hội thông qua.

Trong tác phẩm của mình, Huy Đức còn mô tả chi tiết việc nhà nước đã tiếp tục áp dụng một thứ pháp luật thời chiến vào bối cảnh thời bình. Đơn cử như Pháp lệnh trừng trị tội phản cách mạng, do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành vào năm 1967, được áp dụng để xử lý hầu như mọi hành vi phạm tội trong xã hội trong lúc này.

Các vụ bắt giữ của công an phần lớn chỉ dựa trên các chỉ thị chính trị hơn là dựa trên một quy trình tố tụng chuẩn mực. Trong số đó, nổi bật là vụ án “Hồ Con Rùa” ở Sài Gòn vào tháng 4/1976. Chính quyền đã mở chiến dịch bắt bớ nhắm vào hàng loạt các văn nghệ sĩ như Nhã Ca, Trần Dạ Từ, Duyên Anh, Nguyễn Mạnh Côn, Trịnh Viết Thành với cáo buộc là “phản động” do CIA của Mỹ cài cắm. Tiếp đó, hai nhà thơ Hoàng Cầm và Hoàng Hưng cũng bị bắt giữ với cùng tội danh vào năm 1982.

Chưa hết, chính quyền mới còn áp dụng rộng rãi chính sách học tập cải tạo đối với hàng trăm ngàn sĩ quan, công chức, và nhân viên của chế độ cũ. Đáng nói hơn, công an có thể thẳng thừng đưa một người đi cải tạo mà không cần thông qua bất kỳ phiên tòa xét xử nào. Điển hình nhất là việc chính quyền đã bỏ tù 1.652 người Việt Nam hồi hương từ đảo Guam sau khi cố gắng vượt biên, mà không cần thông qua xét xử.

NĂM 1985: BỘ LUẬT HÌNH SỰ ĐẦU TIÊN CỦA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (ĐƯỢC SỬA ĐỔI VÀO CÁC NĂM 1989, 1991, 1992, 1997)

Không lâu sau khi thống nhất đất nước, tại phiên họp đầu tiên vào ngày 2/7/1976, Quốc hội khóa 6 đã thông qua nghị quyết đổi tên nước thành Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Sau thống nhất, trong nước lúc này tồn tại song hành hai mô hình kinh tế khác nhau: nền kinh tế kế hoạch hóa ở miền Bắc và nền kinh tế thị trường ở miền Nam. Chính bối cảnh xã hội đặc biệt này đã khiến hệ thống pháp lý mà chính quyền miền Bắc áp dụng chung cho cả nước bắt đầu bộc lộ nhiều bất cập.

Để khắc phục cho các tình trạng này, Quốc hội khóa 6 đã tiếp tục chỉ đạo các cơ quan ban ngành soạn thảo một văn bản pháp luật mang tính toàn diện hơn. Quan trọng hơn, mục tiêu của lần soạn thảo này còn là việc thể chế hoá đường lối lãnh đạo của đảng cộng sản trong việc chi phối nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, vốn đang được triển khai trên cả nước. Đây là mô hình kinh tế đã được công nhận ở bản Hiến pháp năm 1980.

Kết quả là vào ngày 27/6/1985, Quốc hội thông qua Bộ Luật Hình sự đầu tiên của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có hiệu lực từ ngày 1/1/1986.

BLHS 1985 khi đó đặt trọng tâm vào việc bảo vệ chế độ và quyền sở hữu của nhà nước. Tội phạm được định nghĩa là các hành vi có “tính nguy hiểm cho xã hội” như hành vi xâm phạm độc lập, chủ quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa hoặc xâm phạm chế độ kinh tế tập trung.

Một đặc trưng khác nữa, chính là sự phân biệt rạch ròi giữa quyền sở hữu của nhà nước và quyền sở hữu của công dân thành hai chương riêng biệt. Điều này đã phản ánh rất rõ nét tư duy của thời kỳ bao cấp.

Song, chính tư duy làm luật này đã gây ra các mâu thuẫn nội tại. Sự mâu thuẫn này thể hiện rõ nhất ở chỗ, trong khi chính sách “Đổi Mới” (năm 1986) khuyến khích phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thừa nhận kinh tế tư nhân, thì BLHS năm 1985 với các quy định cứng nhắc về tội phạm kinh tế và sự ưu tiên tuyệt đối cho sở hữu nhà nước, lại trở thành một rào cản.

Thêm vào đó, bộ luật này cũng không dự liệu được khả năng phát sinh của nhiều loại tội phạm mới, có gốc rễ từ nền kinh tế thị trường, như tội phạm tham nhũng quy mô lớn, tội phạm trong lĩnh vực ngân hàng, và đặc biệt là sự bùng phát của tội phạm ma túy. Theo số liệu năm 1986, toàn ngành kiểm sát đã thụ lý 7.762 vụ án, truy tố 4.395 vụ án liên quan đến kinh tế. Đến năm 1998, con số tội phạm hình sự đã tăng lên gần một triệu vụ.

Trước những thực tiễn trên, BLHS năm 1985 đã phải trải qua bốn lần “chấp vá”, trải dài từ năm 1989 đến 1997.

NĂM 1989: SỬA ĐỔI BLHS NĂM 1985 LẦN 1

Bản sửa đổi của BLHS năm 1985 đầu tiên được Quốc hội thông qua vào ngày 28/12/1989, rồi được Hội đồng Nhà nước công bố vào ngày 2/1/1990 và có hiệu lực ngay sau đó.

Ở lần sửa đổi này, các nhà làm luật tập trung vào việc bổ sung một số tình tiết ở một số điều luật; tăng mức tiền phạt, mức án tù; thêm án tử hình vào nhiều tội danh mới; cũng như bổ sung Điều 96a về tội danh tàng trữ, mua bán, sản xuất chất ma túy. Cụ thể:

- Tại các quy định của Phần chung được sửa đổi, bổ sung như: Điều 23 bổ sung quy định phạt tiền linh hoạt theo mức độ và tình hình tài sản; Điều 41, 42 sửa đổi tổng hợp hình phạt khi bị kết án nhiều tội, tránh vượt quá mức cao nhất; Điều 44, 53 hoàn thiện quy định về án treo và xóa án tích (thử thách 3 năm).
- Tại Phần các tội phạm được sửa đổi, bổ sung như: mở rộng tình tiết “có tổ chức hoặc chuyên nghiệp” cho nhiều tội danh từ Điều 97 đến 201; điều chỉnh đáng kể khung phạt tiền tại các Điều 90 tới 218 (áp dụng hành vi vi phạm hàng không, hàng hải, tài nguyên, quyền tác giả, v.v.); bổ sung Điều 96a quy định về các tội liên quan đến ma túy với khung phạt tù nghiêm khắc nhất lên đến tử hình; sửa đổi khung hình phạt tăng nặng với các tội cố ý gây thương tích (Điều 101, 109), giao cấu với người dưới 16 tuổi (Điều 114), cướp của (Điều 151), đầu cơ (Điều 165), v.v.

Cũng theo đó, nội dung nổi bật của lần sửa đổi, bổ sung đầu tiên này có thể kể đến như:

- Điều chỉnh mức phạt tiền linh hoạt, bảo đảm tương thích với hậu quả và tài sản người phạm tội, dao động từ vài trăm nghìn đến hàng tỷ đồng;
- Tăng cường hệ thống tổng hợp hình phạt, đảm bảo không vượt mức tối đa và nhất quán sự định đoạt hình phạt khi xét xử nhiều tội;
- Hoàn thiện hơn các quy định án treo và xóa án tích;
- Thắt chặt chế tài với tội phạm nghiêm trọng và có tổ chức; đặc biệt với tội phạm về ma túy, cướp tài sản, buôn bán hàng cấm, luật sửa đổi, bổ sung có khung phạt từ vài năm tù cho đến tử hình;
- Đối với tội cố ý gây thương tích và giao cấu với trẻ em, khung hình phạt được mở rộng rõ rệt, từ cải tạo không giam giữ cho đến 20 năm tù.

NĂM 1991: SỬA ĐỔI BLHS NĂM 1985 LẦN 2

Luật số 55-LCT/HĐNN8 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 1985 được Hội đồng Nhà nước công bố ngày 16/8/1991, đánh dấu lần sửa đổi thứ hai của bộ luật này. Nội dung sửa đổi, bổ sung được xác định nhằm mục đích tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật hình sự và mở rộng chế tài đối với các hành vi nguy hiểm mới nổi trong xã hội. Những điểm thay đổi bao gồm:

- Điều 205a về tội lợi dụng quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, đặt nền móng cho việc xử lý hành vi vi phạm quyền dân sự nhưng mang động cơ gây rối trật tự xã hội. Đây cũng là điều khoản tiền thân cho Điều 331 về tội lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân của Bộ luật Hình sự 2015;
- Điều 112 mở rộng về tội hiếp dâm, quy định rõ giao cấu với trẻ em dưới 13 tuổi là hiếp dâm, tăng khung hình phạt tối đa lên đến tử hình;
- Điều 100 bổ sung chế tài phạt tiền thay thế hình phạt tù áp dụng cho các tội kinh tế, với mức phạt tiền từ 300.000 đồng đến 3 triệu đồng hoặc gấp 2 đến 10 lần giá trị vật phạm pháp;
- Nhiều điều luật khác như Điều 103, 134, 157, 169, 174, 226, v.v. được sửa đổi để tăng khung hình phạt, xử lý chặt chẽ các tội về chức vụ, kinh tế, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng.

Bản sửa đổi lần này ghi nhận những điểm đáng chú ý như sau:

- Lần đầu tiên một điều khoản về “tự do dân chủ” được đưa vào quy định của Bộ luật Hình sự (Điều 205a);
- Tiếp tục tăng nặng hình phạt với các tội xâm hại tình dục trẻ em, nhất là trẻ vị thành niên;
- Áp dụng phạt tiền trong tội phạm kinh tế là cải cách được đánh giá là tiến bộ, linh hoạt trong chế tài xử lý nhằm bắt nhịp thời kỳ chuyển đổi nền kinh tế thị trường, mở cửa đầu tư tư nhân;
- Tiếp tục mở rộng các tình tiết tăng nặng và khung hình phạt với các tội có tổ chức, vi phạm nghiêm trọng quy định quản lý kinh tế và công vụ. Điều này cũng đặt nền móng cho các công cuộc trấn áp tham nhũng sau này.

NĂM 1992: SỬA ĐỔI BLHS NĂM 1985 LẦN 3

Ngày 22/12/1992, Quốc hội ban hành Luật số 4-L/CTN sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 1985. Nội dung của lần sửa đổi này nhằm hướng đến việc thắt chặt các vi phạm liên quan đến kinh tế, tham nhũng và an ninh trật tự, các điều khoản được sửa đổi cụ thể như sau:

- Điều 97 về tội buôn lậu tăng khung phạt từ 2 – 7 năm, lên 5 – 12 năm nếu hành vi thuộc diện có tổ chức, chuyên nghiệp, tài sản buôn lậu có giá trị lớn; đặc biệt mức hình phạt được nâng lên 10 – 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình khi hành vi tội phạm thuộc loại đặc biệt nghiêm trọng;
- Điều 100 bổ sung hình thức phạt tiền cho Điều 96a (tội sản xuất, tàng trữ, mua bán, vận chuyển trái phép các chất ma túy) và Điều 97 (tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới), mức tối đa bằng 10 lần giá trị hàng hóa phạm pháp;
- Điều 134 và 135 về các tội lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bổ sung thêm tình tiết có tổ chức, dùng thủ đoạn xảo quyệt, giá trị lớn, tái phạm, lợi dụng chức vụ với khung hình phạt từ 3 – 12 năm tù;
- Điều 167 về tội làm, bán hàng giả có khung phạt từ 1 – 7 năm tù, tăng lên khung 5 – 15 năm đối với loại tội phạm nghiêm trọng và áp dụng mức hình phạt 12 – 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình đối với loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;
- Điều 169 về tội trốn thuế có mức phạt tù từ 6 tháng đến 5 năm; tăng lên 3 – 12 năm nếu vi phạm nhiều lần, số tiền rất lớn hoặc tái phạm;
- Các tội tham nhũng, cố ý làm trái, nhận hối lộ, v.v. (Điều 139, 174, 221 đến 227) đều được nâng khung phạt, thêm hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ và tịch thu tài sản của người phạm tội.

Một vài điểm nổi bật của lần sửa đổi này có thể kể đến như:

- Thắt chặt khung hình phạt với các tội có mức định khung là phạm tội có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, bằng cách nâng cao mức hình phạt;
- Mở rộng hình phạt đối với các tội phạm kinh tế như tăng thời gian phạt tù có thời hạn, phạt tiền gấp nhiều lần giá trị thiệt hại;
- Bổ sung thêm các hình phạt bổ sung bên cạnh phạt tù có thời hạn, như hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ từ 2 đến 5 năm sau khi chịu án.

NĂM 1997: SỬA ĐỔI BLHS NĂM 1985 LẦN 4

Lần sửa đổi sau cùng của BLHS năm 1985 được đánh dấu qua văn bản Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 10/5/1997. Lần sửa đổi này tập trung vào việc mở rộng quy định thời hạn áp dụng các hình phạt bổ sung trong Phần chung, gồm: cấm đảm nhiệm một số chức vụ, cấm làm một số nghề nhất định (Điều 28) kéo dài từ 2 đến 5 năm; tước quyền công dân (Điều 31) kéo dài từ 1 đến 5 năm; điều chỉnh quy trình tổng hợp hình phạt giữa các bản án (Điều 42).

Về Phần tội phạm, bản sửa đổi bỏ cụm từ “gây hậu quả nghiêm trọng” tại các điều 182, 186, 190, 194 để mở rộng phạm vi xử lý, cùng với việc bổ sung, nâng điều chỉnh khung hình phạt cho tội tổ chức, cưỡng ép người khác trốn đi hoặc ở lại nước ngoài trái phép (Điều 88).

Một vài điểm nổi bật của lần sửa đổi này có thể kể đến như:

- Thời hạn bổ sung cho hình phạt phụ rõ ràng, có khung cụ thể cho hình thức án tù treo hoặc các án nhẹ khác;
- Điều chỉnh lại mức hình phạt của Điều 88 để tăng hiệu quả xử lý tội tổ chức, cưỡng ép xuất nhập cảnh bất hợp pháp, phản ánh mục tiêu phòng, chống tội phạm xuyên biên giới.

NĂM 1999: BLHS MỚI RA ĐỜI, THAY THẾ BLHS NĂM 1985

Hơn một thập kỷ với bốn lần bị sửa đổi, BLHS 1985 đã trở thành một văn bản mang trong mình nhiều sự “chắp vá” phức tạp với nhiều quy định không còn phù hợp trong thời kỳ mới.

Nhận thấy tính cấp thiết của yêu cầu cải cách, Nghị quyết Trung ương 4 (tháng 12/1997) của Ban Chấp hành Trung ương xác định một trong những mục tiêu chính yếu là bãi bỏ những tội danh trong BLHS 1985, vốn được hình thành trên cơ sở nền kinh tế tập trung quan liêu.

Các chính sách kinh tế trước đó, thời kỳ mà BLHS 1985 ra đời, đã hình sự hóa nhiều hoạt động kinh doanh tư nhân hoặc các hoạt động thị trường bị coi là “tư sản mại bản”, “đầu cơ tích trữ”.

Việc bãi bỏ các tội danh này trong bộ luật cũ là một bước tiến lớn, giúp giải tỏa gánh nặng pháp lý và tâm lý cho các doanh nghiệp, cá nhân khi tham gia vào nền kinh tế.

Đến tháng 12/1999, Quốc hội khóa 10 chính thức thông qua một BLHS mới, thay thế hoàn toàn BLHS 1985, và có hiệu lực kể từ ngày 1/7/2000. Bộ luật mới này có dung lượng tăng lên đáng kể với 24 chương và 344 điều, bổ sung thêm nhiều tội danh gắn liền với nền kinh tế thị trường như các tội về rửa tiền, phá sản giả hay thao túng thị trường chứng khoán v.v.

So với BLHS trước đó, BLHS lần này hợp nhất hai tội gồm: xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa và tài sản công dân. Đặc biệt, các tội phạm về môi trường được hệ thống hóa trong một chương riêng với 10 tội danh khác nhau.

Đồng thời, các nội dung về quyền con người, quyền tự do tôn giáo và các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cũng được cụ thể hóa.

NĂM 2009: SỬA ĐỔI BLHS NĂM 1999 LẦN 1

Sau 10 năm áp dụng, BLHS 1999 tiếp tục được sửa đổi vào năm 2009 nhằm thích ứng với yêu cầu phòng, chống tội phạm mới và quá trình hội nhập quốc tế. Luật số 37/2009/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 1999, được Quốc hội khóa 12 ban hành và chính thức có hiệu lực vào ngày 1/1/2010. Luật này tập trung sửa đổi, bổ sung vào ba nhóm nội dung lớn: lượng hóa lại mức phạt đối với các nhóm tội phạm về tham nhũng, tăng cường bảo vệ quyền trẻ em đối với các nhóm tội phạm xâm hại trẻ em và làm rõ hơn các hành vi, mức hình phạt đối với các vi phạm trong lĩnh vực kinh tế, môi trường, công nghệ cao. Cụ thể:

- Điều 278 về tội tham ô tài sản, Điều 279 về tội nhận hối lộ, Điều 283 về tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi, Điều 289 về tội đưa hối lộ được sửa đổi mức giá trị tài sản định khung tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự tăng 500.000 đồng lên 2.000.000 đồng; riêng tại Điều 289 về tội đưa hối lộ được bãi bỏ hình phạt tử hình ở mức kịch khung;
- Điều 199 về tội mua bán phụ nữ được sửa thành tội mua bán người nhằm mở rộng phạm vi chịu trách nhiệm hình sự và mở rộng chủ thể được pháp luật bảo vệ;
- Các nhóm tội phạm về các lĩnh vực như kinh tế (Điều 161 về tội trốn thuế, Điều 181 về tội thao túng giá chứng khoán, Điều 251 về tội rửa tiền, v.v.), môi trường (Điều 185 về tội đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam, Điều 191 về tội nhập khẩu, phát tán các loài ngoại lai xâm hại, v.v.), công nghệ cao – Internet (Điều 224 về tội phát tán vi rút, chương trình tin học có tính năng gây hại cho hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, thiết bị số; Điều 225 về tội cản trở hoặc gây rối loạn hoạt động của mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet, thiết bị số, v.v.) đều được sửa đổi, bổ sung nhằm cụ thể hóa hành vi phạm tội, tăng mức hình phạt nhằm răn đe.

NĂM 2015: BLHS MỚI RA ĐỜI, THAY THẾ BLHS NĂM 1999

Tính đến thời điểm năm 2015, Việt Nam đã có năm bản hiến pháp (nếu không kể đến Việt Nam Cộng hòa). Bản Hiến pháp gần nhất do Quốc hội khóa 13 ban hành vào năm 2013, với nhiều quy định mới được cho là “tiến bộ” vì sẽ tập trung vào các giá trị của quyền con người, quyền công dân. Việc này đã tạo ra một yêu cầu cấp bách phải có một BLHS mới, toàn diện hơn để tương thích với tinh thần của Hiến pháp.

Cạnh đó, giai đoạn này chứng kiến sự gia tăng số lượng tội phạm đến từ nhiều lĩnh vực mới như tiền mã hóa, chứng khoán, môi trường, v.v. mà các cơ chế xử lý hình sự truyền thống đã tỏ ra bất cập.

Vào ngày 27/11/2015, Quốc hội thông qua BLHS 2015, bao gồm tổng cộng 426 điều luật thuộc 26 chương, thể hiện rõ nguyên tắc cốt lõi “không có tội, không có hình phạt nếu không có luật”.

BLHS 2015 chứa nhiều quy định mới, trong đó có quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại (tổ chức kinh tế kinh doanh vì lợi nhuận) đối với một số tội danh, chủ yếu thuộc các trường hợp như buôn lậu, trốn thuế, gây ô nhiễm môi trường hay có vi phạm về an toàn thực phẩm, v.v.

Đặc biệt, đây cũng là thời điểm đánh dấu sự ra đời của các Điều 117, 331 để xét xử phần lớn các vụ án bị quy kết là lợi dụng các quyền dân chủ để xâm phạm lợi ích nhà nước. Cả hai điều luật này từ lâu đã được nhận định là rất “mơ hồ”, tuy nhiên, nhà nước vẫn chưa một lần đem ra để thảo luận sửa đổi hay bổ sung chi tiết.

Ở một diễn biến khác, ngay sau khi được thông qua, BLHS 2015 đã đối mặt với một cuộc khủng hoảng lỗi kỹ thuật pháp lý nghiêm trọng chưa từng có khi dư luận đã phát hiện hơn 90 lỗi lập pháp trong văn bản luật này.

Giữa cuộc khủng hoảng về lỗi kỹ thuật đó, một cuộc “bàn lại” chính sách khác đã nổ ra, xung quanh Điều 292 của bộ luật về tội cung cấp dịch vụ trái phép trên mạng máy tính, mạng viễn thông. Điều luật 292 đã hình sự hóa các hành vi kinh doanh một số dịch vụ như trò chơi điện tử, sàn thương mại điện tử, v.v mà không có giấy phép. Một cộng đồng các doanh nghiệp công nghệ, giới khởi nghiệp đã phản ứng dữ dội vì cho rằng điều luật này “quá rộng hay mơ hồ” gây cản trở tư duy đổi mới, sáng tạo – ngược với tinh thần của cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra.

NĂM 2017: SỬA ĐỔI BLHS NĂM 2015 LẦN 1

Trong diễn biến tiếp theo, Quốc hội đã thực hiện một bước đi để hạ nhiệt dư luận, bằng cách ban hành ngay Nghị quyết 144/2016/QH13 nhằm lùi hiệu lực thi hành của BLHS 2015 và ba luật liên quan để có thời gian rà soát lại.

Kết quả của quá trình này là sự ra đời của bản “chấp vá” – Luật số 12/2017/QH14 – có trọng tâm rà soát, chỉnh lý lên đến 141 điều sai sót của BLHS 2015, bao gồm bãi bỏ Điều 292, vốn đang gây tranh cãi.

Cuối cùng, cả Luật sửa đổi năm 2017 và BLHS 2015 đã cùng có hiệu lực vào ngày 1/1/2018.

NĂM 2025: SỬA ĐỔI BLHS NĂM 2015 LẦN 2

Gần đây nhất, Bộ Luật Hình sự năm 2015 tiếp tục được Quốc hội khóa 15 đem ra thảo luận và thông qua nội dung sửa đổi vào ngày 25/6.

Đáng chú ý, Bộ Công an lần này lại là đơn vị được giao chủ trì soạn thảo dự án sửa đổi Bộ luật Hình sự, thay vì Bộ Tư pháp như trước đây.

Điểm nổi bật của lần sửa đổi này là quy định mới sẽ bỏ án phạt tử hình đối với tám tội danh. Theo đó, các bản án cho tám tội danh này nếu đã được tuyên trước ngày 1/7 mà chưa thi hành án thì sẽ được chuyển thành án tù chung thân.

Điều 109 Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền

Điều 110 Tội gián điệp

Điều 114 Tội phá hoại cơ sở vật chất – kỹ thuật của nhà nước

Điều 194 Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh – phòng bệnh

Điều 250 Tội vận chuyển trái phép chất ma túy

Điều 353 Tội tham ô tài sản

Điều 354 Tội nhận hối lộ

Điều 421 Tội phá hoại hòa bình, gây chiến tranh xâm lược

Tám tội danh được bỏ án tử hình trong Bộ Luật Hình sự năm 2015.

Đến nay, qua nhiều lần sửa đổi, số lượng án tử hình trong BLHS đã giảm đáng kể qua các năm: từ 44 tội (năm 1985) xuống còn 29 tội (1999), 22 tội (năm 2009), 18 tội (2015) và giờ chỉ còn 10 tội (2025). □

VIẾT THƯ CHO TRANG

Nhà báo Phạm Đoan Trang, đồng sáng lập viên - biên tập viên của Luật Khoa, bị tuyên án 9 năm tù giam vào ngày 14/12/2021 về tội “tuyên truyền chống nhà nước”.

Đây là bản án bất công và hoàn toàn trái với luật quốc tế về nhân quyền.

Hãy ủng hộ Đoan Trang bằng cách viết thư và gửi cho cô tại địa chỉ:

Phạm nhân Phạm Thị Đoan Trang, Trại giam An Phước, xã An Thái, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

Hoặc bạn có thể tạo bưu thiếp cho Đoan Trang theo công cụ chúng tôi tạo sẵn trên Google Form tại đây: bit.ly/dearTrang

Tranh minh họa: Jin Jin, do Ân xá Quốc tế hỗ trợ.

LIV SÁU THÁNG ĐẦU NĂM 2025: GIAI ĐOẠN KHÓ KHĂN, BƯỚC NGOẶT QUAN TRỌNG

Thân gửi các bạn hữu và những người đã luôn ủng hộ LIV,

Nếu bạn đang đọc những dòng này, nghĩa là bạn quan tâm đến công việc của chúng tôi – và vì điều đó, thay mặt LIV, tôi xin chân thành cảm ơn bạn. Tôi là **Trịnh Hữu Long**, Giám đốc Điều hành Lâm thời của **Sáng kiến Pháp lý cho Việt Nam (LIV)**, cơ quan chủ quản của Luật Khoa tạp chí, The Vietnamese Magazine, kênh YouTube Luật Khoa và các nền tảng truyền thông khác.

Nhân dịp năm 2025 đã bước qua được hơn một nửa, tôi muốn chia sẻ với bạn về tình hình hoạt động của chúng tôi trong sáu tháng qua, về những thử thách LIV đang đối mặt, cũng như hướng đi trong thời gian tới. Dù gặp nhiều khó khăn về tài chính, nhưng nhờ sự tin tưởng và đồng hành của những người như bạn, chúng tôi không chỉ trụ vững mà còn có những bước phát triển quan trọng.

Chúng tôi rất trân trọng thời gian quý báu mà bạn đã dành ra để đọc bức thư này, để hiểu hơn và chia sẻ thêm về hoạt động của chúng tôi.

VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH – THÁCH THỨC LỚN NHẤT

Câu hỏi mà có lẽ nhiều người vẫn đang đặt ra là: **Tình hình tài chính của LIV hiện nay ra sao?**

Khi mới thành lập vào năm 2014, lĩnh vực phi lợi nhuận và tình hình chính trị toàn cầu có vẻ ổn định và có nhiều triển vọng hơn. Nhưng thực tế đã thay đổi. Những năm gần đây, các khoản viện trợ từ Mỹ bị cắt giảm nghiêm trọng, và chúng tôi cũng chịu ảnh hưởng nặng nề: **ngân sách hoạt động của LIV đã bị giảm một nửa.**

Dẫu vậy, chúng tôi vẫn còn may mắn hơn nhiều tổ chức khác khi vẫn duy trì được sự hỗ trợ từ các nhà tài trợ lâu năm và đón nhận thêm một số nhà tài trợ mới.

Đặc biệt, cộng đồng độc giả và những người ủng hộ từ khắp nơi trên thế giới đã tiếp thêm sức mạnh cho chúng tôi. Nhờ sự giúp sức đó, LIV có đủ nguồn lực để tiếp tục hoạt động đến **tháng Sáu năm 2026**, với ngân sách dự kiến khoảng **280.000 USD**.

Tuy nhiên, khó khăn chưa chấm dứt. Khoảng một năm nữa, các khoản tài trợ lớn nhất của chúng tôi sẽ đáo hạn và khả năng được gia hạn là rất thấp. Chúng tôi đang chuẩn bị tinh thần cho tình huống xấu nhất: từ tháng Bảy năm 2026, ngân sách hằng năm chỉ còn **dưới 100.000 USD**, trong đó **một nửa đến từ chính độc giả**.

Tình trạng thiếu hụt ngân sách có thể kéo dài, nhưng điều khiến tôi xúc động nhất là tinh thần đoàn kết và sáng tạo trong đội ngũ LIV: mọi người ngày càng đồng lòng, tận tụy và chủ động hơn bao giờ hết.

Tôi hiểu rằng, ở nhiều nơi khác, các bạn cũng đang chiến đấu cho tự do báo chí và công lý, lẽ phải. Hãy tin rằng, chúng tôi luôn sát cánh cùng bạn.

SÁU THÁNG ĐẦU NĂM: NHỮNG ĐIỂM NHẤN ĐÁNG CHÚ Ý

Luật Khoa tạp chí: Vững vàng và phát triển

Là dự án trọng tâm và lớn nhất của LIV, Luật Khoa đã trải qua nửa năm rất sôi động:

- **Đăng 292 bài viết**, gần bằng cả năm 2024.
- Nội dung tập trung vào các vấn đề chính trị – pháp lý đang được dư luận quan tâm, như: cải tổ hệ thống chính trị, cải cách pháp luật, các vụ án tham nhũng lớn...
- **Lượt truy cập đạt 1,2 triệu**, gần bằng toàn bộ năm ngoái.
- **Số hội viên từng vượt mốc 1.000**, hiện ổn định ở mức 927 người (do quá trình chuyển đổi hệ thống).

- Cộng với các nhà tài trợ định kỳ, chúng tôi hiện có hơn **1.000 người ủng hộ đóng góp hằng tháng hoặc hằng năm**, mang lại doanh thu khoảng **2.600 USD** mỗi tháng.

The Vietnamese Magazine: Vươn lên mạnh mẽ

Là ấn phẩm tiếng Anh đồng hành với Luật Khoa, The Vietnamese Magazine trong sáu tháng vừa qua đã có sự tăng trưởng rõ rệt:

- Đã xuất bản **100 bài** trong nửa đầu năm, so với 137 bài của cả năm 2024.
- Lượt đọc đạt **64.000**, tăng **20%** so với cùng kỳ năm ngoái.
- Là một trong số ít kênh truyền thông Anh ngữ độc lập đưa tin về Việt Nam, đây là tờ báo mà chúng tôi đặt nhiều kỳ vọng. Chúng tôi sẽ công bố các kế hoạch phát triển cụ thể cho nền tảng này trong thời gian tới.

Kênh YouTube Luật Khoa: Cột mốc mới

Sau ba năm hoạt động, kênh YouTube của Luật Khoa đã trở thành nền tảng có độ phủ cao nhất của chúng tôi:

- Tháng 1/2025, đạt **100.000 lượt theo dõi**.
- Đến cuối tháng Sáu, con số này tăng lên gần **140.000**, tổng lượt xem vượt **30 triệu**.
- Trong sáu tháng, kênh tăng thêm gần **50.000 lượt theo dõi** và **8,5 triệu lượt xem mới**.
- Chúng tôi đã vinh dự nhận **nút bạc từ YouTube**.

Đây là minh chứng cho thấy nhu cầu ngày càng lớn của cộng đồng về thông tin độc lập, đáng tin cậy, đặc biệt dưới dạng video – dạng nội dung dễ tiếp cận với đa dạng nhóm người xem, đặc biệt là các khán giả trẻ.

Dù tập trung vào những phân tích chuyên sâu về các quyền hiến định, về chủ đề giáo dục pháp luật hay các vấn đề thời sự, kênh YouTube của chúng tôi vẫn tiếp tục theo đuổi mục tiêu: biến những chủ đề phức tạp trở nên dễ hiểu và dễ dàng chia sẻ hơn cho quý khán thính giả, trong từng video một. Nhân đây, cảm ơn tất cả quý vị đã đăng ký, theo dõi kênh, và đã chia sẻ hoặc ủng hộ các video của chúng tôi. Cột mốc thành tựu hôm nay cũng là của chính quý vị.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG NHÂN QUYỀN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA FACEBOOK TẠI VIỆT NAM

Chúng tôi đã phối hợp cùng Article 19 và CLARITI để thực hiện báo cáo: **“Đánh giá tác động nhân quyền đối với hoạt động của Facebook tại Việt Nam”**.

Báo cáo phân tích cách Facebook xử lý yêu cầu kiểm duyệt nội dung từ chính quyền, vai trò của nền tảng này trong việc điều chỉnh và phát tán thông tin, cũng như các hệ quả nhân quyền đi kèm.

KỶ NIỆM 50 NĂM NGÀY CHẤM DỨT CHIẾN TRANH VIỆT NAM (1975–2025)

Năm nay đánh dấu **50 năm biến cố 30/4**, sự kiện có tác động lâu dài đến lịch sử và căn tính dân tộc. Chúng tôi triển khai hai hoạt động nổi bật:

- Dự án 1975:** Khởi chạy tại trang 1975.luatkhoa.com, đây là chuyên mục chuyên sâu nhằm nhìn lại các sự kiện lịch sử năm 1975 từ nhiều góc nhìn – chính trị, cá nhân, văn hóa.
- Chương trình thực tập sinh 1975:** Ra mắt ngày 30/4/2025, dành riêng cho người trẻ gốc Việt ở hải ngoại. Mục tiêu là kết nối thế hệ mới với cội nguồn, bồi đắp trong họ nhận thức về bản sắc, từ đó, xây dựng những cộng đồng ý nghĩa xuyên biên giới để cùng góp phần xây dựng một Việt Nam tự do, công bằng hơn.

HƯỚNG ĐI MỚI: TỰ CHỦ TÀI CHÍNH VÀ KHỞI NGHIỆP XÃ HỘI

Từ năm 2022, LIV đã bắt đầu phát triển mô hình kinh doanh cho Luật Khoa, với sự đồng hành của **Quỹ Đầu tư và Phát triển Truyền thông (MDIF)**. Chúng tôi quyết tâm tiếp tục mở rộng các nguồn thu để đảm bảo **sự độc lập và bền vững lâu dài**.

Hiện tại, LIV đã có doanh thu từ **thu phí đọc báo trên Luật Khoa và phí hội viên, quảng cáo trên YouTube**. Điều này xuất phát từ một niềm tin cốt lõi: truyền thông độc lập tại Việt Nam cần được chính người Việt nuôi dưỡng và làm chủ.

Không chỉ dừng lại ở LIV, chúng tôi còn thử nghiệm những hướng đi kinh doanh mới bên ngoài tổ chức.

Vào tháng Sáu vừa qua, tôi thành lập một công ty tại Hoa Kỳ mang tên **Lý Yên, LLC**, với mục tiêu tạo ra nguồn thu mới để hỗ trợ sứ mệnh của LIV. Tôi cam kết **quyên góp 100% lợi nhuận** của công ty này cho LIV và các sáng kiến báo chí độc lập khác. Bạn có thể theo dõi hành trình này qua Substack của tôi: longlyyen.substack.com.

Chúng tôi đang thử nghiệm các dịch vụ như **marketing, phát triển và bảo trì website, tiếp thị liên kết, v.v.** Dù theo đuổi hướng nào, chúng tôi luôn đảm bảo mọi hoạt động đều nhất quán với **giá trị và tôn chỉ của LIV**.

Đây là một chương mới trong hành trình của chúng tôi – đầy thử thách nhưng cũng đầy cơ hội. Nếu thành công, chúng tôi sẽ bước ra khỏi khủng hoảng với một nền tảng tài chính vững vàng hơn và một sứ mệnh vẫn nguyên vẹn: **xây dựng một nền báo chí độc lập, chất lượng cho Việt Nam**.

Chúng tôi rất mong bạn sẽ tiếp tục đồng hành để cùng nhau hiện thực hóa sứ mệnh đó.

Trân trọng,
Trịnh Hữu Long
Giám đốc Điều hành lâm thời

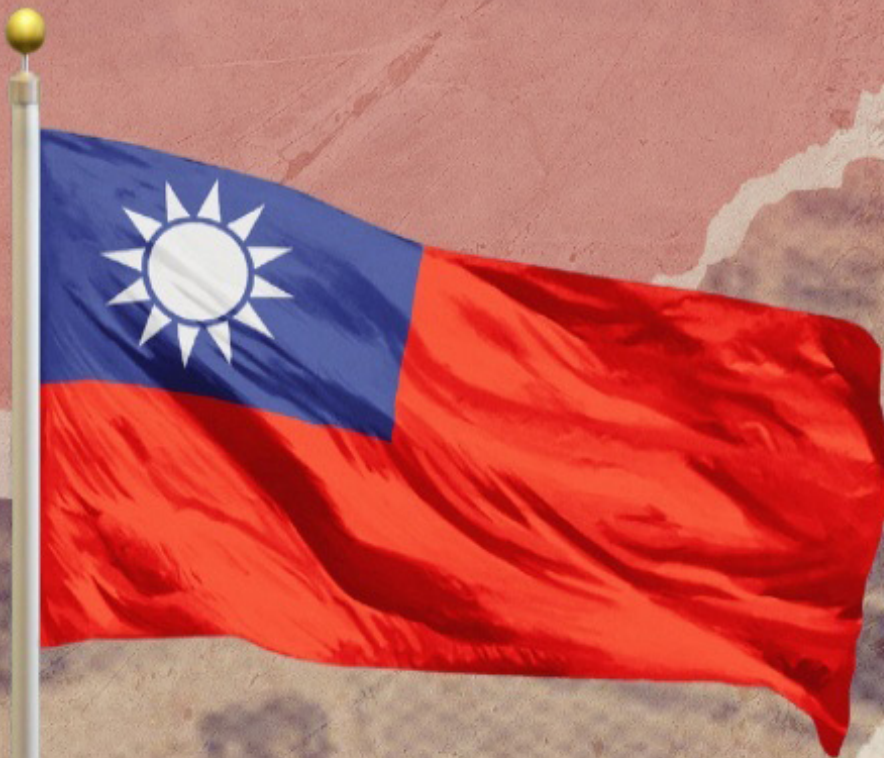


THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ LUẬT KHOA

và bộ sưu tập sách Việt Nam Cộng hòa

luatkhoa.librarika.com

“ĐỐT LÒ” Ở ĐÀI LOAN: “CỦI” NHIỀU HAY ÍT? CÒN TÙY BẠN HỎI AI.



Trần Bình Thảo

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com ngày 9/6/2025.

Hình ảnh một số tờ báo ở Đài Loan và quốc huy của hai đảng Quốc Dân Đảng (bên trái) và Dân Tiến Đảng (bên phải). Nguồn ảnh: taipeitimes, AFP, focustaiwan, firstamendmentmuseum. Đồ họa: Thanh Tường / Luật Khoa.

Phân cực đảng phái và truyền thông ở Đài Loan khiến công chúng bị quan về tham nhũng.

Đài Loan là một trong những nền dân chủ hoàn thiện hiếm hoi ở châu Á, bên cạnh Nhật Bản và Hàn Quốc. Quốc gia này đã từng bỏ tù cả cựu tổng thống vì tham nhũng và có mức độ minh bạch cao, nhưng công chúng lại có xu hướng nghĩ rằng tình trạng tham nhũng rất tồi tệ.

Đó là kết quả nghiên cứu vào năm 2019 của Tiến sĩ Christian Göbel (Viện nghiên cứu Đông Á, Đại Học Vienna) trong cuốn “The political logics of anticorruption efforts in Asia” của Nhà xuất bản Đại học Tiểu bang New York (SUNY Press). Ông cho rằng, góc nhìn này của công chúng là do bị ảnh hưởng của nạn phân cực đảng phái và cách đưa tin tiêu cực trong giới truyền thông.

GÓC NHÌN KHÁC BIỆT GIỮA NGƯỜI DÂN VÀ CHUYÊN GIA

Hiện các chỉ số để đo lường mức độ tham nhũng dựa trên ý kiến của giới kinh doanh và người dân cho thấy tình hình không mấy được cải thiện ở Đài Loan. Tuy nhiên, các chuyên gia nghiên cứu lại không nghĩ thế.

Kể từ khi chuyển đổi dân chủ thành công năm 1992, đặc biệt là sau năm 2000, Đài Loan đã xây dựng nhiều quy định và luật pháp để thể chế hóa việc ngăn chặn và xử lý tham nhũng. Tham nhũng không phải là hiện tượng phổ biến và dễ thấy ở Đài Loan. Mặc dù có một số vụ án tham nhũng xử các quan chức cấp

cao, quan tòa, hay thậm chí cả cựu tổng thống, nhưng cần thấy là chính bộ máy hiện hành đã điều tra và buộc tội các quan chức của họ. Cũng không có bằng chứng rõ ràng nào cho thấy đây là sự trả thù phe phái. Dù vẫn còn tham nhũng, nhưng khả năng cao các vụ việc sẽ bị phanh phui sớm hay muộn.

Chẳng hạn, theo báo cáo BTI (Bertelsmann Transformation Index) 2016, các vụ tham nhũng đều bị khởi tố triệt để theo luật hình sự. Các con số chính thức về công cuộc chống tham nhũng cũng đều chỉ theo hướng này.

Tuy nhiên, theo Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng của tổ chức Minh bạch Quốc tế (TI), phần đông dân số lại cho rằng tình hình chưa được cải thiện nhiều. Điều này càng khó hiểu hơn khi thực tế phần đa người trả lời không phải là nạn nhân trực tiếp trải nghiệm tham nhũng.

Số liệu về chỉ số minh bạch (Transparency Index Global Corruption Barometer) năm 2011 cũng cho thấy các kết quả khảo sát ý kiến không thực sự phản ánh đúng về mức độ tham nhũng. Chẳng hạn, hơn 60% người trả lời cho rằng Quốc hội, cảnh sát, công chức đều tham nhũng, nhưng chỉ có 7% trong số họ nói rằng bản thân mình đã từng phải bỏ tiền hối lộ.

Nhìn chung, ý kiến công luận thì cho rằng mức độ tham nhũng cao hơn mức bình quân trên thế giới, nhưng thực tế số vụ tham nhũng ở Đài Loan là thấp hơn mức bình quân của thế giới.

Đồng thời, cũng chỉ có một phần nhỏ số vụ do công luận tố cáo là đủ cơ sở để

điều tra. Ví dụ, trong nửa cuối năm 2011, có 1.632 vụ tố cáo, nhưng chỉ có 91 vụ có đủ chứng cứ để điều tra, tức là dưới 6%.

Đây là một minh chứng cho thấy các chỉ số đánh giá nạn tham nhũng có thể sai lệch thế nào nếu chỉ dựa trên khảo sát ý kiến công chúng.

Ngoài ra, yếu tố văn hóa và quan niệm truyền thống cũng đóng một vai trò nhất định trong việc định hình công luận. Có những người theo văn hóa “truyền thống”, nhóm này thường có xu hướng ủng hộ Quốc Dân Đảng (KMT), cho rằng việc đưa quà cáp nhỏ cho cán bộ nhà nước là chuyện bình thường để xây dựng mối quan hệ thân tình. Tuy vậy, nhóm ủng hộ Dân Tiến Đảng (DPP) lại cho rằng điều đó là không thể chấp nhận.

Những người ủng hộ KMT thường đánh giá tình hình tham nhũng là ít nghiêm trọng hơn so với nhóm người ủng hộ DPP.

PHÂN CỰC ĐẢNG PHÁI VÀ TRUYỀN THÔNG DẪN ĐẾN THÁI ĐỘ BI QUAN

Hai đảng chính của Đài Loan là KMT và DPP ngày càng trở nên phân cực. Không một đảng nào chịu công nhận những thành tựu mà đảng đối lập đã đạt được. Họ chỉ đổ lỗi và gán cho bên kia nhiều điều tiếng xấu. DPP tố KMT là không thể già từ quá khứ tham nhũng của chính mình, còn KMT thì tố DPP là luôn chỉ biết đổ lỗi.

Thay vì tích cực đóng góp cho công cuộc chống tham nhũng nói chung, truyền thông chỉ chăm chăm nhắm vào tấn công đảng đối lập đã những nhiều như thế nào.

Tác giả khảo sát bốn tờ báo chính là *Apple Daily*, *United Daily News*, *China Times* và *Liberty Times*.

United Daily News thường được coi là ủng hộ KMT. *Liberty Times* thường có tiếng là thiên vị cho DPP. *China Times* ít tỏ rõ xu hướng nhưng thiên vị cho KMT hơn. Riêng *Apple Daily* có cả hai nhóm độc giả ủng hộ KMT và DPP.

China Times từ lâu được coi là ủng hộ KMT, nhưng sau khi bị tập đoàn Thượng Hải Want Want Holdings mua lại thì lộ rõ xu hướng ủng hộ Trung Quốc.

Tổng lượng độc giả của bốn tờ này ước tính là tám triệu người, chiếm một phần ba dân số Đài Loan.

Nghiên cứu chỉ ra việc thiên vị đảng phái và xu hướng đưa tin tiêu cực làm củng cố niềm tin trong công chúng rằng công cuộc chống tham nhũng ở Đài Loan không hiệu quả. Trong khi đó, các báo này thường bỏ qua những đóng góp và nỗ lực của cả hai đảng. Nói chung là giọng điệu tiêu cực, tạo cảm giác Đài Loan bị nạn tham nhũng hoành hành.

Kết quả cũng cho thấy tờ *Liberty Times* đưa tin cân bằng hơn so với điều tiếng là họ thiên vị cho DPP. *China Times* và *Apple Daily* đưa tin đầy đặc về các sáng kiến chống tham nhũng đang diễn ra ở Trung Quốc. Có thể là vì hai hãng truyền thông thân Trung Quốc này đang cố gắng tạo hình ảnh tích cực cho đại lục.

Tóm lại, tình hình tham nhũng ở Đài Loan theo đánh giá của các chuyên gia nghiên cứu và các số liệu công bố đều tiến triển khả quan. Mặc dù cả hai đảng bị cáo buộc là dùng quân bài chống tham nhũng để triệt hạ lẫn nhau, thực tế là quá trình thể chế hóa đang tạo ra cơ sở luật pháp vững chắc để ngăn chặn và xử lý tham nhũng.

Trong khi đó, giới truyền thông, vốn có các nhóm độc giả trung thành theo xu hướng đảng phái nhất định, lại thường vẽ bức tranh âm ảm về vấn đề tham nhũng. Hai đảng chính cũng không ai chịu công nhận nỗ lực chống tham nhũng của nhau. Hai nguyên nhân này dẫn đến việc công chúng Đài Loan vẫn có cái nhìn bi quan và không đúng thực tế về tình hình tham nhũng. □



Đồ họa: Thanh Tường / Luật Khoa.

TẠI SAO “ĐỐT LÒ” Ở VIỆT NAM THẤT BẠI?

Trần Bình Thảo

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 10/06/2025.

*Ban hành chính sách, nhưng ít dụng
chạm đến bản chất tham nhũng.*

manh mẽ trên giấy, nhưng việc thực thi
không mấy hiệu quả.

Tham nhũng ở Việt Nam là chuyện thuộc dạng “biết rồi, khổ lắm, nói mãi”, nhưng vẫn phải nói.

Trong nhiều thập kỷ qua, các phong trào chống tham nhũng phần lớn chỉ mang tính hình thức, không nhằm cải cách các yếu tố hệ thống nuôi dưỡng tham nhũng. Việc thực hiện các phong trào này thường phụ thuộc vào ý chí cá nhân của lãnh đạo. Các chương trình chỉ

Kỳ cuối của chuỗi bài về chống tham nhũng ở các nước châu Á sẽ bàn về Việt Nam, dựa trên nghiên cứu của hai học giả Edmund Malesky và Ngọc Phan (ĐH Duke, Hoa Kỳ).

Xin lưu ý rằng cuốn sách này được xuất bản vào năm 2019. Các tác giả sử dụng dữ liệu về tham nhũng cho tới năm 2018. Do vậy, các nhận định trong bài cũng chỉ có thể phản ánh tình hình chống tham nhũng cho đến thời điểm này.

XẾP HẠNG KÉM

Hầu hết các chỉ số thế giới đều cho thấy Việt Nam xếp hạng rất kém về vấn đề tham nhũng, đứng thứ 109 trên tổng số 144 theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), thứ 113 trong số 176 nước theo Chỉ số Tham nhũng CPI.

Đồng thời, Việt Nam cũng xếp hạng tệ ở những bảng chỉ số đánh giá các yếu tố góp phần tạo ra tham nhũng. Theo Diễn đàn Kinh tế Thế giới 2017, Việt Nam xếp thứ 101 trên 144 quốc gia về chỉ số Gánh nặng Cơ chế, thấp hơn cả Nigeria và Timor-Leste, trong khi Trung Quốc xếp thứ 19. Về mức độ ra quyết sách chính phủ, Việt Nam cũng xếp đến thứ 116, sau Zimbabwe và Bangladesh, trong khi Trung Quốc đứng thứ 33 (WEF).

Tham nhũng mang tính hệ thống ở Việt Nam thường bao gồm mấy loại chính: tiền bôi trơn để chạy việc cho nhanh hơn, lấy của công làm của tư trái phép, bán chức quyền.

Dù các lãnh đạo cấp cao nói nhiều về chống tham nhũng, nhưng thực tế ít có sự chuyển đổi về cơ chế nào để ngăn chặn tham nhũng trong tương lai. Theo giới phân tích, các vụ việc bị lộ ra ánh sáng chủ yếu là do động cơ ghi điểm, trục lợi riêng, thay vì trung thành với đảng hay để thể chế hóa vững mạnh. Một khi đã giải quyết xong một vụ việc, các quan chức không có nỗ lực xây dựng thêm các cơ chế để ngăn chặn tham nhũng trong tương lai. Không những thế, họ còn ban hành thêm quy định nhằm hạn chế quyền tiếp cận thông tin của người dân – yếu tố quan trọng để phát hiện tham nhũng.

RA CHÍNH SÁCH NHƯNG ÍT HIỆU QUẢ

Trên các diễn đàn công khai, vấn đề chống tham nhũng luôn là chủ đề từ giữa thập niên 1990 đến nay. Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn kiện, luật lệ, cũng như bắt một số cán bộ cấp cao.

Các văn bản như Quyết định 240/HĐBT (1990) và Quyết định của thủ tướng 114/TTg (1992) có đề cập đến mối nguy hiểm của các hành vi buôn lậu và tham nhũng vốn đang lan rộng ở Việt Nam. Sau đó là Chỉ thị Chống tham nhũng năm 1998, Chỉ thị Chống tham nhũng sửa đổi năm 2003, Luật Thực hành Tiết kiệm, Chống Lãng phí năm 2005, và Luật Phòng chống Tham nhũng năm 2005.

Về bên Đảng, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương năm 2009 có đề cập đến vấn đề tham nhũng. Cũng trong năm 2009, Việt Nam thông qua Công ước của Liên Hợp Quốc về Chống Tham nhũng.

Trong quá trình vận động gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) từ 2001 tới 2007, Việt Nam cũng xây dựng thêm một số khung luật lệ chống tham nhũng. Quan trọng nhất là Luật Chống Tham nhũng 2005, hình sự hóa một số hành vi tham nhũng, buộc công khai tài sản đối với cán bộ nhà nước, và bảo vệ người cung cấp thông tin. Cùng năm, Việt Nam cũng ra Luật Đấu thầu. Đây là một dấu mốc quan trọng vì khâu đấu thầu được coi là nguồn dễ xảy ra tham nhũng nhất.

MỘT DẤU HIỆU CHUYỂN HƯỚNG TỪ 2017 – 2018

Ít nhất tính tới năm 2016, thời điểm và bản chất của các vụ chống tham nhũng mang đậm màu sắc quan chức chớp bu đầu đá nội bộ. Nghiên cứu cho thấy Đảng Cộng sản thực hiện các đợt điều tra tham nhũng trùng vào lúc các địa phương và các bộ chọn đại biểu dự đại hội đảng. Sau đại hội thường có ít hơn hẳn các vụ điều tra xử lý tham nhũng. Về bản chất, điều tra và xử lý tham nhũng thường là phương tiện để loại bỏ bớt cạnh tranh giữa các nhóm trước khi vào đại hội.

Trước năm 2017, trong số các vụ nổi cộm như Tân Bình Tamexco (1996), Năm Cam (2003), PMU 18 (2006), Vinashin và Vinalines (2011-2012), không có vụ việc nào được điều tra hay kiểm soát một cách có hệ thống, mà chỉ từ những duyên cớ như đánh bạc, quản lý kém. Bởi vậy, phản ứng của các quan chức là mang tính đối phó, chỉ điều tra một cáo buộc nhất định. Sau mỗi vụ như vậy không còn hoạt động điều tra mở rộng nào.

Việc chống tham nhũng từ năm 2017 – 2018, qua những vụ như Tập đoàn Dầu khí PetroVietnam, Ngân hàng OceanBank, và Công ty Cổ phần Xây dựng PetroVietnam, có thể có tín hiệu khác. Về tính thời điểm, hai vụ này có khác các vụ trước là xảy ra trong giai đoạn đầu của nhiệm kỳ lãnh đạo mới, thay vì ngay trước đại hội đảng như các vụ trước.

Thêm nữa, đợt chống tham nhũng này có dấu hiệu khác với các đợt trước, là

không chỉ bắt một số người đứng đầu, mà còn đưa ra thêm một số quy định chính sách mới, khuyến khích giám sát, công khai thêm thông tin. Tất nhiên, đây chỉ là một vài dấu hiệu ban đầu. Chúng ta nên rất cẩn trọng để xem xét ý nghĩa thực sự của các quy định mới.

Nhìn chung, mặc dù Việt Nam ban hành nhiều luật lệ về chống tham nhũng, các loại luật lệ này không giúp cải thiện vấn đề tham nhũng là mấy trong nhiều năm qua. Sở dĩ tham nhũng còn hoành hành như vậy là vì các luật chống tham nhũng còn rất yếu, gặp nhiều mâu thuẫn trở ngại khi thi hành, thiếu minh bạch và không có cơ chế bảo vệ người tố cáo.

Bên cạnh vấn đề thực thi, có hai lý do căn bản khiến cho các nỗ lực chống tham nhũng trên giấy tờ ít khi mang lại kết quả thực chất.

Thứ nhất, Việt Nam không động chạm vào vấn đề bản chất của tham nhũng. Việc bổ nhiệm quan chức vào các chức vụ cao cấp trong chính quyền thường cần có một khoản tiền lớn, có thể lên đến nhiều triệu đô la. Khi một người đã “chạy” được chức vụ này, họ không có động cơ gì để thay đổi lại chính cơ chế tham nhũng đã đưa mình lên. Thậm chí, họ còn tìm cách ép cấp dưới tham nhũng và đưa hối lộ để thu hồi vốn.

Thứ hai, không giống các quốc gia đã thành công về giảm thiểu tham nhũng, Việt Nam không bao giờ đầu tư nguồn lực đủ lớn để kiểm toán, điều tra tham nhũng ở một bộ, một cơ quan, hay một ngành nào. Rất ít có nỗ lực nào đáng kể để xây dựng các cơ chế bền vững để giảm thiểu tham nhũng. □



Hình ảnh Tôn Trung Sơn và bài xã luận trên tờ Dân Báo năm 1905 về “Chủ nghĩa Tam Dân” (Đây là lần đầu tiên các ý tưởng được trình bày bằng văn bản. Khái niệm đầu tiên xuất hiện trên tờ Dân Báo năm 1905 là “Tam đại chủ nghĩa” (三大主義, Ba nguyên tắc lớn) thay vì “Tam Dân chủ nghĩa” (三民主義) như ngày nay.); và trang đầu tiên của bản Hiệp pháp Trung Hoa Dân Quốc năm 1947. Nguồn ảnh: Shanghai Museum. Đồ họa: Thanh Tường/Luật Khoa.

DÂN CHỦ HÓA TẠI ĐÀI LOAN – KỲ 1: HỌC THUYẾT TÔN TRUNG SƠN VÀ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG LẬP HIẾN

Dương Ngọc Thanh Thiên

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 24/07/2025.

Từ một hòn đảo từng là thuộc địa, Đài Loan đã trở thành một trong những nền dân chủ ổn định và năng động bậc nhất châu Á. Sự chuyển mình đó không diễn ra trong một sớm một chiều mà là kết quả của một quá trình cải cách thể chế kéo dài nhiều thập niên, trong đó nổi bật là bảy lần tu chính kể từ khi ban hành bản Hiến pháp Trung Hoa Dân Quốc năm 1947.

Chuỗi bài viết này nhằm làm rõ con đường dân chủ hóa của Đài Loan thông qua lăng kính hiến pháp, cụ thể là quá trình sửa đổi hiến pháp (tu chính) và những thay đổi thể chế gắn liền với nó. Việc phân tích các tu chính án không chỉ giúp hiểu rõ hơn về cách Đài Loan cải tổ hệ thống chính trị, mà còn làm sáng tỏ mối quan hệ giữa thể chế pháp lý và tiến trình dân chủ hóa trong bối cảnh

Đông Á. Tại thời điểm mà các nền dân chủ đang gặp thách thức ở nhiều nơi như hiện nay, nhìn lại quá trình cải cách hiến pháp ôn hòa của Đài Loan là một việc cần thiết.

Loạt bài sẽ được chia thành nhiều kỳ, mỗi kỳ đi sâu vào một khía cạnh cụ thể, bắt đầu từ tư tưởng lập hiến của Tôn Trung Sơn – nền tảng tư tưởng của Hiến pháp 1947 – cho đến trình bày thiết chế nhà nước được quy định trong bản hiến pháp này, bối cảnh của thời kỳ thiết quân luật, vai trò của các phong trào xã hội dân sự, và quá trình hình thành một thể chế dân chủ hiện đại tại Đài Loan, thông qua bảy lần tu chính.

HỌC THUYẾT TÔN TRUNG SƠN VÀ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG LẬP HIẾN ĐÀI LOAN

Nổi bật lên giữa các nhà tư tưởng chính trị thời kỳ Thanh mạt, Tôn Trung Sơn được xem là “Quốc phụ của Trung Quốc hiện đại” (The Father of Modern China) vì sức ảnh hưởng tư tưởng của ông đối với các nhà cách mạng thời đầu ở cả hai phe Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản. [1]

Vì lẽ đó, dù không sinh ra và hoạt động chính trị tại Đài Loan, Tôn Trung Sơn vẫn được coi là người đặt nền móng tư tưởng cho nền cộng hòa và thiết chế lập hiến của đảo quốc do Quốc dân Đảng lập nên này. [2] Minh chứng rõ nét nhất chính là Hiến pháp Trung Hoa Dân Quốc 1947 – bản hiến pháp đầu tiên của Đài Loan – được xây dựng trên cơ sở học thuyết chính trị mà ông đề xướng.

Trong suốt quá trình dân chủ hóa tại đảo quốc Đông Á, từ việc dỡ bỏ thiết quân luật đến bảy lần tu chính, các tranh luận và cải cách đều diễn ra trong khuôn khổ thể chế mà bản hiến pháp này đặt ra. Vì vậy, để hiểu được con đường cải cách hiến pháp và dân chủ hóa tại Đài Loan, việc tìm hiểu nền tảng tư tưởng lập quốc và lập hiến của Tôn Trung Sơn là bước khởi đầu cần thiết.

Kỳ đầu tiên trong chuỗi bài viết này sẽ tập trung vào ba tư tưởng chính yếu của ông: Học thuyết Tam Dân, mô hình ngũ quyền phân lập, và ba giai đoạn tái kiến quốc. Đây cũng chính là ba trụ cột định hình nên hệ thống chính trị của Trung Hoa Dân Quốc cả buổi sơ khai lẫn thời hiện tại.

1. HỌC THUYẾT TAM DÂN

Học thuyết Tam Dân đề cập đến ba khái niệm cùng bắt đầu bằng chữ “dân” mà Tôn Trung Sơn xem là ba điều kiện cốt lõi của một nhà nước dân chủ, bao gồm dân tộc (people’s nationalism), dân quyền (people’s sovereignty), và dân sinh (people’s livelihood). [3] Việc đề xuất bộ ba khái niệm này xuất phát từ quan sát thực tế của Tôn Trung Sơn về các nhà nước phương Tây xét trong so sánh với Trung Quốc. Ông cho rằng các hiến pháp của xã hội phương Tây nhấn mạnh đến việc bảo vệ quyền tự do cá nhân vì người dân trong các xã hội này từng sống dưới các chế độ chuyên chế với quyền tự do bị bóp nghẹt. Trong khi các chế độ quân chủ Trung Quốc không quan tâm gì ngoài việc thu đủ thuế và vì thế người dân đã có sẵn các quyền tự do.

Khái niệm “dân tộc” để chỉ quyền tự do của quốc dân hay của một quốc gia (xét như một tổng thể, không phải các cá nhân riêng lẻ). Theo đó, một dân tộc chỉ độc lập và hùng mạnh nếu dân tộc ấy được toàn quyền tự do. Để có được điều này, quyền tự do của các cá nhân riêng lẻ có thể không được toàn vẹn, mà sẽ phải bị giới hạn phần nào.

Còn “dân quyền”, theo Tôn Trung Sơn, “đó là quyền kiểm soát việc nước của tất cả nhân dân”, tức chủ quyền nhân dân trong việc thành lập và kiểm soát một chế độ dân chủ, để từ đó chính quyền trở thành “một thứ của nhân dân và do nhân dân”. [4]

Trong khi đó, khái niệm “dân sinh” nói đến các phúc lợi của nhân dân, đặc biệt là đất đai, thức ăn, và quần áo. Tôn Trung Sơn xem đây chính là thành tố quan trọng nhất trong học thuyết Tam Dân, bởi nó mang ý nghĩa đại biểu cho hạnh phúc của nhân dân.

Theo Tôn Trung Sơn, mục tiêu cuối cùng của một cuộc cách mạng và một chính quyền dân chủ là đem lại hạnh phúc cho người dân, như lý tưởng mà chủ thuyết Tam Dân hướng tới. Ông viết:

“Những ai tâm huyết với việc mang lại lợi ích cho người khác luôn vui vẻ hy sinh chính bản thân mình. Khi triết lý này lan tỏa, những người có trí tuệ và tài cán rất sẵn lòng sử dụng năng lực của mình để phụng sự cho phúc lợi của người khác, và cũng từ đó, các tôn giáo của tình yêu thương cùng các tổ chức thiện nguyện có thể phát triển...”

Nhưng riêng sức mạnh tôn giáo thôi thì không đủ, và chỉ mỗi lòng nhân đạo cũng không thể cứu chữa cái ác. Vì vậy chúng ta phải tìm kiếm một cuộc cách mạng từ gốc rễ, phải thực hiện một cuộc cách mạng, lật đổ chế độ chuyên quyền, nâng cao nền dân chủ và san bằng mọi bất công [...] Mọi người nên xác định mục tiêu là phụng sự, chứ không phải bóc lột. Những người có trí tuệ và tài năng xuất chúng nên phụng sự hàng nghìn, hàng vạn người trong giới hạn năng lực của họ, và giúp cho hàng nghìn, hàng vạn người được hạnh phúc.” [5]

2. NGŨ QUYỀN PHÂN LẬP

Ngũ quyền phân lập là mô hình nhà nước được phân chia thành năm nhánh quyền lực. Tôn Trung Sơn đề xuất năm nhánh quyền lực này bao gồm: lập pháp, hành pháp, tư pháp, giám sát, và khảo thí. [6] Cụ thể, nhánh lập pháp nắm quyền làm luật; nhánh hành pháp nắm quyền thi hành luật và điều hành chính phủ; nhánh tư pháp nắm quyền xét xử và giải thích hiến pháp; nhánh giám sát nắm quyền luận tội và thanh tra; nhánh khảo thí nắm quyền tuyển dụng công chức.

Đây là mô hình nhà nước kết hợp giữa học thuyết tam quyền phân lập của Montesquieu và mô hình truyền thống Trung Hoa. Giải thích cho cách kết hợp này, Tôn Trung Sơn cho rằng mô hình của phương Tây không thể tách quyền luận tội khỏi nhánh lập pháp và nó thiếu quyền sát hạch công chức để tuyển chọn những người tài và có năng lực.

Trong khi đó, mô hình truyền thống Trung Hoa thiếu sự phân chia quyền lực giữa ba nhánh lập pháp, hành pháp, và tư pháp vì chúng tập trung tất cả vào tay hoàng đế, nhưng mô hình này có hai cơ quan độc lập với ba nhánh quyền lực vừa nêu, là Ngự Sử Đài (nắm vai trò can gián vua và đàn hặc quan lại) và Bộ Lễ (có vai trò tổ chức thi cử và tuyển dụng quan lại).

Trên thực tế, cả Ngự Sử Đài và Bộ Lễ đều là các cơ quan quyền lực của nhà vua chứ không độc lập như Tôn đã nói, và về sau ông cũng đã nhận ra điều này. Vì thế, lý thuyết ngũ quyền phân lập mà ông đề nghị thực ra chỉ là nỗ lực nhằm chia nhỏ quyền lực tuyệt đối của nhà vua, hướng tới tạo ra một nhà nước dân chủ mạnh mẽ, hiệu quả và có trách nhiệm dưới sự giám sát của nhân dân.

3. BA GIAI ĐOẠN TÁI KIẾN QUỐC

Ba giai đoạn tái kiến quốc là một nguyên tắc được Tôn đề nghị vào năm 1923 nhằm xác định một đường hướng chiến lược cho xây dựng nhà nước. [7] Cụ thể, ba giai đoạn này bao gồm quân chính (military government), huấn chính (political tutelage), và hiến chính (constitutional government).

Giai đoạn đầu tiên là một quá trình “giải cấu trúc”, bao gồm giải thể các cơ quan quyền lực của chính quyền quân chủ và áp đặt chế độ thiết quân luật. Giai đoạn thứ hai là bước chuyển tiếp kéo dài 6 năm, bao gồm việc ban hành một hiến pháp lâm thời có hiệu lực ở cấp tỉnh nhằm quy định quyền và nghĩa vụ của

người dân cùng với quyền hành pháp của các chính quyền cấp tỉnh. Sau khi các tỉnh đã thiết lập chính quyền tự chủ, giai đoạn cuối cùng sẽ bắt đầu. Trong giai đoạn cuối cùng, một chính quyền hiến định sẽ được thành lập trên toàn quốc, một bản hiến pháp thành văn sẽ được ban hành, quy định đầy đủ chủ quyền của nhân dân. Một chính quyền dân chủ sẽ được thiết định mà trong đó các nhánh quyền lực sẽ được tách biệt, và đảm bảo người dân sở đắc các quyền chính trị cơ bản.

Quan điểm của ông về ba giai đoạn tái kiến quốc phản ánh bối cảnh lịch sử đương thời, khi Trung Quốc đang vừa phải vật lộn với tình hình chính trị nội địa rối ren, vừa phải đối mặt mối đe dọa của chủ nghĩa đế quốc từ các cường quốc bên ngoài. Tôn Trung Sơn thấy rõ, khi xung đột giữa phe bảo hoàng với các phe cải cách và phe cách mạng vẫn chưa được giải quyết thì một sự đồng thuận trong toàn xã hội gần như là điều không thể nào đạt được. Vì thế, cũng không thể ngay lập tức có được một bản hiến pháp để thiết lập một luật chơi chính trị trong cả nước. Do đó, theo ông, quá trình lập hiến phải tiến hành từng bước, bắt đầu từ các bước chuyển tiếp nhằm thiết lập một số điều kiện căn cơ, như tạo dựng sự đồng thuận xã hội đối với luật chơi mới. Sau đó, mới đến các bước thiết lập dần một trật tự hiến pháp ổn định.

Quan điểm của Tôn Trung Sơn về ba giai đoạn kiến quốc có thể vẫn còn gây nhiều tranh cãi, nhưng ý kiến của ông không phải hoàn toàn vô lý. Hơn 60 năm sau khi ông đề xuất tư tưởng này, Lưu Hiểu Ba, một nhà hoạt động nhân quyền người Trung Quốc đã bày tỏ nuôi

tiếc khi dân tộc Trung Quốc để vụt mất cơ hội chuyển mình triệt để theo những giá trị mới của thời đại mà phương Tây mang lại. Lưu Hiểu Ba phát biểu rằng:

“Hong Kong cần 100 năm để trở thành như bây giờ [chế độ dân chủ]. Còn đối với Trung Hoa rộng lớn, chắc chắn nó cần 300 năm thuộc địa để trở thành Hong Kong như ngày nay. Tôi thậm chí còn nghi ngờ liệu 300 năm có đủ không.” [8]

Cần lưu ý là Lưu Hiểu Ba không cổ vũ cho chế độ thực dân, ông chỉ dùng cách ví von trên để cho thấy nếu dân tộc Trung Quốc muốn đạt được một thể chế pháp trị như Hong Kong, thì việc cải cách tư duy và tiếp nhận các giá trị Tây phương là điều cần thiết. Theo đó, một giai đoạn huấn chính như Tôn Trung Sơn đề nghị chính là chiếc chìa khóa để mở ra một não trạng mới cho toàn xã hội. Bởi khi đề xuất giai đoạn này, ông đã thấy rõ nếp tư duy và hành xử của người Trung Quốc bấy giờ đã bị ảnh hưởng quá nặng nề bởi chế độ quân chủ chuyên chế.

Chính ba học thuyết chính trị chủ đạo của Tôn Trung Sơn mà bài viết vừa tóm tắt trên, gồm thuyết Tam Dân, thuyết Ngũ quyền phân lập và thuyết Ba giai đoạn tái kiến quốc, đã đặt nền tảng lý luận trọng yếu cho bản hiến pháp đầu tiên của nhà nước Trung Hoa Dân Quốc. Trong kỳ tới, tác giả sẽ trình bày những khía cạnh tiêu biểu trong bản hiến pháp này. □

CHÚ THÍCH

1. Bui, Son Ngoc, Sun Yat-Sen's Constitutionalism (2016). *Giornale di storia costituzionale/Journal of Constitutional History*, Vol. 32/II, 2016, <http://dx.doi.org/10.2139/ssrn.2909011>, pp. 157-179.
2. Founding father-ROC introduction | Office of the President of the Republic of China (Taiwan). (n.d.). Retrieved from <https://english.president.gov.tw/page/49> Date accessed: 2025, July 7.
3. Bui, Son Ngoc, Ibid, p. 167.
4. Bui, Son Ngoc, Ibid, p. 168.
5. Bui, Son Ngoc, Ibid, pp. 167-168.
6. Bui, Son Ngoc, Ibid, p. 171.
7. Bui, Son Ngoc, Ibid, p. 165.
8. Sautman, B., & Hairong, Y. (2010, December 15). Do supporters of Nobel winner Liu Xiaobo really know what he stands for? *The Guardian*. Retrieved from <https://www.theguardian.com> Date accessed: 2025, July 7.



Nguồn ảnh: Corbis, AP. Đồ họa: Thiên Tân/Luật Khoa.

TƯ DUY “HOẶC BẠN, HOẶC THÙ” VÀ SỰ SỐNG DAI CỦA MỘT CÂU VẦN THỜI CHIẾN

Thúc Kháng

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 25/06/2025.

Trên cái cõi mạng ồn ào, mỗi lần có ai đó được tung hô nhưng rồi lại bị “khui” ra là từng phê phán chính quyền, hay tệ hơn – chỉ là cháu chắt của một cựu quan chức Việt Nam Cộng hòa – thì cả đám đông sẽ cùng lúc tụng một câu thể này: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.”

Câu này, nguyên bản đến từ miệng ông Hai – nhân vật trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân, một tác phẩm được đưa

vào chương trình Ngữ Văn cấp 2. Ông Hai đã thốt ra câu trên khi nghe tin làng mình bị quân Pháp chiếm, ông nghi ngờ rằng dân làng đã theo Tây. Đứng trước lựa chọn giữa làng hoặc cách mạng, ông đã chọn cách mạng.

Ngày đó, tôi được dạy rằng cái “thù” của ông Hai là thứ “thù yêu nước”, là sự vĩ đại của tinh thần dân tộc. Nhưng tôi nhìn mãi cũng không thấy nó vĩ đại chỗ nào, ngày ấy không thấy, hôm nay vẫn vậy.

Hồi ấy, tôi ngây thơ nghĩ rằng đó chỉ là vài dòng chữ trong sách, đọc xong thì quên. Nhưng nào ngờ chính những dòng chữ đó lại là con dao mà chúng tôi – cả một thế hệ – dùng để đâm nhau, nhân danh lòng “yêu nước”.

Nếu trong thời chiến, cái tư duy “yêu – thù” ấy còn có thể gượng gọi là hiểu được, thì khi đất nước đã không còn chiến tranh như hôm nay, nó lại hóa thành một thứ bệnh. Thứ bệnh mà người mắc không biết mình bệnh và họ sẵn sàng công kích, chửi rủa bất kỳ ai hay bất kỳ điều gì mà họ cho là “phản động”, là “theo Tây”.

Đó là một kiểu tư duy nhị nguyên đã ăn sâu vào tiềm thức tập thể, thứ tư duy chia thế giới thành hai chiến tuyến rõ ràng: hoặc bạn, hoặc thù, không có lưng chừng.

Bi kịch của lối tư duy này nằm ở sự đơn giản hóa đến mức tàn nhẫn các mối quan hệ xã hội. Nếu anh không giống tôi, không ủng hộ tôi, không tin những điều tôi tin, thì mặc nhiên anh là kẻ chống đối.

Cách nhìn này không chỉ triệt tiêu khả năng chung sống trong khác biệt, mà còn phá hủy không gian công cộng, nơi lẽ ra người ta lắng nghe ý kiến mà mình không quen, không thích, hoặc không đồng tình. Vậy là không gian chung dần biến thành nơi để khẳng định lập trường, chứ không phải để đối thoại.

Tôi thường nghĩ về thế hệ mình – một thế hệ lớn lên cùng những bài học được biên soạn trong thời bình, nhưng lại nồng nặc mùi thời chiến. Từ sách Ngữ Văn đến sách Lịch sử, không thiếu

những câu chuyện, nhân vật được phân định rạch ròi giữa hai phe, giữa “cách mạng” và “ngụy”, giữa “Tây” và “ta”.

Và điều đó không chỉ tồn tại trong sách. Nó được minh chứng rõ ràng trong thực tế chính trị.

Nhân chuyện sửa Hiến pháp đang diễn ra, ta có thể nhắc lại chuyện này: khi Hiến pháp được lấy ý kiến sửa đổi vào năm 2013, một bộ phận lớn người dân, trí thức và các nhóm xã hội dân sự đã góp ý bãi bỏ hoặc sửa đổi Điều 4 – điều khoản quy định sự độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Đáp lại, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tuyên bố rằng những ý kiến ấy là biểu hiện của “suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống”, và rằng cần phải “quan tâm xử lý những điều đó”.

Không đối thoại. Không tranh luận. Chỉ có kết luận và cảnh cáo.

Rốt cuộc, bản Hiến pháp năm đó vẫn giữ nguyên Điều 4. Và thông điệp được gửi đi rất rõ: bất đồng chính kiến không được xem là đóng góp, mà là mối nguy.

Chính điều này, vào một thời điểm nào đó, đã khiến ngay cả tôi cũng quên mất rằng: một xã hội trưởng thành không phải là xã hội đồng thanh, mà là xã hội biết sống chung với những bất hòa. Đa dạng tư tưởng không chỉ là điều tốt về mặt dân chủ – nó còn là một dấu chỉ của một nền đạo đức trưởng thành.

Một điều tưởng như hiển nhiên, nhưng hiếm khi được thừa nhận: yêu nước không phải là triệt tiêu sự khác biệt. Càng không thể đồng hóa lòng yêu nước

với lòng căm ghét những người có quan điểm đối lập.

Đến như Hồ Chí Minh cũng từng nhận xét về Ngô Đình Diệm rằng: “Ông ấy yêu nước theo cách của ông ấy.” Đó là một sự nhận xét tôn trọng tính đa dạng của lòng yêu nước, không phải cứ yêu theo cách của mình mới gọi là yêu, còn yêu theo cách của họ thì là phản động.

Chúng ta không thể tiếp tục sống và suy nghĩ theo kiểu “làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Vì nếu một đất nước muốn “vươn mình”, thì nó phải biết tha thứ, phải học cách chấp nhận quá khứ đa chiều và mở ra một tương lai cho sự khác biệt.

Tôi nghĩ có lẽ sẽ đến lúc nào đó, câu nói của ông Hai trở về đúng vị trí của nó: một vết cắt lịch sử. Nó nên được đọc như một biểu hiện của sự giằng xé trong chiến tranh, chứ không phải một khuôn mẫu để áp lên đời sống hôm nay.

Hồi ấy, khi còn đi học, mỗi lần được giao viết bài nghị luận về câu nói của ông Hai, tôi đã muốn viết khác đi. Nhưng tôi biết rõ một đứa trẻ trên vai đeo khăn quàng đỏ không được nghĩ khác sách giáo khoa, tất cả những gì nó có thể làm là sự tán thành tuyệt đối.

Giờ nghĩ lại, nếu ngày đó tôi thực sự viết ra những gì mình nghĩ, có lẽ tôi cũng lãnh chung số phận như cậu thí sinh Olympia từng phát ngôn về đảng, rồi bị mọi người xem như là “theo Tây” để “phải thù”.

Câu nói của nhân vật ông Hai đã tồn tại hơn bảy thập kỷ. Nhưng tiếc rằng nó không sống như một câu văn đơn thuần mà lại sống như một công cụ để nhiều người loại trừ lẫn nhau. □



Nguồn ảnh bìa sách: Công ty Sách Tao Đàn, Nhà xuất bản Hội Nhà Văn.

DIÊM LIÊN KHOA VÀ MÀN CHẤT VĂN LỊCH SỬ – CHÍNH TRỊ TRUNG QUỐC BẰNG TIỂU THUYẾT GIẢ TƯỢNG

Hoàng Hải

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 24/6/2025.

Thông qua những mô tả về hiện thực Cách mạng văn hóa, Tứ thư của Diêm Liên Khoa đã công khai thách thức những diễn ngôn chính trị và lịch sử của nhà cầm quyền Trung Quốc, bất chấp việc chủ đề này vẫn luôn bị xem là nhạy cảm.

Dưới làn tuyết mùa đông phủ trắng mênh mang đôi bờ Hoàng Hà, sắc đỏ rực rỡ của lớp lớp hoa giấy và ngôi sao năm cánh danh dự hiện lên cùng với bóng người thấp thoáng...

Một nhà văn viết sách đầu tổ bè bạn, một nữ nhạc sĩ bán dâm, một nhà ngôn ngữ học bị tước quyền lên tiếng, một nhà tôn giáo học móc mắt Đức mẹ Maria, một học giả ăn thịt người.

Đó là cách giới trí thức Trung Hoa được khắc họa trong *Tứ thư*, tác phẩm từng gây chấn động văn đàn trong và ngoài nước của Diêm Liên Khoa. Tác phẩm này tạo nên sức ảnh hưởng vì đã dám lên tiếng về Cách mạng văn hóa – một thời kỳ lịch sử đáng quên của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Bộ tiểu thuyết thuật lại đời sống của tập thể trí thức trong khu cải tạo Dục Tân, nơi làm nhiệm vụ giáo dục lại và rèn giũa lại những thành phần “phản động” hoặc “có khuynh hướng tư sản”. Tại nơi đây, vì tự do và mạng sống mà bao bậc “chính nhân quân tử” chấp nhận đánh đổi nhân tính để trở thành những kẻ phạm phu hám lợi, tục tử hạo danh.

Thông qua những mô tả đó, có thể thấy *Tứ thư* đã nỗ lực đặt lại câu hỏi về bản chất thiện – ác của con người. Mặt khác, tác phẩm gián tiếp thách thức diễn ngôn chính trị và diễn ngôn lịch sử của nhà cầm quyền tại Trung Quốc, nơi mà cho đến tận ngày nay, Cách mạng văn hóa vẫn còn là một chủ đề nhạy cảm. Đảng Cộng sản nước này tới nay vẫn chỉ xem đây là “một sai lầm vô tình trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội”.

Cách mạng văn hóa là phong trào do Mao Trạch Đông khởi xướng, kéo dài từ năm 1966 đến khi ông mất vào năm 1976. Với niềm tin Đảng Cộng sản Trung Quốc đang đi chệch khỏi con đường chủ nghĩa xã hội, Mao khởi động việc thanh trừng các yếu tố bị xem là không “thuần túy” ra khỏi xã hội Trung Quốc đương thời. Song, động cơ thật sự của phong trào này là nỗ lực khôi phục quyền lực đang ngày một lao dốc của Mao sau thất bại của hai cuộc Đại nhảy vọt. Cách

mạng văn hóa đã kết thúc cùng với hậu quả là hàng triệu người đã bỏ mạng, nhiều công trình kiến trúc mang giá trị lịch sử – văn hóa bị phá hủy, kinh tế và xã hội rơi vào trì trệ kéo dài.

Không phải Đảng Cộng sản Trung Quốc chưa bao giờ thừa nhận sai lầm của Cách mạng văn hóa. Đặng Tiểu Bình từng nhận định: “Cách mạng văn hóa là một sai lầm. Chúng ta phải mạnh dạn chối bỏ sai lầm này của Mao trong những năm tháng cuối đời của ông.” Tuy nhiên, các cuộc thảo luận công khai mang tính phê phán vẫn bị cấm đoán; các nghiên cứu lịch sử, chính trị hay văn học – nghệ thuật còn chịu kiểm duyệt gắt gao. Dưới áp lực kiểm duyệt, giới trí thức Trung Quốc bắt đầu tìm đến văn học – nghệ thuật như một con đường khác để đối mặt với ký ức chính dân tộc mình.

Vào những năm 1980, văn đàn Trung Quốc bắt đầu xuất hiện những truyện ngắn, tiểu thuyết khai thác đề tài Cách mạng văn hóa. Điểm chung của các tác phẩm này là đều xoay quanh chấn thương và ký ức cá nhân, không có tính đại diện cho một cộng đồng hay giai đoạn lịch sử. Phải đến thời đại của Diêm Liên Khoa, văn học mới dám chất vấn nguồn gốc sâu xa của những chấn thương đó: Cách mạng văn hóa là sai lầm vô tình hay hậu quả tất yếu của một hệ thống chính trị đã suy thoái? Ai là nạn nhân, ai là đồng phạm?

Nếu *Tứ thư* của Nho gia là bốn quyển sách dạy ta về cốt cách làm người và phương lược trị quốc, thì *Tứ thư* của Diêm Liên Khoa lại là bốn quyển sách mô tả quá trình suy thoái kinh tế, chính trị, và nhân tính con người. Tác phẩm

trộn lẫn bốn mạch kể song song, cùng tường thuật lại một chuỗi sự kiện nhưng lại từ bốn góc nhìn khác biệt:

1. *Con Trời* – quyển sách ghi chép chung về các sự kiện tại khu Dục Tân, sử dụng ngôn ngữ, biểu tượng và nhiều trích dẫn trực tiếp từ Sáng Thế Ký. Nhân vật Con Trời, lãnh đạo khu Dục Tân cũng lần đầu tiên xuất hiện trong mạch kể này. Hần được mô tả như một cậu bé ngây thơ và trong sáng, không hoàn toàn thiện cũng như ác nhưng lại một mực trung thành với chế độ. Chi tiết này là một cách giễu nhại mối quan hệ của những tay sai phe cánh Mao Trạch Đông và chính ông ta. Một mối quan hệ đậm đặc tính tôn giáo, nơi kẻ tín đồ hoàn toàn tin tưởng vào “thánh chỉ” mà không mấy may hoài nghi.
2. *Ghi chép về tội nhân* – bản đấu tố, tường thuật chi tiết các quan sát của nhân vật nhà văn về đời sống tại khu cải tạo, được viết theo yêu cầu từ cấp trên để đối phó những bông hoa đỏ tự do. Dưới con mắt đấu tố này, làm tình trở thành tội gian dâm, đọc tiểu thuyết Tây phương trở thành có ý đồ phản động.
3. *Dòng xưa* – vừa là nhật ký, vừa là chất liệu cho quyển tiểu thuyết cá nhân mà nhà văn thực sự muốn viết. Có lúc nó chép lại những dẫn vật lương tâm, trần trở về nhân tính và nghiệp viết, khát vọng tự do và sự sống, hay nỗi đau và bi kịch của những bè bạn mà chính nhà văn từng đấu tố.
4. *Thần thoại Sisyphus mới* – bản dẫn luận cho tập sách chưa hoàn thành

của nhân vật học giả. Cuốn sách kể về nhân vật Sisyphus trong một phiên bản của phương Đông, [*] dù vẫn là người bị buộc cả đời phải đẩy tảng đá từ trên đỉnh đồi xuống mặt đất chỉ để nhìn thấy nó tự động lăn về đỉnh đồi vào sáng hôm sau. Nhưng cuối cùng, nhân vật Sisyphus này đã bắt gặp ý hướng phồn thực và sức sống nơi một làng quê dưới chân núi, từ đó anh ta trở nên yêu thích công việc đẩy đá của mình.

Tuy cùng ghi chép về một hiện thực, mỗi mạch kể lại có những mục đích, phong cách, và tiêu chí lựa chọn khác nhau về việc điều gì đáng được ghi nhận, điều gì không. Như vậy, bốn mạch kể này có thể được nhìn nhận như bốn diễn ngôn lịch sử khác biệt có quan hệ với nhau.

Mối quan hệ giữa *Dòng xưa* và *Ghi chép về tội nhân* là sự mâu thuẫn giữa hai diễn ngôn lịch sử. Ở đó, *Ghi chép về tội nhân* là phiên bản lịch sử mang nhiệm vụ và lập trường chính trị. Nó cũng có được tính chính danh, được thừa nhận là phiên bản “chính sử” trong mắt cấp trên vì thực thi được nhiệm vụ chính trị này.

Trong khi đó, *Dòng xưa* lại là phiên bản lịch sử của một cá nhân, dẫn mang tính chủ quan, nhưng không có lập trường và nghĩa vụ chính trị. Chính vì không phải phiên bản lịch sử nào cũng thực hiện nhiệm vụ chính trị, chúng không hề có tính chính danh như nhau. Vì sao lịch sử bị bóp méo vì mục đích chính trị? Hậu quả của việc bóp méo đó là gì? Ai là người có quyền kiểm duyệt ký ức dân tộc?

Bằng cách xây dựng hai phiên bản lịch sử khác nhau, Diêm Liên Khoa đã tái hiện tình trạng rối loạn, mâu thuẫn của

toàn thể Trung Hoa trong việc lưu giữ ký ức của chính mình. Cũng như, ngầm khẳng định rằng, ai là người kiểm duyệt ký ức dân tộc, đứng sau sự mâu thuẫn và chúng quen lãng lịch sử tập thể đó chính là người mang tội ác.

Tứ thư, suy cho cùng, vẫn là một tác phẩm giả tưởng. Dù vậy, người ta vẫn không ngừng xem xét mối quan hệ của nó với hiện thực, và đặt ra những câu hỏi về thẩm quyền của cuốn tiểu thuyết này trong việc thách thức hay tái cấu trúc diễn ngôn chính trị – lịch sử Trung Hoa. Với tư cách độc giả, ta có quyền đọc tác phẩm như một thể giới giả tưởng, nơi mọi sự kiện, nhân vật, và biểu tượng đều là do sáng tạo của tác giả mà hình thành; ngược lại, ta cũng có quyền đọc nó như một sử liệu thứ cấp, một lăng kính để qua đó gián tiếp nhìn nhận lại phần ký ức đáng lẽ ra phải thuộc về mình. □

CHÚ THÍCH

[*] Sisyphus là một nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, là vị vua sáng lập nên thành quốc Ephyra. Do nhiều lần có những hành vi thách thức quyền uy của các vị thần, ông vua này chịu hình phạt cả đời phải lăn một tảng đá lên đỉnh đồi, chứng kiến tảng đá lăn trở lại mặt đất và rồi phải lăn nó trở lên. Án phạt mang tính bi kịch – phi lý này của ông đã trở thành nguồn cảm hứng cho triết gia Pháp Albert Camus viết nên tiểu luận triết học nổi tiếng *Thần thoại Sisyphus* (Le mythe de Sisyphe) xuất bản năm 1942.

Thần thoại Sisyphus bàn về bản chất phi lý của đời người, rằng con người luôn phải đối mặt sự mâu thuẫn và phân đôi giữa khát khao và hiện thực; phải sống với những chuỗi nghĩa vụ được định sẵn mà đa phần không thể thoát ly. Con người, giống như Sisyphus, chỉ có thể tự hài lòng – và tự tưởng tượng mình đang hài lòng – với những gì mình đang có, thậm chí với cả những án phạt mà cuộc đời đã ban cho.

Quyển thứ tư trong bộ tiểu thuyết của Diêm Liên Khoa được cho là đã lấy cảm hứng từ công trình này của Albert Camus. (Chú thích của BTV)

1. Tân Tử Lăng, *Mao Trạch Đông Ngàn Năm Công & Tội*. <https://ngheicuquocte.org/wp-content/uploads/2014/11/Mao-Tr%E1%BA%A1ch-%C4%90%C3%B4ng-ng%C3%A0n-n%C4%83m-c%C3%B4ng-t%E1%BB%99i.pdf>
2. Sebastian Veg, *The Routledge Companion to Yan Lianke: Creating a Literary Space to Debate the Mao Era*. <https://www.routledge.com/The-Routledge-Companion-to-Yan-Lianke/Moratto-YuenFungChoy/p/book/9780367700973>



Ảnh bìa sách: Les Indes savantes.



Chân dung André Menras – Hồ Cương Quyết.
Nguồn ảnh: VOV World.

ANDRÉ MENRAS VÀ HÀNH TRÌNH ĐI TÌM CÔNG LÝ CHO HOÀNG SA

Ái Thư

Bài đăng lần đầu trên luatkhoa.com
ngày 8/7/2025.

André Menras đã viết nên một thiên tự truyện có giá trị tư liệu quý, phản ánh hiện thực và quá trình tìm lại công lý cho ngư dân tại Hoàng Sa cùng nhiều nơi khác, bất chấp trở ngại từ cơ chế kiểm duyệt gắt gao và vô lý ở Việt Nam.

Cuốn sách *Vietnam: entre le meilleur et le pire – 50 ans de fidélité aux combats de ma jeunesse* (tạm dịch: “Việt Nam, giữa tốt đẹp và tồi tệ – 50 gắn bó với những cuộc đấu tranh suốt thời thanh xuân của tôi”) được xuất bản năm 2024 của tác giả André Menras vốn chỉ là một thiên tự truyện – hồi ký nhằm kể về cuộc đời của chính tác giả. Thế nhưng, tác phẩm thực tế đã có giá trị như một pho tư liệu xuất sắc về hiện thực công

lý và kiểm duyệt tại Việt Nam, đặc biệt là hiện thực tranh đấu, đòi lại quyền lợi cho những ngư dân Hoàng Sa nói riêng và những người dân sinh sống lênh đênh trên Biển Đông nói chung.

Cuốn sách có thể chia làm ba phần: phần một về quãng đời từ thời niên thiếu của tác giả, hành trình đến Việt Nam và trở thành một giáo viên dưới chính thể Sài Gòn. Phần hai kể về quãng đời của ông tại nước Việt thống nhất, quá trình đưa ông trở thành là nhà làm phim nghiệp dư đấu tranh cho công lý của Hoàng Sa. Phần ba kể về những dự án cá nhân của ông sau khi đã về hưu: nỗ lực thúc đẩy nhân quyền cho những đối tượng dễ bị tổn thương ở Việt Nam – nơi mà ông luôn xem là quê hương thứ hai của chính mình.

MỘT NGƯỜI PHÁP “VIỆT” HƠN KHÔNG ÍT NGƯỜI VIỆT

André Menras, sinh năm 1945 tại miền Nam nước Pháp, tốt nghiệp sư phạm năm 1967, năm 1968 đến Việt Nam, lần lượt dạy học tại Đà Nẵng, rồi Sài Gòn. Chỉ sau hai năm sau gắn bó với miền đất mới, André bắt đầu tham gia các phong trào phản chiến, ủng hộ Mặt trận Giải phóng miền Nam, bị chính quyền Sài Gòn bắt và bỏ tù hai năm rưỡi. Nhờ hiệp định Paris, ông được ra tù sớm, lập tức tham gia viết những đầu sách và đi diễn thuyết về vấn đề tù nhân chính trị.

Đó là hành trình đưa André thành trở một người Việt, thậm chí còn “Việt” hơn không ít người Việt khác khi dám thách thức quyền uy để đấu tranh cho hoà bình của xứ sở và dân tộc này, dù khác cả dòng máu, lẫn màu da và tiếng nói.

Có lẽ vì để khẳng định danh tính Việt Nam của mình, ông lấy tên là Hồ Cương Quyết. Sau chiến tranh Việt Nam, André trở lại Pháp dạy học, mãi đến năm 2002 mới trở lại Việt Nam và ở hẳn tại đây, tiếp tục sự nghiệp giáo dục thông qua Hiệp hội giao lưu phát triển giáo dục Pháp – Việt (ADEP) do ông sáng lập. Năm 2009, Hồ Cương Quyết chính thức nhập quốc tịch Việt Nam, sau 7 năm làm “công dân danh dự”.

André nhận thức được đặc quyền của mình để làm công việc thiện nguyện, lên tiếng thay cho những gia đình ngư dân sống trong nỗi sợ bị tấn công bởi người láng giềng khổng lồ và sự cưỡng chế ép phải im lặng từ chính quyền địa phương.

Những lợi thế mà ông xác định cho mình bao gồm: Thứ nhất ông có hộ chiếu Pháp, bởi vậy, Trung Quốc nếu dám bắt giữ ông thì phải đối mặt một số vấn đề ngoại giao. Thứ hai, ông có hộ chiếu Việt Nam, thành thạo tiếng Việt và không đại diện cho tổ chức nào, bởi vậy ông có thể đi lại và giao tiếp với người dân tương đối thoải mái.

CON ĐƯỜNG HOẠT ĐỘNG: TỪ GIÁM SÁT ĐẾN KIỂM DUYỆT

Mặc dù vậy, André kể, ông làm gì hay gặp ai cũng đều bị giám sát chặt chẽ. Không chỉ thế, ngay cả khi ông không gặp phải sự cấm đoán trực tiếp từ những lãnh đạo địa phương, thì lại phải nhận lấy sự im lặng bất ngờ từ người đã từng chia sẻ với ông nhiều điều, vì những sức ép và sự e ngại về vấn đề an ninh. Khi trình bày với các lãnh đạo cao cấp về việc bị an ninh theo dõi, ông chỉ luôn nhận được một lời giải thích quen thuộc: Họ được cử đi theo để bảo vệ ông.

Bức xúc trước những lời đáp như vậy, không ít lần tác giả đã thốt lên trong cuốn sách của mình: “Nhưng bảo vệ tôi khỏi những người dũng cảm dám kể chuyện với tôi ư? Những lời kể của những ngư dân thì nguy hiểm cho ai? Tôi coi sự bảo vệ này như một hình thức giam cầm trá hình và sẽ không bao giờ có thể chấp nhận điều đó. Đó là lý do tại sao tôi sẽ không bao giờ sống vĩnh viễn ở đất nước thứ hai của mình.”

Không một chút né tránh và nể nang, tác giả kể lại trong gần 400 trang sách hành trình thu thập tài liệu cho những cuốn sách và thước phim tài liệu giá trị của mình. Đó là những đối thoại với những trí thức hàng đầu Việt Nam,

hay những chuyến đi thực địa đảo Lý Sơn, nơi ông trò chuyện trực tiếp với những người ngư dân Quảng Ngãi thấp cổ bé họng. Đó là những cuộc trao đổi nhiệt huyết với kiều bào ở châu Âu, hay những cuộc đàm phán không mệt mỏi của ông với chính quyền địa phương và trung ương để được làm phim, rồi chiếu phim, viết sách, kể về những thân phận nhỏ bé không có cơ hội cất lên tiếng nói của nơi mà ông gọi là quê hương thứ hai của mình.

Nỗi ám ảnh dễ trông thấy trong nhiều chương sách của ông đó là sự kiểm duyệt tinh vi của chính quyền các cấp, cùng nỗi sợ hãi thường trực của người dân khi phải nói về chính những nỗi oan dai dẳng của mình.

Có lẽ, phần hay nhất của tác phẩm chính là câu chuyện kể về hành trình của ông, đi tìm công lý cho những ngư dân đảo Lý Sơn. Họ, trong hàng thập niên phải hứng chịu sự hung bạo của tàu Trung Quốc, lẫn sự nín lặng từ phía Việt Nam, phía mà mà đáng lý phải có trách nhiệm bảo vệ họ.



André Menras (áo đen, gơr trắng) tham gia trong một cuộc biểu tình phản đối hành vi của Trung Quốc trên biển Đông, vào ngày 1/7/2012. Nguồn ảnh: RFA.

NHỮNG TÍN HIỆU VUI ĐẦU

Và rồi, những hoạt động bền bỉ ấy của ông cũng đã tác động được đến giới cầm quyền, theo cách gián tiếp lẫn trực tiếp. Đã có những cuộc gặp gỡ giữa ông với các chính khách cấp cao Việt Nam trong những chuyến đi đến Hoàng Sa.

Khi có thể, André đều kiên trì giải thích cho bất cứ lãnh đạo địa phương hay trung ương về những bí kịch của những gia đình ngư dân Lý Sơn. Thậm chí, mỗi lần như vậy, ông đều chuẩn bị ra giấy những nội dung cần trình bày.

Nhưng tiếc thay, rất nhiều lần chính quyền cho thấy, họ tỏ ra lo ngại về thể diện hay uy tín của nhà nước Việt Nam, hay tính chính danh của chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa được chứng minh qua những phát hiện, điều tra của ông, hơn là lo toan cho những người dân xấu số.

Cuốn sách cũng tiết lộ những vấn đề nội bộ trong cách ứng phó của Việt Nam trước các hành động leo thang của Trung Quốc trên biển Đông. Đáng chú ý, tác phẩm đã ghi nhận được cộng đồng người Việt ở hải ngoại luôn có sự ủng hộ mạnh mẽ dành cho những ngư dân đang gánh chịu những bất công, cũng như với việc đấu tranh gìn giữ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Nhưng đáng buồn ở chỗ, như André đã chỉ ra, những sự ủng hộ này không có nghĩa là kiểu bào trong nước có lòng yêu nước và sự đồng cảm nhiều hơn; mà đơn thuần vì họ không gặp rào cản tiếp cận thông tin, không bị che mắt vì những động thái kiểm duyệt. Nhờ đó, họ thuận lợi hơn cho việc quyên góp, gây quỹ cứu trợ, khác với đa phần người dân trong nước.



André Menras – Hồ Cường Quyết – (áo thun đen, ở giữa) chụp ảnh cùng các ngư dân trên một chiếc ngư thuyền. Ảnh: Blog André Menras.

NHỮNG KHƯỚC TỪ TỪ NỖI SỢ KHÔNG TÊN

Những chuyến đi thực địa đã đem lại chất liệu quan trọng cho bộ phim tài liệu *Hoàng Sa – Việt Nam: nỗi đau mất mát*, hoàn thành năm 2011. Hành trình làm phim đầy gian truân, và việc đưa bộ phim đến với công chúng cả trong và ngoài nước cũng không kém phần thử thách. Dù từng được công chiếu hạn chế tại Việt Nam, đến thời điểm cuốn sách này ra mắt, bộ phim đã bị chính quyền cấm phổ biến trong nước.

Trớ trêu thay với André, bộ phim cũng không được đón nhận tại Pháp, quê hương của ông, do những mối âu lo khó gọi thành tên của cả người Pháp lẫn người Việt định cư tại nước này, về nỗi sợ làm “phật lòng” Trung Quốc. Người đọc sẽ không khỏi xót xa vì những sự thật đau thương phải bị giấu kín chỉ vì thể diện của những cá nhân có quyền lực.

Mỗi một chương sách là một câu chuyện buồn ở đất nước mà tác giả luôn xem là quê hương thứ hai. Tuy vậy, kết thúc câu chuyện, đầu đó vẫn hiện lên những niềm hy vọng của tác giả về một sự đổi thay. Bởi, như ta thấy, vẫn còn đó những trái tim nhân ái của người Việt năm châu, luôn hướng về quê nhà. Bên cạnh đó, sát cánh bên André và đầu đó khắp nơi, vẫn luôn có những người Việt dũng cảm đấu tranh mạnh mẽ, bất chấp những rủi ro chính trị, những mong khiến Việt Nam trở thành một quốc gia đáng sống hơn.

Câu chuyện của André Menras không chỉ cung cấp một pho tư liệu nghiên cứu về xã hội và con người Việt Nam, mà còn mang ý nghĩa của một lời kêu cứu tha thiết thay cho những người đồng hương bất hạnh của ông.

Tác giả đã chia sẻ nỗi đau với họ, và như ông khẳng định, ông sẽ còn tiếp tục đấu tranh cho họ. Sự nỗ lực ấy bất chấp tuổi tác đang già đi, bất chấp luôn những nỗi thất vọng ê chề trước hệ thống kiểm duyệt và náo trạng tự kiểm duyệt, vẫn đang hiện diện cả ở trong lẫn ở ngoài lãnh thổ Việt Nam, ngăn cản người Việt hiểu hơn về chính quê hương và đồng bào của mình. □

Số tháng Bảy, 2025

LUẬT KHOA

tạp chí

1520 E. Covell Suite B5 - 426, Davis, CA 95616

Văn phòng chính: Đài Bắc, Đài Loan

Tổng biên tập: Trịnh Hữu Long

Ban biên tập: Trần Quỳnh Vi, Phạm Đoan Trang

Mọi thắc mắc, góp ý xin gửi về: docgia@mail.luatkhoa.com